

Hồ Trường Khu Cơ

虎帳樞機

Đào Duy Từ



1974

HỒ TRƯỞNG KHU CƠ

LỜI NÓI ĐẦU

Để phát-triển một quân-đội lớn mạnh đặc-biệt thích-ứng với hiện-trạng của đất-nước, chúng ta không thể không nghiên-cứu thích-dụng những tư-tư-ởng quân-sự tiến bộ của thời-dại-mới, nhưng đồng thời cũng không thể không học tập và kế thừa những tư-tư-ởng quân-sự truyền thống của dân-tộc.

Nếu không chấp nhận tiến-bộ quân-đội sẽ tách rời khỏi thực-tế, sẽ trở nên lạc-hậu không theo kịp đà tiến của khoa-học kỹ-thuật, ngược lại nếu không chấp nhận truyền-thống quân-đội sẽ tách rời khỏi dân tộc, sẽ trở nên lạc lỏng với các mô thức phát-triển quân-đội, đường lối chiến-lược chiến-thuật mà phòng theo các nước ngoài hoàn toàn không phù-hợp với dân-tộc tính và phương-tiện quốc-phòng có giới hạn của nước ta hiện nay.

Các tư-tư-ởng quân-sự truyền-thống của dân-tộc ta được hun-đúc bằng kinh-nghiệm xương máu của ông cha ta qua hàng ngàn năm lịch-sử đã chứng nghiệm được giá trị thực sự của nó qua các thành quả chiến-thắng hiển hách tạo được trước các thế lực xâm-lãng hùng-mạnh của ngoại bang. Các tư-tư-ởng quân-sự đó một phần quan-trọng tiềm-tàng trong các binh thư và các bài cáo, bài hịch của các binh-gia danh tướng nước ta khi xưa.

Nhằm mục đích khai-quật kho tàng kinh-nghiệm quân-sự quý báu đó của tổ tiên, Bộ TTM/Tổng Cục Quân-Huấn cố-gắng tra-khảo, sưu-tập và cho ấn-hành các binh thư có giá trị của nước ta để làm tài-liệu học tập cho toàn quân.

Các binh thư mà chúng ta được biết qua các sách sử gồm có An-Nam hành-binh-pháp của Lý-Thường-Kiệt, Binh-Thư yếu-lược và Vạn-Kiếp tông bí truyền-thư của Trần-Hưng-Đạo, Hồ-Trưởng khu-cơ của Đào-Duy-Từ. Trong số sách hiếm hoi trên đây có một số bị thất-truyền chưa ai biết nội-dung ra sao, chỉ còn lại hai bộ sách Binh-Thư yếu-lược và Hồ-Trưởng khu-cơ nhưng chắc chắn cũng đã bị người đời sau sửa đổi thêm bớt ít nhiều. Bộ Binh-Thư yếu-lược của Trần-Hưng-Đạo đã được Trường Chí-Huy Tham-Mưu phiên-dịch và ấn-hành năm 1972, riêng quyển Hồ-Trưởng khu-cơ thì chưa có bản dịch chính thức nào, nên Bộ TTM/Tổng Cục Quân-Huấn tạm dùng bản dịch của ông Đỗ-Mộng-Khương để đáp ứng trong muôn một nhu cầu học hỏi của quân-đội ta hiện nay.

HỒ-TRƯỞNG KHU-CƠ có nghĩa là việc cơ yếu bị mật trong quân-đội Hồ-trưởng là môn cốp tức là bán-doanh của vị tướng soái vì nơi đây

có treo bức da cạp. Khu cơ là theo khóa của cái máy tức là phần trọng yếu chủ chốt trong một việc gì. Hồ-Trường Khu-cơ là một binh thư rất có giá trị được Đào-Duy-Từ soạn ra để dạy các tướng sĩ của Chúa Nguyễn xứ Đàng trong vào nửa đầu thế kỷ XVII.

Ông Lê-Phúc-Định tự Thủ Chấn, người có công kết-tập sách Hồ-Trường Khu-Cơ của Đào-Duy-Từ trước đây có viết lời tựa như sau: «Trên nhờ đi chỉ của tiên hiền, lại nhờ thần-cơ của bộn tể, tìm khắp sách lạ của thiên-hạ, xem hết điều lạ của xưa nay, rửa nghiên nhúng bút bài đề tên sách là Hồ-Trường Khu-Cơ huyền-diệu không so sánh được. Phàm các phép hòa-công, thủy-chiến, trận-rắn, trận-chìm, mưu-mò tương lược, then máy binh-gia, cái gì cũng đủ. Nếu người trí giả được sách này thì có thể lập được công danh ở trên nghìn vạn người, dựng nên thái-bình trong một trận đánh».

Sách chia làm 3 phần theo quan-niệm Tam Tài «Thiên-Địa-Nhân» là tập Thiên, tập Địa và tập Nhân. Trong TẬP THIÊN có 4 thiên chính là hòa-công, thủy-chiến, bọ-chiến và thủ-trại. Sở dĩ gọi là tập Thiên vì các mưu-kế trong tập này cần phải có điều-kiện thiên-nhiên giúp đỡ. Trong tập này ông đặc-biệt nhấn mạnh đến các kỹ-thuật chế-tạo phương-cụ, và phối-hợp kỹ-thuật với chiến-thuật để tạo điều-kiện chống giặc. Như trong thiên HÒA-CÔNG, ông chỉ rõ cách chế-tạo hỏa cầu, tên đạn lửa, súng thần công bằng gỗ... Ở mục «hóa-tiên bí-pháp» ông viết: «Phép làm hỏa-tiên: phàm trí tướng dụng-bình việc gì cũng dự-bị. Nếu không dự-bị thì làm-cơ trong khoảng chốc lát lấy gì mà ứng dụng. Ví dụ như lúc cướp trại giặc, vượt vòng vây, đánh giáp mặt ở đường hẹp, cẳng trận ngựa liên-hoàn, trận voi chấn đường, nên dùng tên lửa mà đánh thì cái gì cũng tan...». Ngoài ra ông còn dạy cách dùng hỏa-tiên chứa thuốc độc, chỉ dẫn phương-pháp chế-tạo thứ đại-bác bằng gỗ tương-tự như quân du-kích Trưng-Hoa đã chế-tạo để kháng Nhật.

Trong thiên THỦY-CHIẾN, Duy-Từ dạy cách chế biển nước mặn thành nước ngọt để binh-sĩ dùng khi đi biển.

Trong thiên BỘ-CHIẾN, ông đưa ra 10 điều làm phương-châm cho việc hành quân như sau:

- Một là từ chỗ cao trông xuống có thể đánh được.
- Hai là lập trại đóng dinh phải chiếm địa-lợi trước.
- Ba là ở đồng bằng nơi rộng thì chiếm lấy đầu gió.
- Bốn là ở cửa thung lũng rừng sâu thì ra kỳ đặt phục.
- Năm là bãi cát sông chìm thì quay lưng về nước mà như giặc.

- Sáu là ở gò cao thì cướp trước đường lấy nước.
- Bảy là hai bên bày trận tương đương thì cần nghiêm chỉnh trước.
- Tám là giặc ở núi cao thì ngăn chặn đường nước.
- Chín là giữ trước giữa bụng (trong lòng địch) để chia thế giặc.
- Mười là giặc tự phương xa đến thì cắt đứt đường lương.

Trong thiên THỦ-TRẠI, ông nhấn mạnh đến cách lập doanh trại và bàn về yếu-tố kỹ-thuật để tổ-chức công sự trận địa. Ông giảng dạy về cách thức chế tạo và bố-phòng máy bắn đá, nó thần phối-hợp với các chương-ngợi-vật thiên nhiên để tăng-cường việc phòng-thủ.

Trong quyển thứ hai là TẬP ĐỊA Duy-Từ đề-cập đến các thế trận như Thái-Cực trận, Thái-Tổ trận, Thái-Thủy trận đồ, Bát-Quái trận đồ, Trường-Xà trận... Trong sách Lục Thao của Khương-Thất-Công khi nói về trận đồ không chia như trên mà lại chia làm Thiên trận, Địa trận, Nhân trận. Các thế trận trên đây theo Đào-Duy-Từ phải nương dựa vào địa-hình lập nên, nên được xếp cả vào tập Địa.

Trong quyển thứ ba là TẬP NHÂN Duy-Từ đề-cập đến các phép tuyên truyền, luyện binh và giao-chiến. Về đạo làm tướng ông theo binh-pháp Tôn-Tử đưa ra 5 đức tính căn-bản của người Tướng là Trí, Nhân, Dũng, Trung, Tín. Về các phép giao-chiến, tư-tướng chính vẫn là sự phối-hợp giữa kỳ và chính, hư và thực, trí và dũng, thủ và công...

Nhận xét về nội-dung, ta thấy tác phẩm Hồ-Trường Khu-Cơ chú trọng về mặt thực hành hơn về mặt lý-luận quân-sự, trái với sách Binh-Thư Yếu-Lược của Trần-Hưng-Đạo, vừa chú trọng đến thực hành vừa chú trọng đến lý-luận quân-sự. So sánh giữa hai tác-phẩm ta thấy còn có một điểm khác đáng chú ý và đặt thành vấn đề đó là sự kiện có nhiều đoạn, nhiều mục mà cả Binh-Thư Yếu-Lược và Hồ-Trường Khu-Cơ đều viết rất giống nhau như «phép làm súng gỗ», «phép đốt đuốc trước giặc», «phép chế quả nỏ», «phép làm quả mìn», «phép chế hỏa đồng», «phép làm hỏa-tiên chứa thuốc độc»... Sự trùng hợp này nêu căn-cứ theo yếu-tố thời-gian có thể được giải-thích là quyển Hồ-Trường Khu-Cơ chép lại từ sách Binh-Thư Yếu-Lược của Trần-Hưng-Đạo vì Binh-Thư Yếu-Lược được viết vào thế-kỷ XIII trong khi Hồ-Trường Khu-Cơ viết sau đến 4 thế-kỷ tức vào thế-kỷ XVII. Nhưng nếu căn-cứ theo thời điểm xuất-hiện của các vũ-khí trên thì ta

thấy phép làm hòa nỡ và phép chế hòa-tiền chưa thuộc-độc... chỉ có từ khi có cuộc tiếp xúc với Tây-Phương tức từ thế-kỷ thứ XVI, XVII trở đi và dưới đời Trần cũng chưa từng xư-đụng đến các loại vũ-khí này, do đó ta có thể lý-luận là các mục trên đây đích-thực là của Hồ-Trưởng Khu-Cơ và người đời sau đã cho thêm vào trong Binh-Thư Yêu-Lược của Trần-Hưng-Đạo mà chính nguyên bản không có. Tuy nhiên đây chỉ là một nhận xét có tính cách luận đoán, sự thật như thế, nào phải chờ các bậc học-giá cao-minh tra-cứu sau.

Ta cũng nhận thấy trong Hồ-Trưởng Khu-Cơ cũng như trong Binh-Thư Yêu-Lược đều chịu ảnh-hưởng của các binh thư Trung-Hoa như Tôn-Ngô binh pháp, Lục-Thao Tam-Lược. Cũng như trong các lãnh- vực khác, như văn-học tôn-giáo, nghệ-thuật... ảnh hưởng Trung-Hoa trong binh học nước ta là điều không thể chối cãi được. Tuy nhiên các binh-gia danh-tiếng nước ta không phải học tập, mô phỏng theo các binh thư nước ngoài một cách mù-quáng mà điều quan trọng là đã biết tìm hiểu và thích dụng vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Sự kiện các danh tướng nước ta khi xưa đã học hỏi các binh thư Trung-Hoa, áp dụng các đường lối chiến-lược, chiến-thuật của Trung-Hoa nhưng cuối cùng đã chiến-thắng vẻ-vàng và đánh đuổi được quân xâm-lược Trung-Hoa ta khỏi bờ cõi đã chứng-minh được tài ứng-biến và óc sáng tạo mình-mẫn của tổ-tiên ta trong lãnh-vực binh-học.

Sách HỒ-TRƯỞNG KHU-CƠ là một binh-thư cổ cách nay đến bốn thế-kỷ nên có nhiều điểm không còn thích-hợp trong các điều-khien rất khác biệt của nước ta hiện nay, nhưng mặt khác nó là một tập hợp qui báu những kinh nghiệm chiến-đấu của tổ-tiên nên rất có giá trị trong việc tìm hiểu các tư-tướng quân-sự truyền-thống của nước ta khi xưa.

~~Trên đây là một số tài liệu tham khảo về tác phẩm này.~~
~~Trên đây là một số tài liệu tham khảo về tác phẩm này.~~

✕

TIÊU SỬ ĐÀO-DUY-TỬ

(1571 - 1634)

Theo Đại-Nam liệt truyện tiền biên, thi Đào-Duy-Tử, sinh năm 1571, quê ở làng Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, cha là Đào tá Hán.

Đào tá Hán là học trò nghèo, gặp lúc Lê-Mạc đánh nhau, Hán đầu quân theo giúp vua Lê. Nhân bữa đó, việc quân thông thả, nghĩ đến công lao Trịnh Kiểm chiếm được Nghệ An Thanh Hóa làm căn cứ vững vàng, Tá Hán đã cao hứng làm bài ca kể công họ Trịnh, trong đó những câu như sau :

- « Trang quốc sĩ ai bằng Trịnh Kiểm,
- « Tổ thần uy đánh chiếm hai Châu,
- « Thăng đường dong đuôi vô cầu,
- « Phú Lê diệt Mạc trước sau 1 lời ».

Viên xuất đội đem bài ca ấy tố cáo Đào Tá Hán làm thơ phạm húy Đức Tiên Vương. Ngày xưa, phạm húy là tội nặng, cho nên bị tố cáo phạm húy, Tá Hán sợ hãi vô cùng. Quan Trung Quân nhận được giấy tố cáo đòi Tá Hán vào hầu thấy Hán còn ít tuổi, lại diện mạo khôi ngô, nghĩ thương tình, mới sửa lại hai câu trong bài thơ của Hán, thành :

- « Trang Quốc Sĩ ai bằng họ Trịnh,
- « Tổ thần uy đánh chiếm hai Châu,

Tuy đã sửa lại như vậy rồi, Tá Hán cũng vẫn còn tội, vì Hán chỉ là tên lính thường mà dám làm thơ nói tới Họ Trịnh là quý tộc. Hán phải phạt 20 roi và bị đuổi ra khỏi quân ngũ, không được làm lính nữa.

Tá Hán từ đó, đi theo một gánh hát chèo để học hát. Vừa thông mình lại đẹp trai, nên chỉ học có 2 năm, Hán đã trở thành kép giỏi. Gánh hát của Hán đi tới đâu cũng được hoan nghênh.

Một hôm, hát đám hội làng Ngọc Lâm, huyện Lạc An (tỉnh Thanh Hóa) Hán vào ở trọ nhà Vũ Đam là tiên chỉ làng Ngọc Lâm. Vũ Đam có cô con gái tên là Kim Chi, 19 xuân xanh, có nhan sắc, cầm tiếng hát và vẽ người của Tả Hán đem lòng thương yêu chàng, và tỏ ý muốn cùng chàng kết nghĩa trăm năm. Tả Hán từ chối, nói mình nghèo hèn lại chưa có nhà cửa không thể lấy con gái nhà tử tế. Kim Chi khóc lóc nhất định không chịu bỏ Hán. Người vú già của Kim Chi khuyên bảo Tả Hán rằng, Kim Chi có vốn riêng hai người lấy nhau có thể sinh cơ lập nghiệp mà nuôi nhau, vú già còn tình nguyện đi theo để trông nom nhà cửa cho vợ chồng suốt đời. Tả Hán đành phải thuận dân Kim Chi về làng Hoa Trai mua đất cất nhà. Lấy nhau được hơn một năm thì sinh ra Đào Duy Từ.

Năm Duy Từ lên 5 tuổi, cha bị bệnh mất. KIM CHI hết sức tảo tần nuôi con ăn học, DUY TỪ thông minh đỉnh ngộ học một biết mười. Năm 14 tuổi vào học trường ông Hương Công Nguyễn Đực Khoa : Ông Công khen tài học Duy Từ nhưng tiếc Từ là con nhà xướng ca, không được đi thi. Tục lệ nhà Lê cho xướng ca là «vô loại» phạm con cái những người làm nghề hát xướng đều cấm ngặt không được đi thi.

Gần đến kỳ Thi Hương, KIM CHI cố xoay môn lễ hối lộ viên Xá Trưởng Hoa Trai là Lưu Minh Phương, nhờ y khai tên cho Đào Duy Từ thành Vũ Duy Từ (theo họ mẹ), cha là Vũ như Lâm để Từ có thể đi thi. Lưu Minh Phương thấy KIM CHI tuy tuổi đã 40 cái xuân rồi, mà nhan sắc vẫn mặn mà, đòi lấy được KIM CHI mới chịu đổi họ cho Duy Từ. KIM CHI suy nghĩ kỹ, vì tương lai của con, đành phải nhận lời, nhưng xin khát đến khi Duy Từ thi đỗ đã, sẽ lấy họ Lưu.

Khoa thi hương năm Quý Ty 1593 đời vua Lê thế Tông ; Vũ Duy Từ (tức Đào Duy Từ) thi đỗ Á nguyên. Lúc ấy Từ 21 tuổi Kim Chi được tin mừng rỡ sai người vú già đến kinh đô (khi ấy kinh đô nhà Lê còn đóng tạm ở Thanh Hóa) dặn Từ cứ ở lại đây tiếp tục ăn học để năm sau thi Hội.

Lưu Minh Phương thấy Duy Từ đỗ Á Nguyên, liền xin cưới Kim Chi. Kim Chi không biết trả lời sao, phải điều đình với Phương rằng :

« Bấy giờ con trai vừa đỗ đạt, mà mẹ lại muối mặt đi lấy chồng thì thật là khó coi quá, nhưng nếu thay vì Minh Phương cho có gái lớn về làm dâu cho Kim Chi, thì tình nghĩa hai nhà còn mãi ».

Minh Phương giận Kim Chi thất tín, cậy có quan Huyện Ngọc Sơn là người thân của y. Phương liền một mặt làm đơn kiện Kim Chi, một mặt nhờ Quan Huyện lấy thế lực bắt ép nàng phải lấy mình và che chở giúp vụ đổi họ cho Duy Từ. . . Không ngờ. Quan Huyện không dám ép Kim Chi lấy Minh Phương, mà lại đưa vụ Duy Từ đổi họ bẩm lên Quan Hiến Sát.

Duy Từ ở kinh đô không biết những chuyện xảy ra ở nhà. Ông vào thi Hội văn hay nhất trường, nhưng có bài hán về cái cách chánh trị hơi trái ý Chúa Trịnh Tùng, quan Thái Phó Nguyễn Hữu Liên làm chủ khảo phán văn không biết nên lấy đỗ Tiến Sĩ hay đánh xuống Phó Bảng, thi bỗng tiếp được Bộ Lễ báo cho hay trường hợp của Duy Từ. Quan Thái Phó liền xóa ngay tên Vũ Duy Từ không được đi thi, cách tuột Á Nguyên và lột mũ áo.

Tin ấy về đến quê nhà, Kim Chi, mẹ Từ buồn quí cất cổ tự vẫn.

Duy Từ bị lột mũ áo, lại nghe tin mẹ chết, quá đau buồn, thành bịnh nặng nằm mê một ở nhà trọ, không vẽ làng được.

Gặp lúc Đoàn Quận Công Nguyễn Hoàng, trấn thủ Thuận Hóa, phụng mệnh vua Thế Tông và Chúa Trịnh Tùng về Thanh Hóa bàn việc nước. Nguyễn Hoàng đến thăm quan Thái Phó Nguyễn Hữu Liên. Liên đưa họ Hoàng xem văn bài của Từ và kể vụ Từ bị đuổi. Nguyễn Hoàng xem văn biết Duy Từ là người có tài kinh bang tế thế, Nguyễn Hoàng vốn có chí hàng cớ một phương, liền vì hành đến tận nhà trọ của Từ, giúp đỡ Từ ít tiền bạc để Từ uống thuốc rồi mời Từ vào Nam giúp mình.

Một hôm Từ vừa khỏi bịnh, Nguyễn Hoàng đến chơi, nhận thấy trên vách có treo bức tranh 3 anh em Lưu Quang Trương dầm mưa giải tuyết vào Lòng Trưng tìm Gia Cát Lượng, 2 người liền vịnh một bài thơ rồi ngâm để tỏ bày chí mình.

Nguyễn Hoàng đọc trước :

«Vô ngựa sườn đá chấp chùng,

«Cầu hiền lặn lội biết bao công ...

Duy Từ đọc tiếp:

«*Đem câu phò Hán ra dò ý,
Lấy nghĩa tôn Lưu để ấm lòng ...*»

Nguyễn Hoàng lại đọc:

«*Lãnh thổ đoàn chia ba xứ sở,
Biển thù vạch sẵn một dòng sông ...*»

Duy Từ kết:

«*Vì chúng không có lời Nguyễn trực,
Thì biết đâu mà đón Ngọa Long.*»

Hai người nghe thơ đều hiểu ý nhau rất là tương đắc. Nhưng Nguyễn Hoàng không dám đón Duy Từ vào ngay, e tiết lộ cơ mưu chỉ ăn cần cần dặn:

«*Lão phu về trước, xin đắp sẵn đàn bài Trưng chờ đợi Tiên Sinh. Năm nay lão phu hơn 70 tuổi, nếu có thất lộc đi cũng đi ngôn lại cho con cháu phải đón Tiên Sinh về dạy bảo ...*»

Duy Từ bài tạ nhận lời mà từ biệt.

ĐÀO DUY TỪ VÀO NAM

Mấy năm sau Duy Từ vào Nam lập chi giúp Chúa Nguyễn chống họ Trịnh nhưng không gặp Chúa Nguyễn vì chúa bận đi kinh lý nơi xa.

Tiền lưng đã hết Từ phải xin chẵn trâu cho nhà phú hộ Chúc Trịnh Long ở làng Tùng Châu, tỉnh Bình Định. Làm như vậy Từ có hai chủ đích: một là chỗ đất khách quê người, không ai nrong tựa hãy tạm chẵn trâu để đợi thời, hai là muốn náu mình ít lâu dò xét chính trị của Chúa Nguyễn ra sao đã.

Con trai Chúc Trịnh Long là Chúa Hữu Minh mở Tùng Châu Thị Xã, lấy Duy Từ làm thư đồng hạ các bạn văn chương. Thỉnh thoảng từ lại gả thơ cho các người trong Thị Xã. Những bài thơ làm giùm này, nhiều bài rất hay, nên dần dà, tiếng Duy Từ đã lọt tới tai quan Khâm Lý Trần-Đức-Hóa.

Đức Hóa đến chơi nhà Chúc Trịnh Long cho tìm Từ lên nói chuyện, biết Từ là người tài cao học rộng liền mời về nhà dạy học rồi gả con gái cho, rồi tiến cử lên Chúa Nguyễn. Chúa hỏi ông về học thức và hoài bão lấy làm báng lóng lắm. Chúa hỏi:

— Nay Tiên Sinh hạ cố tới đây có điều hay dạy bảo, tôi xin lắng tai nghe.

Duy Từ nghiêng mình thi lễ rồi nói:

— Ngày trước tôi có diễm phúc được gặp Lý Thiên Vương không ngờ người vội báng há không được thừa nhận, thương xót vô cùng. Nay Chúa Thượng không quản tôi là người quê mùa mà hỏi đến, biết được điều gì tôi xin thành thực giải bày, còn nghe hay không, tùy ý Chúa Thượng.

5 ĐIỀU CẦN LÀM ĐỂ DÂN GIÀU NƯỚC MẠNH :

Chúa Sãi mời Duy Từ có ý kiến gì xin cứ trình bày, Duy Từ mới đưa ra ý kiến như sau:

— Hiện ta có năm điều kiện cần thiết, hãy kịp theo thứ tự thi hành, mới mong nước giàu dân mạnh, Đó là:

1) — Chúa Thượng hùng cứ phương này thật là thiên hiểm, có dãy Hoành Sơn ngăn đường bộ, sông Linh Giang ngăn đường thủy: Chúa Trịnh dù có trăm vạn quân cũng không thể vào đây được. Nếu quân Trịnh đến, ta dùng kế thủ hiểm đợi lúc kế kia mệt mỏi sẽ ra đánh, tất là toàn thắng. Chúa Thượng nên noi ý Tiên Vương, diệt họ Trịnh để thống nhất sơn hà.

Muốn cho dân theo, ta tuyên ngôn phủ Lê diệt Trịnh, vì Trịnh Tùng vừa giết vua Anh Tông, lại uy hiếp vua mới, dân Bắc Hà đều oán hận.

2) — Đánh Chiêm Thành mở rộng bờ cõi cho suốt đến miền Nam, làm thành một nước rộng lớn hơn miền Bắc của Chúa Trịnh.

3) — Miền Nam nhiều đất phì nhiêu còn bỏ hoang, ta ngầm cho người Thanh Nghệ chiêu mộ dân vào khai khẩn, trước là có nhiều thóc gạo làm lương thực, sau là có nhiều người để tăng quân số.

4) — Chính đốn việc nội trị. Về cai trị, những người tài giỏi có công tâm, bất kỳ thân sơ cũng phải mời họ ra giúp nước.

Còn những kẻ có tiếng tham nhũng nên trừng phạt nặng rồi thả hồi, khiến dân khỏi ta oán. Về dân sinh giảm bớt sưu thuế cho dân đỡ phải gánh vác nặng nề, nâng cao đời sống của dân giúp đỡ họ làm ăn cây cấy buôn bán mọi việc đều dễ dãi. Về giáo dục mở nhiều trường học ra lệnh mọi người đều phải đi học, dân có biết chữ mới biết yêu nước thiết tha. Như thế dân không bị áp bức lại được sống sung túc thì bao giờ cũng tận tâm tôn phò Chúa Thượng.

5) — Muốn cho quân đội hùng hậu phải mộ thêm quân lính xây đắp đồn lũy, Cần huấn luyện cho quân lính có tinh thần, khi tiến khi thoái biết tuân theo kỷ luật.

Năm điều này thì hành xong, đợi khi quân Trịnh đánh với quân Mạc đã mệt, Chúa Thượng cất quân Bắc phạt. Dân chúng ngoài Bắc còn nhớ ơn Đức Thiệu Tổ khởi nghĩa đánh Mạc ở Sầm Châu tất quay về quy phục chúa Thượng, chỉ một trận có thể nhất thống được sơn hà.»

Chúa Sãi nghe Duy Từ trình bày ý kiến, phục là cao luận, đặt tiệc khoản đãi Duy Từ và Đức Hòa. Rồi họp quần thần trên đại điện, phong Duy Từ làm Nha Ủy Hội Tân, tước Lộc Khê Hầu, coi nội ngoại quân cơ tham lý quốc chính.

Năm Đinh Sửu (1625) đời vua Lê Thần Tông, Chúa Trịnh Tráng được tin sĩ phu và nhân dân 2 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An kéo nhau di cư vào Nam rất đông, có ý ngờ Chúa Nguyễn mưu phản, sai quan Công Bộ Nguyễn Khắc Minh vào Nam mượn tiếng phong cho Chúa Nguyễn Sãi chức Thái Bảo tước Ngụy Quận Công, để dò xét tình hình.

Nội Tán Đào Duy Từ khuyên Chúa Nguyễn dấu hết lực lượng quân sự đi chờ để Nguyễn Khắc Minh trông thấy gì hết, mặt khác cử giả bộ vui vẻ nhận chức tước của Chúa Trịnh phong cho mình để Chúa Trịnh vui lòng. Chúa Sãi vui lòng làm đúng như lời Từ dặn, còn tặng riêng cho Nguyễn Khắc Minh rất nhiều tiền bạc. Thấy

tình hình yên ổn không có gì tỏ ra Chúa Nguyễn muốn làm phản, Khắc Minh về tàu lại với chúa Trịnh.

ĐÁP LŨY TRƯỞNG DỤC.

Khắc Minh về rồi, Duy Từ xin Chúa Sãi đáp lữ Trường Dục để ngăn quân Trịnh vào cửa Nhật Lệ. Lũy cao 8 thước dài 6 dặm chạy suốt từ chân núi Trường Dục đến bãi Hạc Hải huyện Phong Lộc tỉnh Quảng Bình.

Đào Duy Từ trình bày cùng Chúa Sãi cái lợi của việc đắp Lũy Trường Dục như sau : Muốn mưu đồ sự nghiệp Vương Bá, cần phải có kế vạ toản. Người xưa đã nói : không một lần khó nhọc thì không được yên nghỉ lâu dài, không hao phí tạm thời, thì không yên ổn mãi mãi. Tôi xin hiến một bản đồ, sai quân dân ở hai trấn theo đồ đắp một cái lũy dài từ chân núi Trường Dục đến bãi cát Hạc Hải, ấy là nhân hình thế đất đai mà đặt phòng thủ để giữ vững biên giới, thì quân địch có đến cũng không làm gì được ». Chúa theo kế ấy, sai quân dân đắp lũy Trường Dục hơn 1 tháng thì hoàn thành.

Tháng 11 năm Mậu Dần (1626) ở Hải Dương nhân dân nổi loạn, Chúa Sãi phái Lại Văn Khuông đi sứ ra Bắc xem xét tình thế. Duy Từ làm một cái mâm bằng đồng 2 đáy, trên để lễ vật dâng Chúa Trịnh bên dưới ngẫm để một bài thơ. Sứ giả về Nam rồi, Chúa Trịnh Tráng mới biết mâm có 2 đáy, sai thị thần cạy ra xem thì thấy có bài thơ 4 câu:

- « Mâu nhi vô địch,
- « Mịch phi kiến tích,
- « Ái lạc tâm trang,
- « Lực lai tương địch.

Đọc xong bốn câu thơ, Chúa không còn hiểu nghĩa ra sao, triệu quan Thái Ủy Phùng Khắc Khoan vào hỏi, Khắc Khoan nghĩ một lúc rồi giảng :

- « Câu thơ nhất, chữ MẬU không có nét phẩy là chữ DƯ.
- « Câu thơ hai, chữ MỊCH bỏ chữ KIẾN đi là chữ BẮT.
- « Câu thơ 3, chữ ÁI không có chữ TÂM trong bụng là chữ THỤ.
- « Câu thơ 4, chữ LỰC đứng ngang với chữ LAI là chữ SẮC.

« Cả 4 câu ghép lại là 4 chữ Dư Bắt Thụ Sắc, nghĩa là : Tu không nhân sắc mệnh».

Hiều nghĩa của 4 câu thơ, Chúa Trịnh giận lắm, muốn cất quân vào đánh Chúa Sãi ngay nhưng lúc ấy ở Cao Bằng, Hải Dương đang có giặc nên phải hoãn lại.

Khi Lại Văn Khuông đi sứ về, Duy Từ đem quân đánh đất Nam Bộ Chính chiếm suốt từ phía Nam sông Linh giang trở vào, lập đồn ải kiên cố, đặt ra 24 đội chiến thuyền để chống nhau với quân Trịnh.

ĐẮP LŨY THÀY.

Năm Tân Hợi (1631) Duy Từ khởi công đắp Lũy Thầy ở Đồng Hới Quảng Bình. Lũy cao 12 thước dài 10 dặm, chạy suốt từ núi Đầu Mâu đến cửa Nhật Lệ trông như hình cá, cầu vồng. Mặt lũy rộng rãi đi lại được, cứ mỗi đoạn 40 thước lại xây một pháo đài đặt súng thần công án ngự. Lũy thầy như vậy liếm gấp 10 lần Lũy Trường Dục.

Từ đây Chúa Trịnh Chúa Nguyễn thực sự đánh nhau. Kết cục Trịnh thua phải chia đôi đất nước cho Chúa Nguyễn, lấy sông Linh Giang tức sông Gianh làm giới hạn. Khi Duy Từ mất, Chúa Nguyễn truy tặng là tru quốc Kim tử Vinh lộc Đại phu, Lộc Khê Hầu.

Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) sắc gọi Lũy Thầy là Định Bắc Trường Thành truy tặng Duy Từ làm Khai Quốc Công Thần, Thái sư Hoảng Quốc Công.

Đào Duy Từ chỉ làm quan với Chúa Nguyễn có 8 năm, nhưng trong 8 năm đó ông đã xây dựng cho Chúa Nguyễn một quân đội hùng mạnh và một cơ sở xã hội vững chắc, Sách Đại Nam Thực Lục tiền biên viết: «Duy Từ có tài lược văn võ, trừ hoặch điều gì đem thi hành đều trúng, giúp việc nước chỉ 8 năm mà công nghiệp chói lọi, đứng đầu hàng công thần khai quốc».

Duy Từ có công ngoài đánh Chúa Trịnh, trong mở đất Chiêm Thành, làm cho dân giàu nước thịnh. Về nghệ thuật, Duy Từ cũng có công với nghệ hát nước ta không kém những công lao của ông đối với ngành binh học VN. Duy Từ đã có công sửa lại

các lối hát và các điệu múa cổ đặt ra điệu múa Song Quang, điệu múa Nữ Tướng xuất quân, điệu múa Tam Quốc Tây Du để dâng vào những dịp quốc gia đại lễ. Trong nhà lúc nào Duy Từ cũng nuôi một bọn ca nữ để dạy múa hát.

Như trên đã nói, Duy Từ không những là một học giả, một chánh trị gia, mà ông còn là một chiến lược gia lỗi lạc. Ngoài ra, Duy Từ còn là một kiến trúc gia và kỹ thuật gia cừ khôi, muốn nghiên cứu những kiến trúc phòng ngự để tăng thêm hiệu lực. Về phương diện này, người ta đã ví Duy Từ với Vauban của Pháp hồi thế kỷ 17. Về kỹ thuật chiến tranh, Duy Từ rất chú trọng tới việc chế tạo vũ khí như ta đã thấy trong cuốn «Hồ Trường Khu Cờ». Một nhà chí sĩ cách mạng Việt-Nam đã tả lại sự nghiệp của Đào Duy Từ trong 4 câu thơ sau đây:

«Bề dẫu thay đôi mấy triều Vương,
«Lũy cũ xanh xanh một giải trường,
«Rêu đá mờ kinh Hồ Trường,
«Giò lau heo hút phủ Long Cương...»

HỒ TRƯỞNG KHU CƠ

TỰA

Có người hỏi tôi rằng: Phạm binh pháp như các sách *Võ kinh*, *Võ bị*, *Quả ấn đưng dân*, *Kỷ hiệu*, *Hồng vũ*, còn chưa đủ sao? Sách *Hồ trưởng khu cơ* còn chép làm gì? Tôi đáp rằng: Xã tắc còn hay mất, quốc quân vui hay lo, quan hệ ở một ông tướng. Cho nên làm tướng mà học binh pháp, qui tính mà không qui nhiều, có dưng lại phải có tri, mới có thể nắm cơ ở ngoài cửa khỏn, giữ tinh mệnh của ba quân. Nếu nghề võ không tinh, mà người tướng không giỏi, thì chỉ trong chốc trở bàn tay sơn hà đã thay đổi, há chẳng nên cần thận hay sao? Vả chẳng ý chỉ các sách binh pháp kể trên không phải là không tốt. Nhưng rườm rà nhiều mối, tính thô khác nhau cho nên người học như ngồi giếng xem trời, đi thuyền giữa biển, mờ mịt không biết gốc rễ, mệnh mang không hiểu manh mối, là bởi thế đấy.

Đến Quốc triều ta có *Lộc-khê* (1) là người đặc xuất, chí khí cao cả. Xem khi giúp *Thành tổ* (2) ta nổi tiếng nghĩa dũng đến nghìn thu, dựng nền thái bình trong một trận, thì trong lòng thực có mấy vạn giáp binh; đến lúc cởi ấn từ quan, điền viên vui thú, thì trong lúc đi đứng thực đáng sánh với *Y Doãn*, *Lã Vọng*, *Tử Phòng*, *Già Cát*; đến lúc tuổi già lại lo tâm thuật không truyền cho ai, thâu cơ mui một đi mất, thì may có *Triệu Điền* được thần dạy bảo; lại có hai tiên sinh ta là *Bảo-thực* và *Cao Toàn* suy diễn những điều *Lộc-khê* chưa suy diễn, phát minh những điều *Triệu Điền* chưa phát minh, để đem ra dạy bảo, trông đây là báu của trời đất, sao có thể bỏ mất đi được! Tôi là học trò, may được gần gũi, chính như dây sắn bám vào cây thông, dây bìm leo nhờ cây cù, được hai tiên sinh rủ yêu mà truyền thu cho. Tôi trộm nghĩ sinh sau mà được thấy người trước, có thể đến cửa mà vào nhà, thân được truyền thu, thực là có

đuyên may với hai tiên sinh vậy. Lại còn duyên trời dun dũi, gặp được ban tốt như *Phúc Đỉnh* (tự *Thủ-Chân*), đặc biệt thông minh, thiên tư anh vĩ, chí cả lừng mây, lòng mang kinh tế, cho nên tôi không tiếc châu ngọc mà nhả hết ra. Ngờ đâu ban tôi lại là người có chí hi truyền, không tiếc công phu, rửa nghiên nhúng bút biên thành sách này, chia làm ba quyển, gọi là sách *Hồ Trưởng Khu Cơ*, thực là mở huyền cơ của trời đất, tụ tứ khí của kiến khôn xiết mừng rỡ, cũng có chút bổ ích vậy.

CHIÊU-DƯƠNG CAO KHUÊ Căn chí

1. *Lộc-khê*: *Đào Duy Từ*.

2. *Nguyễn Phúc Nguyên*.

TỰA

Phàm người xa không phục thì ta sửa văn dức cho họ đến. Nhưng Xi vụ xưa hoành hành bạo ngược mà Hoàng đế lại dùng giáo mác để đánh mà tại làm sao? Bởi vì thời thế bất đồng, nhân tâm mỗi khác. Người xưa nói rằng: Đánh giặc để dẹp thì đánh cũng phải, giết giặc để yên thì giết cũng phải. Nhưng phép chiến tranh cũng lắm, mà cách sát phạt cũng nhiều. Có trí thì dùng trí, không có trí thì dùng sức. Phàm mặc giáp cầm giáo, cưỡi ngựa cầm roi, khó nhọc vào sinh ra tử, liều mình thịt nát xương tan, đây chỉ là một tráng sĩ thôi, sao có thể địch được muôn người! Thế gọi là không có trí thì dùng sức đấy. Nay ta thà rằng đầu trí chứ không đầu sức. Bởi thế, trên nhờ di chỉ của tiên hiền, lại nhờ thần cơ của bạn tốt, tìm khắp sách lạ của thiên hạ, xem hết điều lạ của xưa nay, rửa nghiên nhúng bút, bài đề tên sách là *Hồ tướng khu cơ*, huyền diệu không so sánh được. Phàm các phép hóa công, thủy chiến, trận rân, trận chìm, mưu mô tướng lược, then máy binh gia, cái gì cũng đủ. Nền người trí giả được sách này thì có thể lập được công danh ở trăm nghìn vạn người, dựng nên thái bình trong một trận đánh. Sách này rất nên trân trọng, chớ đem dạy cho người bậy, vạn dụng một lòng mà kính theo mười điều răn:

1. Chớ cần đồ giết người và đem lòng riêng oán người.
2. Chớ làm thâm độc, tàn hại lương dân.
3. Chớ lòng phạm thượng và phản bội thầy.
4. Thường phạt rất công, không làm quanh co.
5. Chớ mê sắc đẹp, chớ tham của cải.
6. Nghiêm răn sĩ tốt, cấm chỉ lẫn cướp.
7. Đầu cũng yên dân, cốt làm nhân nghĩa.
8. Thương yếu có quả, thăm viếng tan tóc.
9. Minh trước sĩ tốt, cam khổ cùng nhau.
10. Phụng sự cách này, chớ nên trễ nải.

Mười điều răn trên này, nếu thiếu một điều sẽ bị các vị tổ sư khiển trách, còn mong thành công được sao?

Thơ rằng:

*Anh hùng tỵ cõ trước kỳ kinh,
Vị nhược tư thư tối hữu tình.
Nhất trật bao tàng thiên địa bảo;
Thiên hàng bài liệt điều xà linh.
Hỏa công thiếu tận thiên phong nhần;
Thủy chiến ba đời vạn giáp binh.
Nhất bản thủ chương vi tướng dụng,
Bất lao hãn mã diện thăng bình.*

(Từ trước anh hùng làm sách tu. Chưa kịp sách này rất hữu tình. Một quyển bao gồm bầu trời đất: Nghìn hàng bày sắp trận rất chìm. Hỏa công đốt trụi nghìn gương giáo; Thủy chiến chìm vài vạn giáp binh. Nếu đem sách này dùng việc tướng. Chẳng phải nhọc ngựa dựng thăng bình).

HẠY HỌC: THỨ-CHÂN LÊ PHÚC ĐỊNH Căn đề.

HỒ TRƯỞNG KHU CƠ

*Tiền giác Vệ úy nội tâu Lạc-kê tiên sinh di chỉ.
Hàn lâm Văn chức viện Triệu Điền tiên sinh kế thuật.
Nữ sĩ Bảo-thúc Nguyễn Huy Chử tiên sinh tặng san.
Xử sĩ Từ-chân Cao Toàn tiên sinh đính ngoa.
Thiện thuật Cao Khuê tự Chiêu-dương tân soạn.
Hậu học Lê Phúc Định tự Thủ-chân kết tập.
Hậu học Vọng-doanh Cát-dâng Kiêm-trai Ngô Từ Thông
tham soạn điểm duyệt.*

HỒ TRƯỞNG KHU CƠ

QUYỀN I

TẬP THIÊN

- Tổng luận về cơ yếu binh pháp
- Thiên hòa công
- Thiên thủy chiến
- Thiên bộ chiến
- Thiên thủ trại
- Tổng binh về tập thiên

TỔNG LUẬN VỀ CƠ YẾU BINH PHÁP

Màng nghe : Gươm báu ẩn vàng, nguyên soái lên đàn ban hiệu lệnh; quạt lông khảm lụa, quân sư cười nói vận thần cơ. Tỷ như Phạm Lãi dâng Tây Thi (1), Tôn Tần bết hếp nấu (2), Đán Đạo-tể đông cát giữ làm lương (3), Trương Tử Phòng thổi sao cho địch nấp (4), Hàn Tín cho quân nhỏ cờ Triệu cầm cờ Hán (5), cũng là giữ thư đầu hàng đúng kế cho giặc kiên, đều xuất tự trong lòng của trí tướng, tự kế hoạch của mưu thần mà thôi. Cho nên nói rằng thừa cơ làm việc dấy thói. Nhưng đều chưa có thể dùng làm phép thường. Phép thường là phương pháp. Phương pháp là gì ? Như Hiên-viên đánh Xi-yưu làm xe chỉ nam mà bắt được giặc, cũng là đời sau trau lửa của Điền Đan, hải nhạc (6) của Võ-nước, Hàn Tín dùng chum gỗ (7) cho quân saug sông, Khổng minh làm trâu ngựa gỗ để vận lương, Lưu Bá-ôn (8) chế súng đồng pháo lửa, những người ấy thực là có tài xoay trời chuyển

- (1) Phạm Lãi khuyên Việt Câu-tiên dâng Tây Thi cho Ngô Phù-sai.
- (2) Tôn Tần người nước Tề thời chiến quốc, chém 5 đời của Tôn Vũ, là 3 quân sư cho Tề-Uy-Vương, đánh bại Bang Qiong, tướng nước Ngụy, Tôn Tần đem quân vào nước Ngụy, đốt 10 vạn hếp, đến ngày mai chỉ để 5 vạn lếp, lại ngày mai chỉ để 3 vạn. Bang Qiong tưởng là quân Tề cũng ngày càng suy, bố bộ binh mà đuổi, bị Tôn đánh bại ở Mã Lăng.
- (3) Đán Đạo Tể là tướng nhà Tống, đời Nam Bắc triều đánh nhau với quân Ngụy, thiếu lương, đem sai quân đông cát, rồi lấy ít gạo còn lại để lên trên. Sáng ngày địch thám thấy, tướng quân Đạo Tể còn nhiều lương, nên không truy bức nữa.
- (4) Trương Lương thổi sao ở Cai hạ làm cho quân Sở nghe mà nản lòng.
- (5) Xích xí : Cờ hiệu của nhà Hán, màu đỏ. Thời Hán Cao-Tổ, Hàn Tín đánh Triệu Vương Yên, bày trận quay lưng ra sông. Quân Triệu mở cửa thành ra đánh. Tín giả cách thả bỏ cờ trống. Quân Triệu bỏ thành ra đuổi Tín và cướp lấy cờ trống. Tín thừa lúc ấy đem 2000 kỵ binh vào trong thành của Triệu, với cờ của nước Triệu, cầm 2000 lá cờ hiệu của Hán. Quân Triệu không đuổi được Tín, muốn vào thành thì thành đã cầm cờ của Hán rồi. Quân Triệu rời loạn, quân Tín đánh sát, phá được quân Triệu, bắt được Triệu Yên.
- (6) Núi dưới biển, không rõ phép thế nào.
- (7) Mộc Anh : Cái bình bằng gỗ. Thời Hán Cao-Tổ, Hàn Tín đánh Ngụy Vương Báo, Tín giao rất nhiều quân và thuyền ở đất Lâm Tôn, giả làm địch cho quân sang đổ ở đấy, nhưng ngầm sai quân lính phục ở đất Hà Dương, cho quân lính dùng những bình bằng gỗ kết lại thành bức, sang sông đánh úp An Ấp, bắt Ngụy Vương Báo.
- (8) Quân sư của Minh Thái Tổ.

đất, có chủ yếu nước giúp đời, trong lúc thì thử so với việc bày binh bố trận hơn gấp mười lần. Đời sau đâu có danh tướng cũng không thể hơn được.

Đến quốc triều ta, Chính quân vệ úy nội tán Lộc Khê tiên sinh đem tài lạ giúp vua, phát huy tinh túy của tướng môn, lập ra các phép hỏa cầu, yên cầu và phép thương lừa dưới đất, tên lửa chứa thuốc độc, đầu người đời xưa sống lại cũng chẳng hơn dân. Người sau học được yếu chỉ thì chỉ có Triệu Điền, Báo Thúc, Cao Toàn mấy người mà thôi. Sau khi các vị ấy đã quy thân thì có ai nói được truyền thống ấy nữa đâu ! Than ôi ! đất đã chôn bí pháp, nhưng may trời chưa chôn lương mưu, để cho bọn ta như Cao công là người tuổi trẻ lỗi lạc, học thuật thâm nhuận, để lòng giấu cất ngọc quý của tướng lược, khắc xương ghi chép phép diệu của binh gia, của bút rứt tinh, mài nghiên rất sạch, biến thành sách **Hồ trưởng khu cơ**, chia làm ba quyển, đầu dưới cộng 37 điều. Thực là quốc sĩ vô song, quý thân mặc trặc, không những chỉ là phép hỏa công thủy chiến, lại đến cả phép giữa trại phòng gian, vận dụng cơ quan, không cái gì là không chép đủ. Được người khải mà dạy cho thì kinh dinh bốn phương, công ghi sử sách, trâm đời cũng không mất vậy. Công dụng của tiên nhân hồ ịch có phải là ít đâu.



THIÊN HÓA CÔNG

Cao Chiên dương nói : Phàm lửa vốn tự thái cực, được khí dương tinh, nhờ vào gỗ mà sinh, cho nên phàm các vật ở trong trời đất cái gì động vào là phải cháy tan, mà làm ngôi thứ nhất trong ngũ hành, lại là phép công hiệu nhất trong binh pháp. Nhưng gỗ (cây) động thì sinh gió, gió thổi thì lửa sinh, đó là lẽ tự nhiên của trời đất, cho nên người xưa nhân có gió mà dùng hỏa công cũng là lẽ thường. Còn như không có gió mà dùng lửa, dùng lửa không cần phải có gió, thì đời xưa chưa từng có. Duyệt có súng phát-lạng-cơ của Tây dương cũng tài như các phép hỏa cầu, yên cầu, hỏa lôi, hỏa tiễn của Lộc-khê tiên sinh. Thực đủ phát minh những cái đồ trước chưa phát mà lập nên thần cơ mới mẻ. Xem mấy điều ấy thì biết rằng cái tài của Lộc-khê tiên sinh có thể làm trái cơ trời đất, trái tính

trình ngũ hành, thực là cơ quỷ thần không ai làm được. Học giả nên kinh cần đấy.

Lê Thủ-chân nói: Đời xưa dùng hỏa công là nhân mùa hạ nóng nực, gió nổi thổi mạnh, liệu theo địa thế đặt hiểm mà đốt. Như Chu Du bày quân ở sông Ních-bích rồi sai Hoàng Cái đem thư trả hàng mượn thuyền lương mà đốt quân Tào Tháo, Khổng-Minh đi đánh Mạnh Hoạch ở miền Nam, Ngụy Diên phục binh ở hang tối mà đốt quân áo giáp mây. Cho nên *Binh pháp* nói «Đường hẹp dùng hỏa công» là thế đó. Các kỹ kế như thế cũng một lối mà thời Nay dùng hỏa công thì lại khác. Bắt đầu tự Lưu Bá-Ôn đời Minh hỏi giúp Thái tử chế ra phép điện súng đồng hỏa lối, bắn một phát thì đạn lửa bay ra, đến đâu thì vạn vật đều tan nát hết, thực là toàn mỹ. Song người sinh sau lại càng đáng sợ. Các nước Tây-dương có nhiều kỹ tài, chế nhiều phép giỏi, như các loại súng phát-lang cơ, địa lôi, đạn sát lại càng huyền diệu, bắn ra một phát thấm độc rất nhiều. Rồi tiền nhân ta được phép ấy, chỗ thiếu thì bổ vào, chỗ sót thì thêm vào, mà chế ra các phép hỏa cầu yên cầu, hỏa đồng, hỏa tiễn, lại được thích dụng. Cứ ý kiến của tôi thì tài ấy có kèm gì đây sát đạn lửa đâu.



1- PHÉP ĐIỀU LỬA ĐÓT GIẶC

Phàm có gió thì nên dùng hỏa công, đó là phép thường. Nếu trại giặc rất xa mà cánh giữ nghiêm ngặt, thì dầu có gió lớn, lửa cũng không do đâu mà dùng được. Nếu làm phép điều giấy đề dột thì giặc dù có cánh bay được trong phút chốc cũng hóa ra tro hết.

Phép làm : Trước hết lấy nan tre làm cốt kết thành bình con diều hai cánh ngang ra, đem cốt diều (1) ấy ngâm nước hơn một tháng phơi khô, lấy giấy mỏng tẩm dầu trám dán vào cốt tre làm lòng diều. Lại lấy 1 cân lưu hoàng 1 lượng diêm tiêu nấu cho tan ra đem vải mỏng mà tẩm rồi phơi khô, bôi vào ngoài cốt tre ấy làm da diều. Lại lấy 1 cân cỏ bắc đen cũng làm nước ấy để làm đuôi diều. Xong rồi, lại

(1) Không nói rõ cỡ lớn nhỏ của cốt diều.

lấy 1 sợi dây gai dài độ 100 thước, hoặc hai ba trăm thước, buộc vào lưng diều làm lèo và dây thả diều. Lại lấy một sợi dây giấy làm ngòi thuốc dài bằng dây gai buộc vào sau đuôi diều, con thừa thì quấn vào dây diều. Nhân có gió thì thả diều lên, xem chừng hễ diều đến gần diên trại giặc thì lấy lửa đốt vào đầu dây ngòi thuốc, lửa bèn theo lên diều và cháy dứt dây, diều rơi xuống. Nếu dây diều chưa dứt thì lấy dao mà cắt khiến diều rơi xuống đốt cháy trại giặc.



2 - PHÉP LÀM HỎA CẦU (QUẢ NỔ).

Phép hỏa cầu là phép thần của Tây dương. Trong lúc đem quân đi đánh giặc, hai bên bày thành thế trận, ta đem súng phi thiên mà bắn, quả nổ tung ra, rơi đến đâu thì quả nổ nổ ra, mảnh sắt tung toé hỗn loạn, đầu giương giương choáng trời, cờ xí lấp đất cũng chỉ một lát là tan nát hết.

Phép làm : Trước hết sai thợ sắt đúc một bình gang tròn rộng 1 thước gọi là quả mẹ, lại đúc 3 quả con mỗi quả tròn 2 tấc. Đều đúc gang mỏng. Trên miệng có nắp có đường tròn ốc để khi đây nắp lại không bật ra được. Rồi sau nắp thuốc súng vào miệng bình. Hãy xin nói một quả. Trong lòng đựng đầy thuốc súng, xong rồi lấy nắp đây kín miệng lại. Trước dài một lỗ nhỏ để luồn dây ngòi vào. Dùng vỏ gai ngâm nước muối phơi khô kết thành dây và quấn ở ngoài quả nổ, hình như rắn quấn, như thế là để cho lửa không cháy vung ra. Lại lấy vỏ gai khô buộc xen vào, khiến cho lửa không tắt được. Lại lấy dây ngòi thuốc súng quấn vào toàn thân quả nổ, cuối cùng luồn đầu ngòi vào lỗ nhỏ, như thế là cốt cho nổ chậm. Lại lấy nước muối tẩm vào vỏ gai, phơi khô, quấn vào chung quanh quả nổ rất kín. Làm như thế xong rồi lại lấy dây thau nhỏ buộc chằng ở ngoài, để cho lúc bắn đi không tuột da quả nổ. Lấy mấy quả con ấy nạp vào trong bụng quả mẹ. Quả mẹ cũng làm như cách nói trên. Còn đầu-dây ngòi thì nên để hở ra ngoài. Cứ thế đem quả nổ nạp vào đội bác phi thiên mà bắn thì quả nào cũng nổ.

Lời bỏ chú của Kiêm-trai: Phàm mùa đông mà hân quả nở, nên dùng mỡ rải cả bôi vào ngoài vỏ gang quả mẹ quả con thì càng tốt.

Bài thuốc nạp quả nở:

Diêm tiêu 1 lượng Lưu hoàng 1 đồng 2 phần.
Thạch tin 8 phần Thanh gỗ dâu 1 đồng 2 phần 2 ly.
Hỗ tiêu 8 phần.
Bạch chu sa 8 phần Nao sa 8 phần.


Bài làm ngòi:

Bạch diêm 2 lượng 2 phần Lưu hoàng 8 đồng cân.
Thanh gỗ dâu 1 lượng 6 đồng cân.
Giấy trắng thấm bạch diêm đủ dùng.
(Thuốc làm ngòi điều lửa ở trên cũng thế).



3- PHÉP CHẾ YÊN CẦU (QUẢ MÙ).

Phàm khi hai bên giao chiến, trận thế tương đương ta đứng đầu gió mà thả khói phan lang thuốc độc thì địch hẳn tránh được, dù có bài thuốc thâm độc cũng không làm hại được. Cho nên tiên công có bí pháp chế ra quả mù nạp vào súng phi thiên mà hân đến gần dính giặc lửa nổ khói độc phát ra, giặc dù có phép độn thổ tàng hình, chỉ trong khoảnh khắc đều chết cứng cả.

Phép làm: Dùng một cái bình sắt  chứa thuốc độc vào, trên bình có một lỗ thông thiên 1 tấc 6 phần. Lại dùng một cái ống sắt không có đáy to 1 tấc 5 phần 3 ly, dài 3 tấc 5 phần, trong ống đựng thuốc súng, đầu ống lấy mẫu tre hay mẫu gỗ bít lại, xong rồi đặt ống ấy vào chỗ lỗ thông thiên. Lại lấy dây ngòi thuốc xuyên ngay vào trong ống. Ngoài bình sắt bao bằng dây gai ngâm nước muối. Làm như thế xong rồi nạp bình sắt ấy vào đại bác phi thiên mà bắn. Ta đứng đầu gió mà hân thì lửa theo ngòi thuốc mà vào trong ống, phá tung cái nút gỗ ở đầu ống ra, tự nhiên khói độc phát ra, theo gió mà đến, quân giặc chết cả.

Bài thuốc độc:

Diêm tiêu 10 lượng, Lưu hoàng 2 lượng,
Thanh gỗ dâu 3 lượng, Phan chó sói 2 lượng rưỡi,
Cốt khô 3 lượng, Lá thiên ngải 3 lượng,
Thuốc lào 3 lượng, Phiến tiêu 3 lượng,
Bạc miên 3 lượng, Tiên thiên tử 2 lượng,
Thạch tin 2 lượng, Thiên hoa phấn 5 đồng cân rưỡi.

Bài thuốc súng:

Diêm tiêu 5 đồng cân, Lưu hoàng 3 đồng cân,
Thanh gỗ xoan 3 đồng 5 phần.



4- PHÉP CHẾ HÒA ĐỒNG.

Kiểm trai nói: Lúc dùng hỏa đồng thì đem hỏa đồng huộc vào miệng súng mà bắn.

Phép làm: Lấy một cái ống tre một đầu để mắt, dài 6 tấc' dày 3 phần, trước tra thuốc vào dưới đáy, giọt 300 chày, lại tra thuốc phum, giọt 300 chày, xong rồi lấy lưới đồng nạp vào, lại lấy thuốc hỏa phan nạp vào chỗ khe các lưới đồng. Rồi lấy dây tầu mã, tức là dây ngòi lửa, xuyên vào. Lại lấy giấy bồi ở ngoài ống, lại lấy dây máy chằng rất kỹ, rồi dùng dây gai mà quấn đều đặn.

Bài thuốc nạp:

Diêm tiêu 10 lượng 1 đồng 5 phần,
Lưu hoàng 2 lượng, Thanh gỗ dâu 2 lượng.

Bài thuốc hỏa phan:

Diêm tiêu 1 lượng, Lưu hoàng 1 cân 4 phần,
Thanh đen 1 cân 7 phần, Nhựa thông 3 phần,
Thiệt hoa 5 phần, Bạch thảo sương (nhỏ nổi) 3 phần,
Phé sương 3 phần, Chương nảo 3 phần,
Ngân châu 3 phần, Khói thông 1 lượng 3 phần.

Bài thuốc phun :

Diêm tiêu 1 lượng,	Lưu hoàng 6 cân,
Than gỗ thông 5 cân	Bách thảo sương 3 cân,
Thiết phấn 3 cân 5 đồng,	Ngân phấn 3 cân 5 đồng.

✕

5— PHÉP LÀM HÒA TIÊN.

Kiểm tra nói: Vì lửa dữ dội như hổ, nên gọi là hỏa hổ.

Phàm trị tướng dung bình, việc gì cũng dự bị. Nếu không dự bị thì làm cơ trong khoảng chốc lát lấy gì mà ứng dụng. Vì dụ như lúc cướp trái giặc, vượt vòng vây, đánh giáp mặt ở đường hẹp, cũng trận ngựa liên hoàn, trận voi chầu đường nên dùng tên lửa mà đánh thì cái gì cũng tan.

Phép làm : lấy cái ống dài 6 tấc 3 phân, nhồi thuốc súng jam 3 nấc, nấc thứ nhất dày một tấc, giọt 300 chày, nấc thứ hai dày 3 tấc, giọt 300 chày, nấc thứ ba nấp tên sắt, dưới tên có đeo sao dài 1 tấc, lại nấp thuốc 1 tấc giọt 300 chày. Xong rồi dăng sao ống sắt dùng ống tre già 5 tấc tiếp vào, lu cho ngòi thuốc xuyên vào đầu ống. Lúc dùng lấy lửa đốt đầu ngòi thì thuốc lửa cũng tên sắt tự nhiên bắn tung ra.

Bài thuốc nấp :

Diêm tiêu 10 lượng,	Than đen 2 lượng,
Lưu hoàng 1 lượng 2 đồng 5 phân,	

✕

6— PHÉP CHÔN HÒA THƯƠNG DƯỚI ĐẤT.

Phàm trị tướng dung bình, hoặc dụ giặc vào chỗ sống hồ bày mưu mà đánh, giả cách thua chạy, đặt súng ở dưới đất để đánh bại giặc.

Phép này, dùng tre nứa hoặc 100 cái, hoặc 200 cái, mỗi cái dài hơn 5 thước, miệng to 2 tấc, ba đốt trên đục thủng lỗ to, đoạn dưới để mắt, nhồi thuốc phun dày 2 thước rưỡi còn nửa thước ở trên lại nhồi thuốc sừng. Như thế xong, bèn dùng ống nhỏ, ống ấy vừa bằng ruột tre, dài 3 tấc, cắm vào đầu thương làm miệng. Trên miệng lấy giấy Vĩnh-thọ cắt ra thành mảnh nhỏ rồi lấy hồ dán miệng ấy rất kín. Bèn đầu thương lại dài một lỗ nhỏ để làm chỗ dẫn lửa. Ống thương nên lấy dây mây mà quấn, lại lấy dây sắt mà bọc. Lại lấy gỗ nhỏ 2 cây, mỗi cây dài 1 thước rưỡi, đục làm giá chữ thập (+), cốt để khi chôn xuống đất thì ống thương không bật đổ. Các việc xong cả, bèn khai rãnh chữ bát (/ \), đem những ống hỏa thương ấy đặt xuống rãnh, cách nhau hơn 3 thước, miệng thương để lồi ra 1 tấc, còn thì chôn sâu dưới đất. Bấy giờ đến chỗ giáp rãnh chữ bát đào một hố sâu 4, 5 thước, đặt đá lửa và dao sắt, làm máy như cách đặt địa lôi. Bèn đặt ngòi dẫn lửa tự máy đá liền đến chỗ lỗ ngòi của các hỏa thương. Xong đầu vào dây rồi, lại lấy cát phủ lên cho bằng, đứng để hồ cho người biết. Rồi ta đến đình giặc khiêu chiến, ta giả cách thua chạy, cứ nhảm chỗ ấy mà chạy. Giặc không ngờ, chạy xéo vào máy đá thì dao và đá cọ xát nhau mà nảy lửa, lửa cháy vào ngòi thông đến các ống hỏa thương hai bên thì các hỏa khí nổ bung lên. Giặc đầu dòng trăm vạn cũng đến chết cháy trong đám lửa hừng ấy.

Bài thuốc phun :

Diêm tiêu 2 lượng,	Lưu hoàng 6 cân,
Than thông 5 cân,	Nhọ nôi 5 cân,
Thiết phấn 3 cân 5 đồng,	Yến phấn 3 cân 5 phân,
Long não 3 phân,	

Bài thuốc súng :

Diêm tiêu 1 lượng,	Lưu hoàng 3 phân 5 ly
Than xoan 3 phân 5 ly,	

✕

7— PHÉP HÒA TIÊN CHỨA THUỐC ĐỘC.

Phàm it không địch được nhiều, yếu không địch được mạnh, đó là lẽ thường. Nhưng *Bình pháp* có nói : « Người đánh giỏi trước

làm thế địch không thể thắng được để chờ thế của địch mình có thể thắng ». Cho nên cầm quân 3000 người chống giặc năm đường, phỏng ở nơi đồng rộng đường dài, giặc đem cả nước sang đánh thì lấy gì mà chống được ? Nên dùng phép hỏa tiễn chữa thuốc độc :

Trước hết sai quân đào hai rãnh ở hai bên đường, sâu 4 thước 5 tấc, dài 200 bước hoặc 100 bước hay 50 bước, giữa đường lại đào một rãnh ngang để thông hai rãnh là hữu. Lại khiến thợ sắt đúc cái bầu sắt đường kính dày 2 thước, đường kính miệng 2 tấc 3 phân, hoặc 100 cái, hoặc 1.000 cái, hình như quả bầu. Lại làm ống sắt dài 1 thước 3 tấc, mỗi bầu 1 ống. Lấy thuốc độc nạp vào trong bầu, xong rồi lại đem ống sắt cắm vào trong bầu từ miệng đến đáy. Lại lấy thuốc súng nạp vào dây ống sắt. Lại lấy viên bánh thuốc độc nạp lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nạp lên trên bánh thuốc độc. Lại lấy mũi tên sắt 10 cái hoặc 100 cái hình như ngọn mác, dùng dây gai buộc làm một bó nạp lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nhét lên trên bó mũi tên. Lại lấy viên bánh thuốc độc nhét lên trên thuốc súng. Lại nạp mũi tên lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nhét lên trên mũi tên. Như thế 3, 4 lần, đến khi đầy ống thì thôi. Bấy giờ mới đem bầu sắt ấy để vào trong rãnh, miệng bầu hơi nghiêng trở lên, các ống đều cách nhau chừng một bước. Hai rãnh bên là bên hữu đều đặt như thế. Rồi sau đặt máy lửa ở rãnh ngang, trên có ngòi thuốc chạy vào miệng các ống ấy để làm thế nổ liên tiếp. Lại lấy nan tre làm phiên che lên trên các rãnh, phủ cát cỏ lên. Làm xong rồi, mới đi dụ giặc ra đánh nhau, giả cách thua mà chạy. Giặc thừa thế đuổi theo, đến chỗ rãnh ngang xéo phải máy lửa thì ngòi lửa cháy đến các ống mũi tên thuốc độc, thuốc súng cùng lửa đều nổ tung, dù trăm vạn quân cũng chỉ một chốc đều bị uất.

Bài thuốc bầu :

- Diêm tiêu 10 lượng.
- Than dầu 5 lượng.
- Thạch lư 1 lượng.
- Lưu hoàng 10 lượng.

- Phân chó sói 2 lượng.
- Hồ tiêu 2 lượng.
- Dương trình trực, tục gọi là quả ngón vàng, 1 lượng.
- Là ngải 2 lượng.
- Thiên tiên tử, tức là cà độc dược 1 lượng.
- Thuốc lao 2 lượng.
- Thiên hoa phấn 3 đồng cân.
- Ban miên, tức là họ đổ đổ dầu 1 lượng.
- Các vị trên tán nhỏ ra lấy nước mù xương rồng ngâm rồi phơi khô mà dùng.

Bài thuốc súng :

- Diêm tiêu 6 lượng.
- Than dầu 1 lượng.
- Lưu hoàng 5 đồng cân.

Bài bánh thuốc độc :

Diêm tiêu 7 lượng 2 đồng cân, Lưu hoàng 5 đồng 8 phân, Than dầu 1 lượng, Nhựa thông 1 lượng, Bã phiến 5 đồng cân, Voi 1 lượng, Nhọ nôi 5 đồng cân 3 ly.

Các vị trên tán nhỏ ra, trước đem nhựa thông nấu tan ra, rồi cho các vị thuốc vào, đun miệng ống mà nặn thành bánh, như bánh hương hoàn.



8 - PHÉP LÀM SÚNG GỖ.

Phàm súng đồng súng gang, người đời dễ biết, còn phép làm súng gỗ, chưa ai biết cả. Người làm tường không nên không xét mà dùng.

Sai thợ mộc lấy gỗ rất bền làm thành hình súng, thành rất dày, lòng rất rộng. Phần sau ống súng ước độ 1 thước thì trong

lông để nguyên. Bèn xẻ dọc ra làm hai mảnh. Lại lấy các thứ vôi, phấn vôi, mặt, đất thô hòa lẫn với nhau đem bôi vào lòng sùng, cốt cho trơn, xong rồi ghép hai mảnh lại thành một khẩu sùng. Lại lấy vôi, nhựa trám, nhựa thông, mặt, hòa lẫn nhau, gắn vào chỗ hai mảnh ghép nhau, rồi lấy dây sắt cuộn đánh đai thân sùng lại cho chắc chắn. Lại xoi một lỗ cho ngòi thuốc vào. Nhồi đạn và thuốc sùng vào để bắn, không khác gì sùng đồng sùng gang.



9 - PHÉP ĐỐT ĐUỐC TRƯỚC GIÓ :

Phàm đánh trận ban đêm phải có đèn đuốc. Nếu gặp lúc gió lớn mưa to thì làm thế nào mà đốt đuốc được ? Cho nên tiên công làm phép đốt đuốc rất thần diệu. Phàm đánh trận ban đêm đâu gặp gió bão mưa trát cũng vẫn sáng trưng, không lo tắt nữa.

Bài làm thuốc thần :

- Sơn khô 2 lượng, sao qua,
- Lưu hoàng 2 lượng,
- Lịch thanh, tức nhựa trám 2 lượng,
- Sáp ong 2 lượng,
- Diêm tiêu 2 lượng,
- Bột dầu đen 2 lượng.

Các vị trên tán nhỏ ra, trước đem nhựa trám nấu chảy ra cho các vị thuốc vào, lấy vải nặn thành thoi dài để vào trong ống tre, đốt ở trước gió không tắt.

Kiểm tra nói : Cách làm đèn phi thiên ngày nay cũng vẫn nên cùng dùng với đuốc này.



PHÉP LÀM ĐÈN PHI THIÊN.

Lấy giấy trắng làm lòng đèn hình như cái gàu múc nước, cao 2 thước, trên nhọn mà kín, dưới tròn mà rỗng, bề ngang hơn

1 thước, dưới đáy có vòng tròn bằng tre ; lấy dây sắt buộc như chữ thập, lấy một mờ bấc đèn làm đầu buộc vào chỗ dây sắt chữ thập mà đốt thì lửa đèn sinh ra gió đèn bay lên trời, theo chiều gió mà đi, sáng khắp cả bốn bề. Làm nhiều đèn ấy đốt thả lên càng tốt. Khôn khéo biết là nhường nào !

Các bí pháp hòa công trên này cộng 9 điều thực là trí diệu của cổ nhân, người học nên để lòng học thuộc.



THIÊN THỦY CHIẾN

Cao Chiếu-dương bàn rằng : Nước là cô tử thuở hồng mông (1), do khí của trời sinh ra, cho nên bảo rằng sức nó khỏe mà đi thuận chiều, người nhờ nó để sống mà nó cũng giỏi giết người, có thể chở vật mà cũng có thể lật chìm vật, từ trên cao mà chảy xuống, mạnh không cái gì bằng. Cho nên người xưa dùng nước vào việc binh, công dụng không thể kể hết. Như Hoàng đế làm thuyền, Hàn Tín theo đó mà làm chum gỗ, Chu Du theo đó mà lập thủy trận, bao cát túi cát của Gia-cát, long thăng hải nhạc (2) của Võ mục, tàu chiến bọc sắt của Văn-long, voi voi, cọc gỗ của Hồng vũ. Nay Lạc khê làm các phép thủy võng thủy lôi, Triệu Điền làm thủy long thủy nổ, đều theo phép đời xưa mà tiến hóa thôi. Xem như thế thì thủy chiến rất nhiều phương pháp, cốt mình khéo dùng. Cho nên *Binh pháp* nói rằng « Vạn dụng khéo ở một lòng, ngồi trong màn trướng mà quyết thắng ở nghìn dặm », há chẳng đúng sao. Còn như thư sinh non mặt, lừng hèn tối dạ, khư khư câu nệ không biết biến thông, chỉ biết nước làm tắt được lửa, gió động sinh ra sóng, mà không biết cái lẽ lửa chế được nước, không gió cũng sóng, có khác gì ngồi đây gióng xem trời, lấy bên dòng nước hiền, cũng như Triệu Quát (3) chỉ đọc sách của cha mà không biết thông biến, những người như thế thực là

(1) Thuở mới sinh ra trời đất.

(2) Dây thăng rồng và núi trong hiền.

(3) Triệu Quát : Tướng nước Triệu thời Chiến quốc, dùng binh chỉ theo sách học, không biết thông biến, đánh nhau với Bạch Khởi tướng Tần, bị Bạch Khởi chém sống bốn mươi vạn quân.

dáng thương. Cho nên tôi lược cử mấy điều biên chép thành tập này, để các bậc quân tử sau này ai học binh thư sẽ theo thời thông biến, chớ như người đánh dấu, mạn thuyền tìm gươm, thế thì binh pháp của Lạc-khê may ra khỏi sai lầm.

Lê Thủ-châu nói : Tinh nước mềm mà không yếu, khỏe mà không cứng, có lúc thì trắng soi trong vắt, có lúc thì nổi sóng ầm ầm, chặn lại thì lên núi, chảy xuôi thì về biển. Mạnh tử nói : «Nước chảy xuống chỗ thấp không ai ngăn được». Đây là tinh của nước. Ngụy Vô hầu nói: «Núi sông vững bền, tốt lắm, đây là của báu của nước Ngụy». Ngô hầu nói: «Ta có sông Trường-giang rất hiểm». Tuy nói như thế cũng là khá đấy, nhưng chưa bằng nhân chỗ hiểm mà đặt hiểm, đã tinh lại cầu cho tinh thêm, trong dầu nhân thế mà phóng lửa, trên gấm theo khổ mà thêm hoa, lại càng tốt hơn. Cho nên đóng cọc lòng sông, gài mỏ góc biển, lại vững chắc hơn, đặt thủy lôi đáy nước, đặt tên ngầm trong sông, lại càng hiểm lạ, há chẳng tốt sao? Lại xem như lúc Hán Quang-Vũ thua trận chạy đến sông Ô-đà, may mà băng đóng nên qua sông được, nếu băng không đóng thì làm thế nào? Cho nên đặt làm cầu phao trăm cặp. Thục Tiên chúa khi phi ngựa qua suối Đàn-Khê, nếu ngựa không nhảy sang thì làm thế nào? Cho nên làm ra phép chum dau để lội sông. Những bí pháp như các điều ấy, nếu không phải là người trí khôn cướp cơ tạo hóa thì làm thế nào được! Cho nên các phép của tiên công, so với cổ nhân lời sông đánh thủy, gặp nước bắc cầu cũng chẳng kém đâu. Học giả nên kính cần mà học.



1 — PHÉP LẤY NƯỚC NGỌT TRONG BIỂN.

Phàm tri tướng dụng binh, trong lúc thủy chiến thống suất hàng nghìn chiến hạm, muôn đội hùng binh, vượt biển mà đánh giặc, nhờ ra trong quân thiếu nước ngọt thì làm thế nào? Cho nên có phép lấy nước ngọt trong biển :

Trước hết sai thợ mộc đóng một cái thùng to, cao độ 5 thước, bề to sao cho xứng, chu vi kiên cố, nước không rỉ được.

Đục 5, 6 lỗ nhỏ ở đáy thùng, lấy vải trắng lụa mới trải ở đáy thùng phía trên lỗ. Xong rồi mới ra bãi cát ven biển đào một hốc to, thấy nước trong chảy ra, uống thấy ngọt thì lấy cát chỗ ấy chừa vào trong thùng, chừa trên miệng thùng nửa thước. Lại làm một cái chậu gỗ cao ước 1 thước to bằng miệng cái thùng kia, đem chậu ấy để dưới thùng, rồi để cả vào trong thuyền. Đến khi qua biển, sai quân múc nước biển dội vào trong thùng gỗ lên trên cát ; nên cho nước biển chảy dần dần xuống, chớ cho chảy mạnh, làm như cách lọc nước ; như thế thì nước biển thấm xuống đáy thùng mà gạn vào chậu, tự mất vị mặn mà thành vị ngọt, không khác gì nước giếng, dùng để giải khát cho ba quân, lo gì trong biển không có nước uống!



2 — PHÉP PHÁ XÍCH SẮT.

Khi chiến thuyền ta vào giang phận của giặc, bỗng gặp giặc dùng dây sắt chặn sông thì làm thế nào? Người làm tướng ngày thường nên sai thợ sắt đúc một cái thiết đề, miệng ngang rộng 2 thước, cán gỗ dài 3 thước, để ở trong chiến hạm. Khi gặp có xích sắt chặn sông thì lấy ba vị là diêm tiêu, lưu hoàng, nao sa cùng với than gỗ phóng vào trong thiết đề, thổi lửa nấu cho đỏ rực lên, đem đến chỗ xích sắt mà đốt, chốc lát xích sắt đỏ ra thì lấy húa lớn mà chắt, xích sắt phải gãy, thuyền ta thẳng lối như đi trên đất bằng, không ai ngăn được. Đây là nghĩa hỏa khắc kim, trí tướng nên biết trước điều ấy.



3 — PHÉP ĐẶT TÊN NGẦM DƯỚI NƯỚC.

Dùng cần tre cứng 100 cái hay 50 cái mỗi cần dùng một ống tre dài 1 thước 5 tấc, trên có lỗ thông, dưới để mắt, dưới mắt để giống thìa, đục một lỗ chéch chéo cắm đầu vào. Xong rồi, đục lỗ thông ở đầu mỗi ống đều nạp tên thuốc độc cho đầy ống. Bao nhiêu cần tre đều làm như thế. Khi gần đánh nhau xét trước cửa sông chỗ nào là đường thuyền giặc đi qua thì đem cần cắm xuống nước hai

bên cửa sông. Mỗi đầu cần buộc một sợi dây gai, dưới dây các cần buộc tùm lại làm một nắm dây to, đầu nắm dây to ấy buộc ngang vào một cái gỗ dài 1,5 tấc như hình chân gà, rồi đem nắm dây to ấy kéo ghì vào sau bờ sông, như thế thì các cần tre đều cong lên như hình cung mà các tên thì hướng trở lên. Hai bên đều thế. Lại do chính giữa cần tre ở phía ngoài cắm một cái cột ngắn ngầm dưới nước, đầu cột ấy làm cho bằng, kéo đầu nắm dây to chân gà để lên trên đầu cột ấy, lấy hòn đá lớn mà chặn, liệu chừng cho các cần tre đều cong thì tốt. Hai bên là hữu đều thế. Lại lấy một sợi gai buộc một hòn đá lớn ở bên tả, buộc liền với một hòn ở bên hữu mà chắn ngang lòng sông, chính giữa dây gai chắn ngang ấy lại buộc một cái neo đá với những ống phao nhỏ, liệu chừng cho lênh bênh theo sóng, nửa chìm nửa nổi thì tốt. Nếu thuyền giặc chọt đến, theo dòng nước tiến thẳng vào sông, thì mái chèo động vào dây chắn ngang sông, máy đá hai bên rơi xuống thì dây chân gà tuột ra, các cần tre đều bật lên mà tên ở các ống đều bắn theo nhau về một hướng.



4- PHÉP ĐÓNG CỌC LÒNG SÔNG.

Kiểm tra xét: Đời chúa Nguyễn dùng cách này của Lặc khê bắt được quân của tướng Trịnh là Gia quận công.

Cơ giữ nước tất lấy sông lớn làm hiểm. Song có sông lớn mà không chuẩn bị thì giữ thế nào? Cho nên đóng cọc lòng sông để ngăn bắt thuyền giặc, công hiệu gấp mười xích sắt chắn sông.

Nên sai ba quân chuẩn bị cọc gỗ độ 200 cái (1) cũng được, đem đến cửa sông cắm xuống nước, xa gần so le, dài ngắn không đều, hình như răng chó cái nhau, để ngầm dưới mắt nước không cho lộ thấy. Thuyền giặc tiến đến thì tất bị cọc gỗ ngăn trở, dù thuyền nhẹ buồm gió tốt, ra sức mà chèo, cũng không đi được một bước.



(1) Trên Quốc Tuấn đánh quân Nguyên chôn hàng vạn cọc ở lòng sông Bạch-Đằng.

5- PHÉP DÙNG CHUM TRE CHO QUÂN SANG SÔNG (1).

Khi tri tướng đem quân đi ngầm đánh úp quân giặc, nếu gặp sông hồ ngăn trở, lại không có thuyền ghe thì làm thế nào? Vẫn phải làm những cái chum bụng to miệng nhỏ, lấy nan tre vót mỏng đan thành hình chum và lại lấy vải gai làm đầu cũng giấy dầu và sơn bồi ngoài chum, đục nút miệng chum lại, rồi dùng ống tre k'ô buộc kèm vào hai bên chum, làm thời thì thả xuống sông, hai sách cặp mà bơi, ba quân có thể qua sông được, còn sợ gì nữa.



6- CÁCH LẤY NƯỚC LÊN NÚI.

Phàm nước chảy xuống chỗ thấp là lẽ thường, nhưng đập cho nó dẫn lên thì có thể qua đầu, lấp để tức nó thì có thể lên núi. Cho nên người tri có thể làm trái cơ của tạo hóa, làm ngược tình của ngũ hành, đều có phép diệu. Ví như quân đóng ở gò cao, nước ở ngôi sâu, hay là rút quân đóng đầu ở ruộng cao, mà nước thì ở dưới thấp, thế thì dùng ống tre mà hút nước, nước tự tang lên.

Cách làm: Lấy tre làm ống dài 30 thước, hoặc 50 thước, đục bỏ các mắt đi, lại làm ống ngắn bằng nửa ống dài. Chỗ đầu hai ống giáp nhau thì cưa chéo đi. Lại đục cho hai ống ngắn cắm vào đầu ống hợp vào như hình chữ bát (X). Lại lấy vải làm nhựa trám bồi vào mười lần cho kín. Sau làm một cái thùng to, vuông hay tròn cũng được, giữa đáy thùng đục một lỗ, đem ống dài cắm vào lỗ ấy cho vào trong thùng độ 2 thước, lại lấy vải làm nhựa trám bồi cho kín để đợi dùng. Khi dùng thì lấy nút bịt kín miệng ống ngắn lại, sai người khõe đem cái thùng ấy úp xuống đáy nước, lấy đá chặn lên không cho nghiêng lệch, rồi mới tháo bỏ cái nút ở đầu ống ra, nước tự nhiên vọt lên. (Lại có một bản chép rằng dùng nan tre đan thành một cái bình hình như quả bầu to, bồi bằng giấy dầu, dưới đáy chừa một lỗ lớn, đem ống tre dài luồn vào đáy chừng 2 thước, lấy vải nhựa trám mà bồi cho kín để đợi dùng).

1. Sơ nói một cách (chum gỗ) của Hàn Tín chế thích ở đầu sách này.

7- PHÉP LÀM CẦU PHAO TRÂM CẤP.

Quân sâm (1) nói: Gặp núi mở đường, gặp sông bắc cầu. Nếu qua sông không có cầu thì làm sao qua được? Cho nên dùng phép bắc cầu phao là diệu lắm.

Cách làm: Dùng ống tre đóng một cái khung hình vuông chữ nhật (井) dài 8 thước, ngang 5 thước, trong khung ấy cũng dùng ống tre xếp thẳng liền nhau, lại dùng then tre nhỏ xuyên ngang cho đầy khung, lấy dây mây buộc cho chắc chắn. Ở dưới khung, bèn tá treo ba cái hong bông to, bèn bừa cũng treo ba cái hong bông to. Hai bừa đầu khung trừ ống tre chừng hơn 5 tấc, dọc ngang một lỗ, tá hữu đối nhau, đây là cấp thứ nhất. Cấp thứ hai thứ ba đến thứ một trăm cũng làm như thế. Lại đặt ống đư của cấp thứ hai giúp với ống đư của cấp thứ nhất, ống đư của ống đư ngoài ống đư này, ống đư này ở trong ống đư kia, lấy thanh sắt tròn to bằng ngón tay đóng suốt hai ống với nhau, chỗ đầu đư dọc lỗ ngang làm chốt, lỗ tá xuyên sang hữu, lỗ hữu xuyên sang tả. Từ cấp thứ nhất đến cấp một trăm đều làm như thế. Lúc để ở quân dinh thì cấp thứ nhất để xuôi, cấp thứ hai lật ngược, cấp thứ ba lật xuôi, cấp thứ tư lật ngược, một cấp xuôi một cấp ngược, cứ thế mà để. Đến lúc dùng thì theo thứ tự ấy mà bỏ xuống nước, trăm vạn quân cũng sang sông được cả.

8- PHÉP LÀM VỎI VỎI NỒI SÓNG.

Phàm binh cơ có dấu có phục. Cho nên người trí tướng trong khi thủy chiến, làm phép vỏi vỏi nổi sóng phá giặc dễ như trở bàn tay. Xét vỏi đầu không chế được nước, mà nước lại khắc vỏi, cổ nhân làm trăm vỏi vỏi là bởi có ấy. Trận vỏi như trận nhân, hình chữ nhật (—). Vỏi thì đan bằng tre, vỏi ngang trở lên. Lại lấy vải tầm nhựa trăm cùng giấy dầy sơn khô bôi vào thân vỏi 7, 8 lần, rất kỹ. Rồi lấy 1.000 cào vỏi lán làm bột, nạp vào bụng vỏi, vỏi và cổ làm nút nút lại. Chân vỏi thì buộc dà to vào. Xong rồi buộc hai vỏi làm một, hoặc 30 vỏi hoặc 50 vỏi để đợi khi dùng. Phàm thấy giặc đem thủy binh đến

sắm lược ta, ta lập tức đem vỏi vỏi đặt ở trên bè, trên thuyền dựng cờ như giặc, trong cờ có viết lời phản gián. Xong rồi ta đánh nhau với giặc. Giặc thấy cờ có lời phản gián, tranh đến cướp lấy. Ta sai ngay quân đem những vỏi vỏi ấy xuống nước, tháo bỏ cái nút ở vỏi vỏi ra, nước vào bụng vỏi, vỏi và nước khắc nhau hóa làm sóng dữ, hơi độc xông lên, giặc hoảng hốt rối loạn, quân ta thừa thế đánh ngay, tất là phá tan được giặc.



9- PHÉP ĐẶT THỦY LÔI DƯỚI NƯỚC.

Phàm tri tướng dùng binh, phép phục địa lôi đã có, còn thuật phục thủy lôi dưới nước thì chưa thấy có. Cho nên đặt ra phép này, hoặc dụ giặc vào chỗ hiểm hồ sông ngòi hiểm trở mà đánh, há chẳng thành công hay sao?

Phép làm: Trước hết sai thợ mộc làm hai cái hòm gỗ, mỗi cái cao 5 thước, dài 6 thước, ngang 1 thước 5 tấc, chia làm năm tầng, rồi hợp lại làm một cái lồng tốt. Tầng trên dùng đuôi thau nhỏ và mảnh tre râu làm máy phát động, trên máy ấy treo dao sắt như hình lá vải, dưới máy để đá lửa cũng thuộc sắc, ngói và các thứ dễ đốt. Tầng thứ hai để 12 súng gang, mỗi khẩu dài 5 tấc, hình như ống tre, đều bằng gang mỏng. Lại làm nút sắt 5 phần vận tròn ốc. Khi lòng súng đã nhồi thuốc xong rồi, lấy nút sắt lấp kín cho kín miệng súng lại. Lại xuyên lỗ nhỏ để đặt ngói. Làm thế xong rồi, bèn đặt ngang ở tầng thứ hai. Rồi lại nhồi thuốc súng vào khoảng các súng để tiện cho ngói thuốc thấm vào. Đến tầng thứ ba cũng thế. Còn tầng thứ tư lại dùng hai cái bầu gang, trong chứa thuốc súng như cách làm hỏa cầu, ngoài bầu lấy rơm cũng nhựa trăm bao lại, rồi lấy dây sắt mà buộc cho chặt. Đến tầng thứ năm thì chưa các thứ giấy bôi và bông để phòng hơi nước. Lại dùng dây thau, lấy dầu nấu cho rất mềm rồi đem buộc vào chính giữa máy. Lại xuyên lỗ nhỏ ở các tầng để luồn dây thau xuống dưới dây hòm. Khi dùng hòm thì từ máy đá trở xuống sâu liền cả bốn tầng để ngói thuốc đi qua suối cả. Làm như thế xong, dùng một cái ống nhỏ dài 2 tấc ngang 3 phần tiếp vào bên ngoài dây hòm, khiến dây thau nhỏ qua ống ấy thò xuống, buộc một hòn sắt. Chỗ dưới

1. Lôi cơ sản về việc binh.

ống úy lấy vài sơn học lại cho kín. Lại lấy mỡ cá heo cùng mỡ rái cá bôi vào. Lại lấy danh sắt to đóng móc cho các lằng giáp nhau. Lại dùng dây sắt vuông bốn sợi bao cả trên dưới hòm ấy ; lại dùng dây mây mà quấn. Ngoài dây sắt và bí hòm đều sơn đen và bao bằng vải trắng cùng giấy Vĩnh-thọ phết như trám, khiến nước không thấm vào được. Rồi sau lại dùng dây tạm làm đai hòm, buộc hòm sắt vào hòm cho khỏi động dây làm rơi mây đá. Đáy hòm lại buộc hai sợi dây gai to, đầu hai sợi lại hợp làm một để đợi dùng. Lại đeo bong bóng to ở bốn góc đáy hòm, hiệu khi đặt trong nước thì nửa chìm nửa nổi là tốt. Làm như thế xong rồi, bèn đến cửa biển, cắm hai cột gỗ rỗng làm chỗ cho hòm tựa, cách mặt nước một thước rưỡi, không cho hở ra. Bèn đem hòm ấy đặt xuống nước tựa vào hai cột. Lại cắm bốn cái cột gỗ ngắn để làm giá, rồi đem hòm để trên bốn cột ấy. Trước hòm cắm hai cây cọc, đầu có bánh xe như kiềng róng rọc. Ngoài cây ấy lại cắm một cái cột to rọc thấp hơn cột có bánh xe 2 thước, đầu cột làm bằng, đặt một hòn đá to nặng độ nghìn trăm cân. Bèn lấy hai đầu dây hợp làm một ở đáy hòm đặt trên bánh xe và buộc vào hòm đá lớn làm máy. Hai bên bờ sông đều làm như thế. Rồi sau lấy dây gai nhỏ buộc bên tả bên hữu để chằng ngang qua sông và buộc vào mây đá. Làm như thế xong rồi mới cất cái dây tạm làm đai hòm, từ từ thả những hòm sắt ra mà buông xuống đáy nước thì tự nhiên yên ổn, không sợ chạy chệch đi chỗ khác. Nếu thuyền giặc chọt đến, mái chèo động vào dây nhỏ chằng ngang sông, dây động thì hòm đá lớn lăn xuống, đá rơi xuống đáy nước thì các hòm thủy lôi nổi lên mặt nước, mà hòm sắt và dây thau chìm xuống, mây đá lửa ở trong hòm phát động thì ngòi thuốc cháy xuống các tầng, thế lửa bùng lên, sắt đá tung ra mà giặc bị cháy hết. Chính là « Muốn khoanh thân long ngầm đáy nước, mây đoàn quân giặc chết trong sông ».

Lại dặn rằng : Hòm thủy lôi này các lằng dưới đời lỗ nhỏ đặt dây thau, buộc hòm sắt, cũng là việc móc các lằng bằng đinh lớn và các việc khác làm xong rồi, mới lện mây đá ở lằng trên, nhất thiết không được lay động, sự này đã rơi sấm thì tổn thương quân lính. Người trí tướng nên đề ý làm cho cẩn thận, và dùng đề tiết lện phép điện ấy.

Bài thuốc nạp súng nhỏ trong thủy lôi

Diêm tiêu 10 lượng, Lưu hoàng 1 lượng 5 phân
Than dầu 5 đồng cân.

Bài thuốc nạp vào hai bầu trong thủy lôi

Diêm tiêu 10 lượng, Lưu hoàng 5 đồng cân,
Than đen 5 đồng cân, Đồng thanh 2 đồng 3 phân
Thạch châu sa 8 phân, Thạch lư 6 phân,
Nào sa 8 phân.

Bài thuốc ngòi

Diêm tiêu 5 lượng, Lưu hoàng 5 phân,
Than dầu 1 đồng cân.

Các kỹ phương thủy chiến trên này cũng 9 điều, thực là quý thần không kể được. Người học binh pháp nên hết lòng mà học kỹ lấy.

Kiểm-trai xét: Năm Quang-hưng đời Lê Thế tôn, tiên công lói là nghĩa-lộc hầu, con Bàng quân công, theo đại vương Nguyễn Hoàng đi đánh giặc Mạc ở Hải-dương, đại vương sai ông đem ba chiến thuyền lớn đi liền phong. Họ Mạc đem vài nghìn hải phủ đi vài trăm chiếc thuyền nhỏ xông lại khiêu chiến. Bàng ông là Đào-Duy-Từ (1) bảo ông đem ngay tre nửa rơm ra đóng làm bè to, thả ngang giữa sông, rồi thuyền ta đem súng lớn bắn theo. Thuyền giặc tới bị bè dằng trờn ngăn trở, không xông lại được, bị súng của ta bắn chìm, thum cháy. Ông vì có công thắng trận ấy được phong hầu. Bèn tiến Duy-Từ cho đại vương, Duy-Từ giúp đại vương làm nên hà nghiệp ở cõi Nam, (2) làm khai quốc công thần, phong Lộc-khe hầu. Mọi làm sách này để dạy Chiêu-vũ Chiêu-vũ cũng thành công thần. Việc này dân chỉ là việc chế biến một thời, nhưng không đánh mà người phải khuất phục, chính là việc của Lộc-khe. Nhân phụ chép vào thiên thủy chiến này, cũng đủ thấy là Lộc-khe biết dùng binh.

(1) Sách chép là Đào Sĩ Từ người Hải-dương.

(2) Bỏ hai chữ: "Phép đeo bầu gỗ vông ra trận" vì ở Bầu hồ nói hệ mệnh đề tính chất mà lện.

THIÊN BỘ CHIẾN

Cao Chiếu-dương nói : Diên cốt yếu về bộ chiến có 10 điều :

Một là lư chỗ cao trông xuống, có thể đánh được.

Hai là lập trại đông dình, phải chiếm địa lợi trước.

Ba là ở đồng bằng nội rộng thì chiếm lũy đầu gió.

Bốn là ở cửa thung lũng rừng sâu thì ra kỹ đặt phục.

Năm là ở bãi cát sông chằm, thì quay lưng nước mà như giặc.

Sáu là ở gò cao bằng sáng thì cướp trước đường lấy nước.

Bảy là hai bên lũy trận tương đương thì cần nghiêm chỉnh trước.

Tám là giặc ở núi cao thì ngăn chặn đường nước.

Chín là giữ trước giữa hung trong lòng địch để chia thế giặc.

Mười là giặc tự xa đến thì cắt đứt đường lương.

Mười điều cốt yếu ấy, người trí giả liệu tính. Nếu giặc ở núi cao thì ta lấp nguồn suối ; nếu giặc ở đồng rộng thì ta nắm bến đò, đã chặt vô bông, lại đánh ở đầu, khiến thế giặc chia đôi, đầu đuôi không cứu nhau được. Bây giờ lấy mưu mà bắt, dễ như chẻ tre. Cho nên *Bình pháp* nói « trước làm thế địch không thể thắng được để chờ thế của địch mình có thể thắng », lời ấy thật đúng. Đâu vậy, phương pháp cũng nhiều, nếu không có phương pháp làm sao đánh được giặc ! Cho nên người xưa đắp lũy xây thành, sửa quốc lộ đào hào, để giữ bên trong chiến xa, nhưng xa, hỏa xa dễ giữ bên ngoài, phương pháp cũng kỹ càng chu đáo rồi. Nhưng chính lệnh thất nút dây (1) không thể giải quyết được việc rồi ren đời Tần ; nghệ thuật múa giáo mộc (2) không thể giải vây được trận Bình thành (3). Là vì thời thế thay đổi, xưa nay khác nhau. Cho nên chur công (4) đem hết sức thần, tạo nên các phép xe kiếm, lũy sát.

(1) Thất nút dây : Khi chưa có vận tỳ, thất nút dây để ghi nhớ công việc.

(2) Múa giáo mộc : Vua Thuấn đánh họ Hữu-miền, múa giáo mộc ở bên mà Hữu-miền phục.

(3) Bình thành : Hung-nô vây Hân Cao Tô ở Bình-thành 7 ngày. Cao Tô dùng mưu kế mới giải vây được. Bình thành tức là Bạch-dương thành (ở núi Bạch-dương) thuộc địa phận huyện Đại-dông tỉnh Sơn-tây.

(4) Chur công : Chỉ các ông Lộc Khê Triệu Diên...

xe sông hán liền, ông tên ngầm kín, thực là phát thần cơ của trời đất, tiết cốt tủy của hiền nhân, khiến cho người đời mắt thấy cơ mưu tinh diệu mà tự nhiên vui mừng mưa tụy mưa châu lên.

Lê Thủ-chân nói : Đời xưa dùng binh cũng nhiều phương pháp, nhưng thế chẳng qua là hùng binh đứng tương mà thôi, toàn là nhờ cơ xi che kín một trời, gương giáo như sương lấm liệt ; nếu đến đồng bằng nội rộng thì bày thành thế trận, gập chỗ núi sâu hang cùng thì đặt phục đặt kỹ, đây là lẽ thường, chưa nghe có thần cơ bí pháp gì. Đến khi nghe mấy phép lạ như phép hán một phát mười tên nổ của Ngọa-long (1), phép súng đồng hỏa lôi của Lưu Bá-ôn, ta đã phải than rằng : Dẫu trận rầm dãi quân đốt cũng chẳng đối địch nổi dây sắt đạn lửa. Đến như muốn đội hùm beo phục ở khoảng hang núi thì chưa bằng một người có thể bắn được vài mươi tên thuốc độc. Trải đến triều ta, anh hùng lữ lượt, thì thổ kỹ tài như các phép mọc bác thần lôi làm gãy chân tối mắt của Lộc-khê tiên sinh, các phép phục địa, phục tiễn, súng máy bắn liền của Bảo-thúc tiên sinh, các phép xe gương súng máy của Cao-Toàn tiên sinh, càng là huyền diệu, xem các phép ấy, kềm gì cỡ nhân ! Cho nên tiên sinh ta nói : « Bảo thư như ngọc chính trụ nhất, bất qui hồ đa chỉ qui tinh » (sách báu này dùng khi đánh giặc, chẳng cần binh lấm cốt dung tẩm), lời nói ấy thực đáng tin vậy.



1— PHÉP THẦN CƠ ĐÁP LŨY TẠM.

Phạm người đánh giỏi động ở trên chín tầng trời, người giữ giới giấu ở dưới chín tầng đất. Nếu đến chỗ đồng rộng đường xa, vội vàng chưa có thành lũy, thì giữ làm sao được ? Chẳng gì bằng hãy làm lũy tạm mà thôi.

Cách làm : Bón hệ đều dùng gỗ to làm cột, cắm ở bên ngoài, mỗi cột cao hơn 10 thước, cách nhau 1 thước, lại đặt cây ngang ở khoảng giữa cho chắc, rồi dùng cây chuối đặt bên ngoài, lớp lớp

(1) Tác Giả-cát-Lương.

nối nhau, san sát liền nhau, cao hơn 10 thước, dày hơn 1 thước rưỡi, như bình cái lũy. Lại lấy dây mây buộc lại cho chắc. Đó là lũy trong. Lại lấy sọt tre dựng đất xếp liền nhau cao bằng cây chuối để làm lũy giữa. Lại lấy gỗ dài nhọn 10 cây xâu liền các cây chuối sát nhau như ngón tay, mỗi một cây chuối cao 11 thước 5 tấc, trừ 1 thước 5 tấc không kể, còn 10 thước thì mỗi thước xâu cây gỗ dài ấy làm như hình bức tường. Lại sai quân lính khai rãnh ở ngoài các sọt đất sâu 1 thước 5 tấc, rộng 1 thước, rồi đem những cây chuối ấy trồng xuống, như hình cái thành để làm lũy ngoài. Lại lấy đao grom chông danh cắm lên trên cây chuối. Lại dùng súng gỗ, hỏa cầu, đặt liền ở trên lũy trong hàng sọt đất. Rồi mới sai quân lính cắt trượt tuần giữ để phòng hỏa chiến hỏa công. Lũy tam làm như thế, dầu giặc dùng súng lớn dây sắt đến đánh cũng không phá được.



2— PHÉP CHẾ CHIẾN XA BẮN NHIỀU PHÁT.

Tôi hỏi thầy rằng : «Phàm có thể lấy ít thắng nhiều, lấy yếu địch mạnh, lấy nhỏ chế lớn, mới gọi là đánh giỏi. Nếu đương chỗ đương dài nội rộng, chiến kỳ đã gần, mà giặc đem quân trăm vạn chạt mũi dầy nội kéo đến, ta thì quân ít thế yếu, vội vàng chưa có phòng bị và đợi phục dùng kỳ thì làm thế nào ? » Thầy nói : «Phàm quân giặc tự xa xông pha gió sương mà đến, thế hẳn nhọc mệt. Ta đem ngay phép xe súng mà chế thủ để như trở bàn tay, có sợ gì đâu». — Tôi nói : «Xin được nghe đại lược phép ấy». Thầy nói : «Xe ấy có sáu bánh, lúc trước đến sau cộng 7 thước, ngang 10 thước, ở giữa lát ván, trước xe dựng vững 20 cái cột ngắn, mỗi cột cao 1 thước 5 tấc, làm hình chữ thập. Lại chia ngang một xe làm hai ngăn, mỗi ngăn mười cột, sau mỗi cột đặt một cái ghế cao 1 thước 3 tấc. Xong rồi sai thợ đúc 2 hòm sắt, hình như cái quạt, mỗi hòm dày 3 phân dài 1 thước, rộng 1 thước, chia làm hai phần nắp và đáy; trên nắp chính giữa đục một lỗ tròn to hơn 1 tấc, liệu sao lạng nắp trên đáy vào lạng đáy dưới mà giáp nhau chính giữa thì tốt. Mặt trước hòm ở giữa chỗ nắp đáy giáp nhau đục 10 lỗ vuông, mỗi lỗ 1 tấc 3 phân, liệu nửa lỗ ở phần nắp cũng nửa lỗ ở phần

đáy hợp lại thành một lỗ thi khiêu. Lại đục cho mỗi hòm 10 cái súng sắt vuông, mỗi súng dài 4 thước, to 1 tấc 2 phân, hình vuông lòng tròn. Trước mặt hòm, mỗi lỗ xỏ một súng thẳng đến mặt sau của hòm. Liệu đặt các súng ấy cho lỗ phát hỏa liền nhau một hàng mới được. Lại lấy sắt như danh nhét vào chỗ giữa súng và súng kia giáp nhau, khiến những miệng sắt cùng các súng bằng nhau thì tốt. Rồi sau đem hai hòm sắt ấy đặt lên trên hai ghế, mỗi súng gác miệng vào trên cột chữ thập. Nạp thuốc đạn, mỗi súng một liều thuốc 2 viên đạn sắt, nạp xong lại nhét thuốc súng vào chỗ lỗ phát hỏa của các súng. Đem hòm dây kim lại, dây xe tiền thẳng đến trước mặt quân giặc, lấy dây lửa dốt ở lỗ trên nắp chấy thông vào trong lỗ, lỗ hỏa của súng cháy suốt vào trong lòng súng thì tự nhiên súng nổ tung đạn ra.

Xem cách làm xe này một xe 20 súng bắn, ở chỗ đồng rộng bất quá 10 xe thì dầu giặc có trăm vạn quân, bắn một phát cũng chết hết.

Kiểm tra xét : Hai phép trên này thực có hiệu nghiệm. Trước tiên công tôi là Kết quân công ở đầu đời Quang-hiệu Lê Chiêu tôn theo quân vua đi đánh ngay chúa là Trần Thủ ở Lạng Sơn. Tương truyền rằng lúc ấy giặc mở quan lũy phủ dùng cấm và trăm kéo đến để liều chết đánh mà quan của ông đều là con em thành thị không dấy 300 người. Ông bèn sai ty trong sở trên ngực quân lính xem người nào đánh trống ngực thì cho quì xuống đất một vai vào súng sắt, một người lại xạ đứng kềm ở bên một vai vào giáo dài, dư binh thì cầm đao ngắn đứng giáp dầy, bày thành một trận tròn để đợi. Lúc quân giặc đến thì bị giáo dài ngăn trở, không xông vào được, quân thiện xạ đều bắn súng ru, quân giặc chết hết. Đây tuy là việc ngày xưa, mà cũng với hai phép trên này ngấm ngấm giống nhau, nên biên vào đây để ghi hiệu nghiệm và kìa tài ứng biến.



3— PHÉP XE GƯƠM PHÁ GIẶC.

Phàm tri tướng hành binh, cốt vận dụng một lòng, không để tiện lợi, cho nên tiến thì như gió, dừng thì như núi, si động

đến là bị vỡ, phàm đến là bị cháy, đi đến đâu cũng vô địch. Như giặc ở trong thành cây cao hiểm, hay là ở chỗ đường dài cây sừng mạnh tiến lên mà ta không phá được, thì ta dùng xe grom để đánh.

Cách làm: Xe có bốn bánh, trước sau to đều 8 thước, ngang 6 thước, khoảng giữa lát ván, hai bên dựng hai cột cao 6 thước 5 tấc, đầu cột làm hình chữ thập. Lại lấy gỗ tròn làm ống, đường kính 1 thước, góc ngang lên đầu hai cột, lấy thanh sắt đóng vào cho chặt. Lại lấy cây gỗ rần dài 7 thước cắm vào trong ống và lấy 1 sợi dây da thắt chặt vào cái gỗ rần ở trong ống như hình cái dây khoan. Lại đục hai lỗ ở hai bên cái ống luồn hai đầu dây ra cho thò xuống dưới, lấy hai cái gỗ buộc ngang như hình chữ thập. Lại lấy hai bánh xe dày 4 tấc, mặt to 1 thước, lắp ngang vào hai đầu cái gỗ rần, dùng thanh sắt đóng lại cho chặt. Chung quanh bánh xe đều cắm dao grom, mỗi grom dài 1 thước 5 tấc, dùng dây sắt buộc lại thật chặt. Lại do từ chỗ máy trong xuyên ngang ra ngoài độ 3 thước, lấy da trâu che lại, ở ngoài da trâu lại dựng một ống cao 3 thước rưỡi, lại dựng một cái gỗ rần cắm thẳng vào trong ống, lại lấy dây da thắt lại như trên. Lại đục một lỗ ở bên ống, đem đầu dây thùa luồn ra, lạt cho xuyên qua da trâu vào đến ống ngang trong máy, đầu dây thông xuống cũng làm hình chữ thập. Ở trên cái gỗ rần của ống ngoài, lại đặt bằng 1 bánh xe mặt to 1 thước, lấy thanh sắt đóng vào, bốn bên cũng cắm dao grom như ở trước. Liên mỗi grom bánh xe ngang cách da trâu 8 tấc thì khéo. Sau xe lại có một cây gỗ thò ra để tiện đẩy xe lên. Trên xe che bằng da trâu như mái nhà để đỡ tên đạn. Khi dùng thì trước sai một người ngồi ở máy trong, ngoài cái ống máy ngang, trong cái da trâu, cầm cái đầu dây của ống máy thẳng mà kéo cho xoay. Lại sai một người ở đằng sau xe, trên ván lát lấy hai tay kéo hai đầu dây cho chuyển động, một tiến một lui, một thuận một nghịch như cách xay lúa. Như thế thì những dao grom hai bên và mặt trước mưa rồi lên, giặc không dám đến gần. Ta tiến đến dưới thành, hoặc dùng hỏa công mà đốt, hoặc dùng thang máy trèo lên, đều được như ý, lo gì thành giặc không phủ nổi, hung đảng không trừ hết. Đây là phép diệu xe grom.

X

4— PHÉP GÀI TÊN DƯỚI ĐẤT

Phàm đánh nhau với giặc ở chỗ đồng bằng nội rừng, cỏ nhàn bay thành thể trận, đó là lẽ thường, chưa phải là diệu. Nay có một cách gọi là gài tên dưới đất, rất là thần kỳ. Phép lạ ấy làm sao? Lấy tre cường làm cần, không cứ nhiều ít, Xin lấy một cần mà nói. Trên dùng một ống tre, trên thì thông miệng, dưới thì để một, dưới một khoét một lỗ chừa để chỉ đầu cần tre vào, xong rồi trong ống nạp tên thuốc độc cho đầy, mỗi cần tre đều làm như thế, hoặc 50 cái hay 80 cái cũng được. Bấy giờ mới đào một cái ao như hình cái quạt, sâu nông rộng hẹp thì liệu cho vừa, đem các cần tre cắm hàng chữ nhật ở trong ao; ở đáy ao lại dựng một cây gỗ dài phổ làm máy, dè lên đầu các cần tre, uốn các cần tre đều cong như hình cung khiến các ống tên đều chĩa chệch lên trời. Ở trên máy ấy trồng một cột gỗ, đầu cột có bánh xe. Xong rồi lấy dây gai buộc vào giữa cây ngang máy, dẫn dây vào bánh xe dẫn rột như phép rông rọc và kéo ra đằng sau. Cách hơn 30 bước, lại đào một cái lỗ tròn, đục lỗ ván làm máy như phép thiên la áp trụy (1), đem các đầu dây ấy buộc vào giữa cái máy ván rồi lấp bằng trên mặt đất đi. Bỗng đem quân khiêu chiến, giữ cách từa chày, quân giặc đuổi theo thì xéo vào chỗ ván máy, ván sập thì dây gai kéo, dây gai kéo thì máy trong ao đều rột mà các cần tre đều bật lên, tên thuốc độc ở trong các ống đều bắn tung lên, quân giặc đều chết. Cho nên *Bảo thư* mới rằng «Chính phu hòa thành mô nang (bị gió thổi rơi) là thế đấy».

✱

5— PHÉP ÓNG TÊN DẤU HÌNH.

Một hôm tôi hỏi bạn rằng: Trưưc Ngọa-long (2) có phép bắn một phát mười tên, đây là thần kỳ. Nay lấy trí khôn của chúng ta mà bắn thì một phát nó có thể bắn được mười tên không?

Bạn tôi trả lời rằng: Trí khôn của cò nhàn ta đâu đảm bị. Nhưng thành nhân cò nói: Người ngu nghệ nghìn điều hẳn cũng có một điều được. Nay tôi ngồi yên mà nghĩ được một phép diệu

(1) Thiên la áp trụy: Xem ở sau.

(2) Gia-cát Lượng.

gọi là ống tên giấu hình. Phép ấy một nô cũng có thể biến một phát vài chục tên.

Tôi xin được biết đại lược phép ấy.

Bạn nói : Phép này nên dùng tre nũi làm một cái ống dài 5 thước 5 tấc, trên đầu ống làm miệng, dưới ống để mắt, dưới mắt để lại thừa độ hơn 2 tấc. Lại đo tự chỗ mắt để trở xuống cách 1 tấc dúi ngang một lỗ. Lại đo tự lỗ ấy trở xuống 1 tấc, nửa trên để vậy, nửa dưới cắt hai bên đi, chỗ cắt thì đóng hai cái danh thau như hình chữ nhị (二). Xong rồi, bèn làm một cái nõ to thật khỏe, trước lấy dây nõ buộc vào đầu cánh bên tả của nõ, dây dư thì luồn qua lỗ ngang dưới ống tên, rồi đem dây buộc sang cánh bên hữu của nõ. Xong rồi, làm một cái giá gỗ như hình chữ lĩnh (井), giữa giá dựng một cái cột cao 1 thước 1 tấc, có bốn bánh xe để tiện xoay chuyển mà bắn. Lúc dùng thì đem nõ ấy để lên đầu cột ở giữa cái giá, lấy dây mây buộc cho chắc, rồi sau cho người kéo dây nõ giương lên, mà đem hai danh thau ở đằng sau ống tên cắm vào mây nõ, xong rồi nạp tên thuốc độc vào ống ấy cho đầy ống, để mũi tên thò ra ngoài miệng ống 1 tấc làm cứ. Lại ở dưới mây nõ buộc một sợi dây gai giữ lấy để dùng. Lúc dùng thì sai người kéo cái dây gai, dây gai động thì mây nõ bật lên mà dây nõ ống tên đều phát, các tên trong ống đều nhàn sức bắn của ống tên mà bắn tung ra bốn mặt, quân giặc chống sao cho nổi!



6— PHÉP NẤU CƠM Ở ĐẦU NGỰA.

Phàm thẹn mấy việc binh qui hồ nhanh chóng, cho nên cổ nhân nói : Canh ba năm cơm, canh năm quân trảy. Nếu gặp việc cần phải đi tự canh đầu, chưa kịp nấu cơm thì làm thế nào? Cho nên đặt ra phép nấu cơm ở đầu ngựa.

Cách làm : Trước khi sai lính kỵ mà hoặc 200 hoặc 300 người, làm sẵn 200, 300 đoạn ống tre tươi lớn. Hãy nói một đoạn : dài từ 3 đốt, đốt thứ nhất làm có miệng, để hoàn toàn, đốt dưới dẹo nhỏ cho tiện cầm; lấy gạo nước đo đốt trên đổ vào ống tre, lấy gỗ mũi miệng lại. Dùng một bó thuốc. Các ống khác

cũng làm như thế. Bấy giờ mới truyền lệnh cho 300 người lên ngựa, bình khi treo ở yên ngựa, mỗi người một tay cầm ống gạo một tay cầm bó thuốc vào ống gạo. Ống ấy cháy thì cơm chín. 300 kỵ binh đều no, hăng hái thêm lên, gặp giặc thì đánh, ai chống cự được!

Kiểm-trai xét : Đây là phép nấu cơm của Liễu quân sư truyền lại. Nhưng trước tiên công tới là Bàng quân công theo Lê Trang tôn ở sông Mã, đi ngấm đường núi, không có nước sôi, ông sai quân lính lấy ống tre non cho gạo vào lấy lửa đốt, tự nhiên nước trong ống tre sôi lên mà thành cơm (1). Khái thi bề cảnh trảm mà uống.



7— PHÉP THUỐC TIÊN CHỊU ĐÓI (2).

Bài thuốc *Tễ sư ứng cơ đơn*.

Đào nhân 1 lượng.

Cam thảo 1 cân.

Đỗ trọng 4 lượng.

Bạc hà 4 lượng.

Hành nhân 1 cân (nếu chín bỏ vỏ và dầu nhọ).

Tiểu hồi 4 lượng sao chín.

Phục linh 1 lượng.

Cát cánh 3 lượng.

Các vị trên này tằm nhỏ trộn cho đều, mỗi lần dùng một nắm ngậm ở trong miệng, gắp các lá cây cỏ như lá thông lá bách lấy nhả ngậm cho hóa ra nước mà nuốt với thuốc này thì nhan sắc như cũ, khí lực không kém, thực là thuốc tiên.

Bài thuốc : *Thần tiên sung phúc đơn* :

Hạt vừng đen 1 cân.

(1) Đây là phép nấu cơm làm của người miền núi.

(2) Đoạn đầu mục này nói việc Đỗ Phục-uy gặp lên được truyền hai bài thuốc tiên, chúng tôi bỏ không dịch.

Đậu đen 1 cân.

Long cốt 5 đồng cân.

Ô đầu 1 đồng cân.

Táo hồng 1 cân.

Xích thạch chi 5 đồng cân.

Phòng phong 5 đồng cân.

Các vị trên này tẩm pho ra, luyện mất làm hoàn to bằng viên đạn, lấy chú sa làm áo, mỗi lần dùng một viên, uống nước lã tổng xuống được một ngày không dói, thực là bài thuốc lạ.

Lại một bài nữa

Táo hồng 1 cân.

Vừng đen 1 cân.

Nhân sâm 1 cân.

Đền táo nhỏ, luyện mất, viên to bằng viên đạn.

Kiểm tra nội - Hai bài thuốc trên này kỹ vị bình hòa, đều là ôn bổ, chậm chước dần làm một bài thuốc càng tốt.

84. PHÉP THANG HAI TẦNG.

Phạm dùng binh lên núi qua sông, vượt nơi nguy hiểm, đều cần chuẩn bị dây đủ. Như giặc ở trong trại, thành cao vài trượng thì đáng cách gì để treo vào thành?

Cách làm : Làm hai tầng thang, tầng thứ nhất dài 30 thước, ngang 4 thước, tầng thứ hai cũng dài 30 thước, ngang 3 thước 5 tấc. Trước đặt thang tầng thứ hai vào trong thang tầng thứ nhất, đầu thang dùng gỗ rần làm theo ngang, với hai thang làm một, ở dưới thang tầng thứ hai đóng móc sắt. Khi muốn lên thành đem hai thang giúp làm một bậc lên thành, treo lên thang tầng thứ nhất, lên đến đầu thang thì đem thang tầng thứ hai vắt lên trên thành, đem móc sắc ở đầu thang móc vào đầu thành, quàng linh kiện vào mà lên. Thế là lên được thành.

9 - PHÉP SÚNG BẮN ĐÓ NÚI.

Phạm người danh giỏi có thể lấy ít mà địch nhiều, lấy yếu mà địch mạnh. Vì như ở chỗ đồng bằng nội rộng, quân giặc trăm vạn như sông cuộn biển sôi mà đến, thì nên dùng súng máy nhỏ bắn, giặc tất tan gãy.

Cách làm : Trước hết làm ba khẩu súng to, mỗi khẩu trước lấy gỗ nhỏ làm một bộ to 2 thước dài 6 thước để làm cái cốt súng. Lại lấy gỗ rần to 2 thước dài 5 thước 5 tấc, trên bằng dưới nhọn, đặt vào sau cái cốt để làm đáy súng. Lại lấy rom trâu, phân voi trộn vào đất gan trâu, luyện thành bùn để bọc ngoài cốt súng và đáy súng dày 3 tấc. Lại lấy da trâu bao kín ngoài đất, lấy dây gai buộc lại cho chặt. Lại lấy đất luyện nào trước đắp vào bên ngoài da trâu, dày 2 tấc. Lại lấy thanh tre dặt thẳng ở ngoài lán đất, ghép liền cho kín, ngoài lấy dây sắt mà buộc. Xong rồi, mới lấy cái cốt ra. Lại lấy đuôi sắt đuôi lò, cho ống sắt nhỏ vào để làm lỗ ngòi. Ba khẩu súng đều làm như thế. Xong rồi, sai thợ làm đạn đầy sắt, mỗi viên đạn đường kính 1 thước 5 tấc 5 phân, chia làm hai mảnh, mỗi mảnh đục lỗ ruột sắt đi bằng cái chày, chính giữa đuôi một lỗ, lấy dây sắt mà buộc, là chày sung hữu, hữu chày sung tả, rồi đem dây sắt vện lại thành một khối để vào trong lòng hai mảnh, sao cho hai mảnh hợp lại thành một hòn đạn thì tốt. Bây giờ mới lấy thuốc súng nạp vào dưới đáy súng, lại lấy đạn dây sắt nạp vào trên thuốc súng. Ba khẩu súng đều làm như thế.

Lại như khẩu súng giữa, nên lấy ống gang tròn nạp vào ở trên đạn dây sắt. Phép làm ống gang có bốn loại. Cái ống mẹ lớn dài 2 thước, to 1 thước 8 tấc, dày 1 phân; ống mẹ nhỏ dài 1 thước 8 phân, to 1 thước 7 tấc, dày 1 phân; ống con lớn dài 1 thước 5 tấc, to 1 thước 6 tấc, dài 1 phân; ống con nhỏ dài 1 thước 1 tấc, to 1 thước 5 tấc, dày 1 phân. Bốn ống đều có nắp trên ốc, ở dưới có dây bằng. Trước đem ống con nhỏ nhồi thuốc súng vào, xoay nắp trên ốc, nạp vào trong ống con lớn; lại nhồi thuốc súng vào trong ống con lớn ngoài ống con nhỏ, cũng xoay nắp trên ốc lại; lại nạp ống con lớn vào trong ống mẹ nhỏ, cũng nạp thuốc súng và xoay nắp như trước; lại đem ống mẹ nhỏ nạp vào trong ống mẹ lớn, cũng nạp thuốc súng và xoay nắp lại. Xong tất cả rồi lại lấy dây sắt đuôi

một lỗ tự ngoài ống mẹ lớn thẳng suốt vào các ống con, để làm lỗ ngòi, lại lấy dây ngòi thuốc lươn vào, cái đầu thừa của ngòi thuốc quấn vào quanh mình ống mẹ lớn. Lại lấy dây gai buộc 3, 4 lần. Lại lấy bẹ chuối tươi buộc vào ngoài da gai, rồi đem dưới ngòi thuốc xuyên ra ngoài để chờ đỡ đầu hỏa chuyển vào, rồi nạp vào trong lòng súng ở trên đan dây sắt. Lại lấy vải giấy bọc một bao đạn nhỏ để lên trên các ống sắt. Đây là cách làm khẩu súng giữa. Còn hai khẩu súng bên tả hữu hữu thì nên dùng tên sắt dài 2 thước, lấy dây da nhỏ buộc thành một bó để vào trên đan dây sắt. xong rồi thì ngoài ba khẩu súng ấy dựng hai cột ở hai bên tả hữu, mỗi cột cao quá thân khẩu súng 1 thước, đầu mỗi cột dài ngang một lỗ rộng 2 tấc, tả hữu đối nhau. Lại lấy hai mảnh gỗ ghép lại làm một to độ 1 tấc hơn, cài vào lỗ hai đầu cột ở trên ba khẩu súng, ở giữa hai mảnh gỗ ghép nhau lại ghép ba miếng gỗ nhỏ, ngay vào ba lỗ phát hỏa của ba khẩu súng thì tốt. Mỗi đầu mảnh gỗ lại buộc một sợi dây to, rồi sau lấy ba sợi dây gai buộc vào miếng gỗ nhỏ, dưới dây hợp lại làm một. Khi muốn bắn thì rút dây ấy xuống, tự nhiên cả ba khẩu súng đều nổ. Giặc đâu có phép tăng hình điệu thổ cũng trở thành người dưới suối vàng mà thôi.

11 điều (1) bộ chiến trên này thực là phép diệu xuất quỷ nhập thần, có cơ quý thần bất trắc. Ván dựng máy thiêng, phát mình những điều bảo thư chưa phát, bị lòng trời đất, truyền lại những thuật lạ của lịch quỷ còn truyền. Người học nên hết lòng vào đây.

THIÊN THỦ TRẠI

Cao Chiếu-dương nói: Phạm diện cốt yếu trong phép lập trại, trước hết phải tìm địa lợi. Cho nên người trị tướng dựa núi chia nước, bốn mặt thông nhau, trước có bình dương (2), sau có gò cao, để liên trông nhìn, núi bên tả quanh ôm để tiện phục binh, nước bên

(1) Đã bỏ đi 2 điều, chỉ còn 9 điều.

(2) Nơi sông phẳng vắng sêu.

hữu thông dòng, để tiện vận lương. Nếu không được địa hình như thế, mà ở chỗ đồng ruộng thì chiếu theo bát quái mà đặt tam cửa hoặc ngũ hành mà lập năm trại, trong mỗi trại đều có phương pháp. Văn đến người xưa chế các thuật thần máy gỗ gác núi, biển chông, nữ tương, cầu treo, rừng sỏi (1), thực đều kỳ lạ. Nhưng ngoài phép vẫn có kẻ gian, thuật thuật vẫn có họa ngầm, cũng chưa được hoàn thiện. Giaoasen của ông Lê-khê, Triệu-Điền triều ta lại đặt ra các phép thần nổ bình đầu, song đẳng, trù lực, những phép ấy thực là tài giỏi, người xưa chưa biết. Đến nay bọn chúng tôi trộm lấy sống thừa ở biển cả, nơi đã có rất nhiều sơn, lòng nghĩ rằng không gặp gỡ hẳn thì sao biết được báo thù là sức, cho nên trở hết tài tâm thường mà chế ra các phép này để giữ lấy, đợi trời về trại (2), cũng là các phép nổ cũng phòng gian, thay thế trời giặc, có khác gì cái nhỏ khỏa tại với cái kính, chôn oanh khỏa tại với chim bằng. Tuy nhiên gặp việc nên biết không phải như ông thầy, người ngu há chẳng có một điều nghĩ được, cho nên đem hết hình sinh mà chế ra các phép này, còn phạm sự kỳ diệu đợi các bậc quân tử xét.

12. Thục-hàn nói: Kết trại đặt dinh tất phải xem địa lợi, hoặc dựa núi dựa hang, hoặc giữ hiểm nhân ghềnh, hoặc theo bát quái mà lập tam cửa, hoặc xem ngũ hành mà lập năm trại, đây là do người trị tướng liên dinh, (3) thì có câu:

Đầu trại nương bàn khúc chuyển non bầy;
 Sơn sát vào đồn thủ tự khai.
 Chỉ xét quân dinh táng tạo hóa.

Tuy nhiên như vậy, lúc ở yên phải nghĩ đến lúc nguy. Giặc hiện tại quyết cách, không thể lường được, hoặc gian nhân thích khách (ngàn đến) hoặc nhân đem mà cướp trại đánh dinh. Cho nên trị tướng đời xưa ngồi trong trường xem hướng gió thổi mà tìm nước đất phẳng, xuất lộ, đây là phương lược của kẻ thông.

(1) Về các vật này xin xem **Bách thư yếu lược**.

(2) Chữ bản là "trời về trại".

(3) Như ở núi, có núi ở (3) ở (4)

các quả phải phải (4)

Đến Lộc-khe tiên sinh thì không xem hướng gió, không đặt phục binh. Phạm nơi đóng trại đều rào chông chà, treo bần chông, rắc gai góc, gài tạt lè, ngầm dể tróc lối (1) cần thần như thế, giặc đến có cánh cũng chẳng bay đến được. Song bọn chúng tôi tưởng nắm được dĩ chí của cỏ nhân, theo được thần cơ của tiên giặc, còn sợ chưa được tinh mật, cho nên dặt ra các phép nỏ thần giữ trại, và phép đặt chử dinh ở thủy trại, chưa bằng tiên nhân những công dụng cũng có bổ ích một chút.

1 - PHÉP MÁY ĐÁ GIỮ TRẠI

Phạm phép giữ rất khó, cho nên cỏ nhân dưng đủ các thứ rãng sỏi, bần chông, hỏa tiễn, hỏa công để phòng bị. Nhưng các phép ấy dân hay mà công dụng cũng khó, cho nên Lộc-khe tiên sinh chế ra phép mảy đá giấu lửa để giữ thành lũy, giặc có quân trảm vạn, bắc thang cao mà treo lên cũng đều thối nát xương tan, còn lo gì nó đuc thành nữa.

Cách làm : Bốn mặt lũy, trên đầu lũy bên ngoài tâu cũng dựng lên hai cột nhỏ dài 5 tấc, cách nhau hơn 30 thước, lại đóng gỗ rần dài hơn 30 thước, rộng 4 thước, bốn góc đều có vòng sắt. Trước đem vòng sắt của hai góc vắn ấy treo lên cột ngắn trên lũy, còn hai góc mé ngoài thì bỏ xuống. Lại dựng một cái cột ở trong lũy, cao hơn lũy 3 thước, đầu cột dặt bích xe làm thành vòng rọc. Lại lấy dây mây buộc vòng sắt hai góc bên ngoài của tấm ván, dấy góc bên tả chằng sùng góc bên hữu. Xong rồi lại dùng một dây buộc vào giữa dây hai góc dặt vào trong lũy để lên trên cái vòng rọc ở đầu cột cao, đầu dây buộc chặt vào dưới chân cột. Rồi đem đá to dặt chông chắt trên tấm ván. Bốn mặt lũy đều làm như thế. Nếu quân giặc bắc thang máy treo thành mà lên, hay là nó đào lũy phá thành, thì ta lập tức cắt đứt cái dây ở chân cột, tấm ván nghiêng ra mà đá đổ xuống cả.

Lại sai quân đào một hố vuông vức 4 thước ở bên trong chỗ gần lũy, xong rồi, lại lấy đá lớn rùng sùng phơi khô làm gối cho lính nằm ở trong hố ấy để nghe xem giặc có đào hang dưới đất hay không. Phép này thực là thần diệu.



(1) Tróc lối: Đào bí lối ngầm.

2 - PHÉP NỎ THẦN GIỮ TRẠI

Đại-tướng trước hết phải bảo trọng thân mình. Nếu không như thế, thông hoặc kẻ gian lên vào được mà lùn lại thì Nhà nước cậy vào đâu, xã tắc dựa vào đâu? Cho nên làm tướng ngày thì nghiêm lệnh như Chu Á-phu (1), đêm thì phòng gian như Trịnh tử (2), mà còn làm sự lo sợ ngay ngày non nớp, há dám ngủ kỹ cậy mạnh mà coi thường tinh mệnh đâu! Cho nên Lộc-khe tiên sinh chế ra phép đặt mảy nỏ giữ trại. Giả sử Kinh-Khu (3) sống lại Nhiếp Chính (4) phục sinh, cũng chỉ làm người dưới tuổi vàng mà thôi, còn cậy gì về đao găm mũi nhọn nữa!

Cách làm : Dựng một cái nỏ lớn, soi rãnh đặt ba tên, dưới nỏ ở chính giữa lại lùn một lỗ tròn to hơn 1 tấc. Lại dựng một cột gỗ ở cửa trại, gần chỗ hồ môn (5), đầu cột dùng một cốt sắt tròn đóng vào 5 phần, cao hơn đầu cột 2 tấc. Rồi đem lỗ tròn dưới nỏ lồng vào cột sắt ấy, để tiện xoay chuyển. Đầu nỏ lùn một cái vòng thau. Lại lấy hai sợi dây tơ nhỏ, một sợi giăng buộc vòng thau vào cái lùn cửa bên tả, một sợi giăng buộc vào bạo cửa bên hữu, tạm thắt lại như cách thắt giải áo. Lại dũi dẳng sau nỏ một lỗ chếch, lấy gỗ nhỏ cắm vào, nửa ở dưới nỏ nửa ở trên nỏ để làm mảy nỏ. Lại lấy một miếng gỗ dờ ở đầu dưới mảy nỏ ấy tạm cái vào bên cột mảy. Rồi sau giương giây nỏ dặt vào trên mảy, bên trên dặt ba tên để dực dưng. Nếu kẻ gian vô ý xông vào, động phải dây tơ, nỏ tự xoay chuyển, rơi cái gỗ dờ, dây nỏ bật lên, tên nỏ bắn ra.



3 - PHÉP DÂY TIÊN TRỜI GIẶC

Phạm đem trong dinh phải có cách phòng gian; cách nào nên làm trước? Nên dưng dây tiên trời giặc.

- (1) Chu Á-phu: Tướng đời Hán Văn đế, rất nghiêm quân lệnh, vua đến cũng không chạ vào và nói rằng trong quân chỉ biết lệnh của tướng.
- (2) Trịnh tử: Trịnh Tử Sâm, trước khi đem quân đi đánh giặc dặt người canh cửa giữ các quan, giữ các phủ khố cẩn thận rồi mới đem quân đi.
- (3) Kinh Khu: Dưng sĩ nước Yên cầm đao găm vào điện vua Tần, xuất hầu dâm được Tần vương (Tần Thủy Hoàng).
- (4) Nhiếp Chính: Dưng sĩ người ấp Chỉ cầm gương dâm chết tướng nước Hán là Hiệp lũy, báo thù cho Nghiêm Trọng tử.
- (5) Hồ môn: Chỗ cửa dèm đi lại về hình con hồ để tỏ uy mãnh.

Cách làm : Trước dựng hai cái cột lớn ở hai bên cửa trướng, hai bên cột treo hai cái đèn đỏ, bắc đèn làm các thứ diêm tiêu lưu hoàng. Lại lấy dây mây chằng ngang hai cột, cột bên tả buộc sang bên hữu, cột bên hữu buộc sang bên tả. Lại lấy hai miếng gỗ rần cài vào trên dây mây, liệu cách cột mỗi bên 3 thước hai bên đều thế. Lại sai hai người khỏe vắn hai miếng gỗ vắn mười lần rất chặt. Treo chuông đồng ở đầu hai miếng gỗ ấy. Lại lấy hai sợi dây gai buộc hai miếng gỗ ấy kéo ra ngoài cửa, làm phép mây động như phép bình đình. Xong rồi, lại lấy một thanh gỗ rần cắm ngang vào hai đầu miếng gỗ. Lại lấy một sợi dây da trâu buộc vào giữa thanh gỗ ngang ấy treo xuống làm một cái vòng to, liệu chừng cái máy phát động vừa đứng vào giữa vòng ấy thì khéo. Lại đào lỗ ở trong vòng ấy làm máy phát hỏa, trong máy có ngòi thuốc ngậm thông đến đèn đỏ hai bên, để đợi dùng. Nếu có kẻ gian vô ý bước vào vòng ấy, động vào máy thì hai miếng gỗ chuyển ngược, chuông đồng kêu vang lên đèn đỏ bật sáng lên, kẻ gian sẽ bị trời ngay.

Kiểm trại xét : Phép này làm như phép bình đình. Nhưng phép bình đình thất truyền, không thể hiểu được. Cứ ý tôi nghĩ : nên đem hai dây gai buộc hai miếng gỗ kéo ra ngoài cửa hợp làm một dây, đầu dây thò xuống buộc vào miếng gỗ ngang nhỏ dài 2 tấc như chữ đinh « 丁 », lại đào lỗ dưới đất, lấy ván dài hồng đặt trên miệng lỗ, lấy gỗ nhỏ buộc đầu dây đặt xuống dưới lỗ hồng của ván. Lại lấy gạch đá chân bên tấm ván ấy, lấy đất cát rải bằng trên mặt. Dây da trâu thì đứng vòng sắt tròn bề kính 5 phân buộc vào đầu dây, lại một đầu luồn vào vòng sắt rồi mới đem buộc vào gỗ ngang trên mây. Cái đầu dây buộc vòng sắt còn thừa rủ xuống, nên dẫn chạy vòng quanh làm vòng tròn to, chạy bên ngoài quanh cái lỗ đất mây.



4- PHÉP NỔ KHỎE PHÒNG GIAN.

Phòng trại trướng lập đình đóng trại tất phải chuẩn bị trước để phòng kẻ gian tế. Như trong cửa đình nên làm một cái nổ khỏe, sai thợ soi ba tóng bắn được ba tên. Rồi sau dựng giá

gỗ cao 3 thước, đặt nổ lên trên, hoặc lại cho chặt. Đàng sau lại dựng một cái cao 2 thước 5 tấc, đầu cột làm bánh xe như ròng rọc. Lại ở trước cái giá gỗ ở cách hơn 10 bước đào một lỗ, sau 1 thước hơn, trên nhỏ dưới to, mặt lỗ ấy làm mây đặt một tấm ván tròn ở trên, rải đất cát cho bằng, không để lộ ra. Lầm như thế xong rồi, bèo giương dây nổ lên mây, đặt ba tên nổ thần, mũi tên làm thuốc độc. Lại lấy một sợi dây gai nhỏ buộc ở mây nổ, đem dây ấy gác lên bánh xe, rồi kéo ra trước nổ, buộc vào lùm ván tròn. Nếu trong đêm tối thích khách của giặc lên đến, chân xéo lùm ván vào tấm ván tròn ở trên miệng lỗ, ván ấy rơi vào trong lỗ thì sợi dây động, tên đều bắn ra, trung là chết.

Bài thuốc độc làm tên.

Nhựa cây thẩu cốt (tục gọi là nhựa cây cọng). Ban miến, Tử hạch (đá nam châm), Điền cơ (tục gọi là khơm dại).

Gác vị trên giá riêng ra nưi cả vào trong ống tre, rồi đem lên nổ bỏ vào ống tre ngay 3 tháng 10 ngày



5- PHÉP LUỚI TRỜI YỂM TRẠI.

Trước tôi từng hỏi thầy rằng : *Bình pháp* có nói « Người đánh giỏi trước giả làm yếu, sau tỏ là mạnh, khiến người đến mà không để người khiến mình đến » là nghĩa thế nào? Thầy nói : « Lấy nhàn mà đợi nhọc, gọi là trạc bình, thừa thắng mà đánh, gọi là kiêu binh. Ứng binh thì được, kiêu binh thì thua. Cho nên ta trước giả làm yếu là muốn làm cho giặc kiêu, sau tỏ sức mạnh là để hoàn toàn nắm sự thắng về ta. Tôi nói : Kể ấy làm thế nào? » Thầy nói : « Lấy lợi mà như họ, gọi là dụ giặc, lấy kế mà đánh úp, gọi là đặt kỳ. Lấy quân giặc tham lợi mà địch với mưu đặt kỳ, khác gì đàn dê đánh nhau với hổ dữ, không được là rõ ràng lắm, còn phải nói gì. Ví như quân giặc mới đến, khiến chiến ta, ta nên yên quân không động, đợi khi nhuệ khí của giặc hơi suy, rồi in ra quân giao chiến, giả cách thua mà chạy, bỏ cả trại sạch. Quân giặc tất đuổi theo tranh cướp lấy trại, khi giặc hẳn kiêu, ta lại ra quân khiến chiến làm cho nó tức, đợi đến lúc đánh đương suy, ta lại từ từ mà lui,

giặc tất cho ta là nhất, rồi chạy suốt vào trại thiên la. Ta đánh phá giặc dễ như lấy đồ trong túi.

Tôi lại hỏi: «Phép thiên la thế nào?»

Thầy nói: «Phép làm, trước lấy dây gai đan làm lưới to, bốn mặt đều có mảnh tre làm, xếp, bốn góc đều có vòng sắt, mỗi vòng đường kính 2 tấc. Lại đo bốn bên lưới ấy, chia trên đất làm bốn góc, mỗi góc đóng hai cái cọc, mỗi cọc cao 2 thước, cách nhau 1 thước, đầu cọc đục suốt một lỗ tròn to 2 tấc 5 phần, 2 lỗ ở hai cọc đối nhau; bốn góc đều thế. Lại đóng gỗ đẽo làm bốn cái cột neo, mỗi cái dài 8 thước, cái neo một đầu đục cốt sắt to 1 tấc 9 phần đóng thẳng vào, một đầu dùi ngang một lỗ to 2 tấc. Lại có một thanh gỗ rắn dài 1 thước 6 tấc, to 1 tấc 9 phần. Bốn góc đều làm đủ như thế. Đến khi dùng, trước hết đem cái neo ấy để ở quãng giữa hai cái cọc, lấy thanh gỗ rắn cắm vào như hình chàng xay. Lại lấy cùn gỗ đầu neo cắm vào vòng sắt bốn mặt lưới, giương lưới lên cao. Lại dùng bốn cái cây nổng, nổng bốn cái neo lên. Xong rồi lại lấy bốn sợi dây buộc vào chân cái cây nổng kéo ra. Xong rồi, lại lấy một mảnh ván vuông 2 thước, bốn góc ván ấy dài 2 lỗ, lại sai người đào ở chính giữa một cái hố vuông sâu 2 thước, trên nhỏ dưới to, đem mảnh ván vuông ấy đặt lên trên hố, rồi kéo dây ấy buộc vào lỗ ở bốn góc ván vuông ấy. Trên lưới treo các thứ dao, thương tên, đá, ngoài lưới làm sẵn nhà sát đó như kiểu nhà trại. Nhờ giặc đến đấy, quân giặc tham lợi, không ngờ tránh nhau cướp trại, xéo vào ván vuông sụp xuống, dây giữ cây nổng bốn mặt đổ xuống, mặt lưới sụp chụp hết.



6— PHÉP CHỮ ĐÌNH GIỮ THỦY TRẠI.

Phàm khi thủy chiến, dùng chiến thuyền kết làm thủy trại, ban đêm ngủ phải có cách phòng gian, nếu không phòng gian thì không phải là trí tướng. Muốn phòng gian phải làm phép đặt chuông.

Cách làm: ở giữa sông dựng hai cái cột cao 4 thước, cách nhau 10 thước, đầu cột gác một cái gỗ ngang làm chữ đinh (丁), hai cột đều thế. Hai bên cái gỗ ngang của mỗi cột treo hai cái thanh la đồng. Đó là phép cột chữ đinh ngang sông,

Lại đi từ hai cột ấy ra ngoài 10 thước, bên tả bên hữu cũng dựng hai cột chữ đinh, cũng treo thanh la như trước (Cộng thanh la ngang sông và hai bên tả hữu là 8 cái). Trước mỗi thanh la dựng một cần tre cao vừa đến chính giữa thanh la, ở dưới mỗi cần tre trong dây nước đều đóng cọc ngắn, đầu cọc làm bằng. Rồi buộc dây gai vào mỗi đầu cần tre, đầu dây lại buộc vào cái gỗ ngang. Lại đem cần tre kéo xuống uốn thành hình cung, đặt trên đầu cọc bằng, lấy đá đè lên; làm cọc đều thế. Mỗi hòn đá lại buộc bằng dây gai, đầu các dây gai ấy hợp làm một, lại dùng một sợi dây gai dài 100 thước hay 50 thước buộc vào hòn đá, kéo ra bên ngoài mà chằng ngang sông. Nếu có thuyền giặc ban đêm lên vào thủy trại, mai chèo động vào dây chằng ngang sông thì các hòn đá ở đầu cọc đều rơi xuống mà cần tre đều đập vào thanh la kêu vang lên thì ta biết ngay. Đó là phép đặt chữ đinh giữ thủy trại.



7— PHÉP LÀM CỜ XEM HƯỚNG GIÓ.

Gió là hiệu lệnh của trời, cho nên biết xem gió thì điều hay biết trước và điều không hay cũng biết trước. Như sắp hành binh mà không biết xem hướng gió thì biết đầu lãnh dữ mà làm theo hay tránh đi. Muốn xem hướng gió thì trước làm cờ xem gió.

Cách làm: Ngoài cửa trại, dựng một cái cột cao vài mươi thước trên đầu cột đặt một cái bánh xe cùng một con điều bằng gỗ, có cái cờ nhỏ như hình đầu cột buộc. Lại lấy mười cần lông đuôi gà kết làm một sợi dây dài bằng cái cột, buộc vào sau đuôi điều gỗ, đầu dây, thò xuống, hai lấy lông ngựa kết làm một húp như hình hoa cúc; lại lấy một sợi dây gai nhỏ bằng sợi dây lông ấy buộc vào đầu mỏ điều gỗ, đầu dây thò xuống buộc một hòn sắt, để xem hướng gió. Nếu có gió thì con điều gỗ chuyển động theo mà dây lông hay lên. Muốn biết hướng gió thì dùng một sợi dây tơ nhỏ buộc vào dưới húp lông hoa cúc của dây lông, buộc qua sông gấp cái dây có hòn sắt ở mỏ điều. Rồi dùng đĩa bầu có kim chỉ nam đặt ở dưới cái dây ngang ấy thì biết hướng gió bốn phương tám mặt.



Lời lộng binh về tập thiên.

Kiểm-trai xét: Khoảng đời Lê Chiêu-thống, Nam triều có Loan-khê xử sĩ theo quân đến, đem sách này đến yết kiến tiên công lời là tiến sĩ chiêu thảo lộng quân cầm binh binh mã trường quân nói rằng: « Sách này có thể dùng để cần vương đánh giặc ». Tôi thấy chỗ bàn Tập Thiên có huấn từ, tôi xin tiên công tôi hiện định. Nay xin thuật lời bàn rằng: Trời là ông cha của chúng sinh, là gốc rễ của vạn vật, tôn trọng tuyệt đối, to lớn không còn cái gì ở ngoài. Dẫu to như cá còn nhảy 3 nghìn dặm, chim bằng bay 9 vạn dặm, cao như núi Thái-sơn, sâu như sông Hoàng-hà, cũng chỉ là một vật nhỏ trong bầu trời. Tôi đọc sách binh pháp không phải không nhiều, nhưng chạt án đây hóm đều là hình trạng mây gió, dải dòng dây sách đều là hình thể rắn chim. Duy có sách *Hồ trường khu cơ* rất là tinh diệu, rất là giản dị. Nếu người ta học được thì trong lúc thông thốt vẫn bền uoi như thường, dẫu có thần binh năm lộ cũng chẳng bằng xem cá, vỗ đùi (1), vận dụng một lòng mà có thể bẻ mũi nhọn, đánh tan trận, không suy nghĩ mà làm được, không miễn cưỡng mà đúng phép, hình như tạo hóa tự nhiên. Cho nên tôi cách *Lộ-khê* hơn một trăm năm, mà xem diện pháp lưu truyền, thần cơ tạo hóa, còn khiến phải thế lười lười dạ, huống là người được thần gần học tập! Nay bốn thiên trong tập này (2) cũng 36 điều, thực là thần máy của hồ trường, khóa chốt của tường môn, thực xứng với tên *Hồ trường khu cơ* vậy. Cho nên tôi đối với thiên này thì bảo lữ nên tiêm tâm, tận tâm, dụng tâm, đối với các bài thơ thì bảo lữ nên xét kỹ, nghĩ kỹ, xem qui, đọc làm, cũng chẳng nên sao? Nay xin làm lời huấn từ, đề tỏ cái ý ba lần ra lệnh, năm lần nhắc lại.

Huấn từ rằng:

Tờ giấy mỏng điểm bao nét ngọc, sách bìa vàng sáng tựa ngọc châu. Đem văn giáo để giữ thành thi nghĩa sâu của *Lân kinh* (3), dùng võ công để đẹp loạn thi thần máy của Hồ trường (4). Cầm cờ tướng đàm dương ngoài cõi, liếng thơn lấy lừng:

(1) Xem cá, vỗ đùi: Lữ Ân cũng đi xem đánh cờ ở Ấp Đường; Hân Văn để nghe Phòng Đường nói truyện Liêm Pha Lý Mục thì vỗ đùi mà nói rằng: Ta được Liêm Pha Lý Mục mà dưng thì sợ gì.

(2) Tập thiên.

(3) Kinh Xuân thu.

(4) Tức là Hồ trường khu cơ.

ngồi trong màn quyết định mưu mô, chước thần không sót. Vén mây mù ở hang nguyệt, kinh ngọc của tường môn; quét khói bụi ở chân trời, rửa thiên của binh trường. Chứa cả kiến khôn vào sách bầu, rất sâu rất tinh; phát tạo hóa trong lụa vàng, càng kỹ diệu. Xem tam tài mà đặt tên tập (1), văn sáng như ngọc lạnh; lấy tứ tượng mà chia thiên (2), chữ đẹp như châu quý. Định giang sơn của xã tắc, oanh liệt rồng bay; trong vũ trụ lập công danh, tit cao hăng liêng. Quét sạch khói lang ở cửa ải, không phải mỗi tay, đặt yên nhà nhạn trong cõi trần, không cần nhân trần. Rửa niết nguyệt trên mây biếu, thiên phước quý kinh; dựng núi sông làm nghiệp to, trời tươi sao sáng. Lừng nghĩa dưng đến nghìn thuở, nào ai địch cũng; định thái bình trong một thời, không gì sánh kịp. Sách thư xướng trước đỡ trời một tay; trúc bạch truyền đời lưu danh muôn thuở. Cầu nhâu đầu trong đồ thần, thua gì Tử Nha; trở kinh luân ở dưới trời, kèm dàu Y Doãn. Thợ là khóa chốt của cửa tường, người học phải suy; thợ là theo máy của nhà binh, người bầy chờ bảo. Tiên giác bao cao cả; huấn từ nên kính theo.

(1) Thiên tập, Địa tập, Nhân tập.

(2) Tứ tượng: Theo lời số của Kinh Dịch thì tứ tượng là kim mộc thủy hỏa.

HỒ TRƯỞNG KHU CƠ

QUYỀN II

TẬP ĐỊA

- Yêu chi bàn về trận
- Các phép trận
- Yêu luận về giáo trường diễn trận
- Yêu phép phá trận
- Tổng binh về tập địa

Kho sách xưa Quán Ven Đường

YÊU CHI BÀN VỀ TRẬN.

Cao Chiên-dương nói : Phép bày trận bắt đầu từ Hoàng đế đánh Xi-vưu, trên xem trời, dưới xem đất, theo số âm dương chẵn lẻ cùng việc quỷ thần tạo hóa mà làm ra phép chính kỹ biến hóa (1) làm ra cơ khởi phục hành chỉ (2), mà đặt ra các trận Thái cực, Thái tổ, Tiến thiên, Thái thủy. Hà đồ, khiến cho hàng trận của ba quân rõ ràng trật tự. Cho nên tiến thì nhanh như gió, đóng thì vững như núi. Chỗ nào dụng là đầu, biến chính binh làm kỹ binh. Ví như con rắn Thường-sơn, đánh đầu thì đuôi cứu, đánh đuôi thì đầu cứu, đánh giữa thì đầu đuôi cùng cứu, mà cái thế nằm cơ, yên như bàn thạch, quân hàng ức vạn, vững như Thái sơn, công của Hoàng đế sánh cùng trời đất vậy. Về sau có sách *Lục thao* của Thái công, sách *Tam lược* của Hoàng-thạch công, sách *Binh pháp* của Tôn tử, sách *Yêu chi* của Tử Phòng, phát thiên căn ở dĩ vãng, dò nguyệt quật ở tương lai, mà làm thành 72 phép, khiến cho đời sau biết phép nhiệm mầu, thì công các ông ấy cũng ngang với Hoàng đế vậy. Từ sau khi các ông ấy mất đi, người học binh thư đều mờ mịt không biết nguồn gốc. Đến đời Hậu Hán có bảy người hiền ở Long-trung (3), ngâm ngẫm dụng hội, đem truyền bảo nhau chế ra các trận Bát môn kim tỏa, Chu thiên hồn nguyên, trận pháp ấy rõ như mặt trời mặt trăng phát minh những điều tiên hiền chưa phát, người đời ấy xem như vên mây mù mà thấy trời xanh, cắt gai góc mà thấy đường cái, vậy công của bảy người hiền ấy cũng với công của các ông trước kia có thể ngang hàng mà không trái nhau, học giả nên kinh cần mà đọc.

Kiểm-trai xét: Bảy người hiền ở Long-trung là Thủy kính Tư-mã Huy, Bàng-dức công, Gia-cát Khổng-minh Thời Châu-bình, Thạch Quảng-tuyên, Từ Thử, Mạnh công Uy.

Lê Thủ-chân nói: Trận là bày binh, chẳng qua là bộ khúc phân minh, quân cơ chính tức mà thôi. Tuy nhiên, cái đạo làm tướng

(1) Chính kỹ biến hóa : Biến hóa chính làm kỹ, kỹ làm chính.

(2) Khởi phục hành chỉ : Dậy nếp, đi dừng.

(3) Long-trung : Tên núi ở tỉnh Hà-bắc, nơi Gia-cát Lượng ở ẩn.

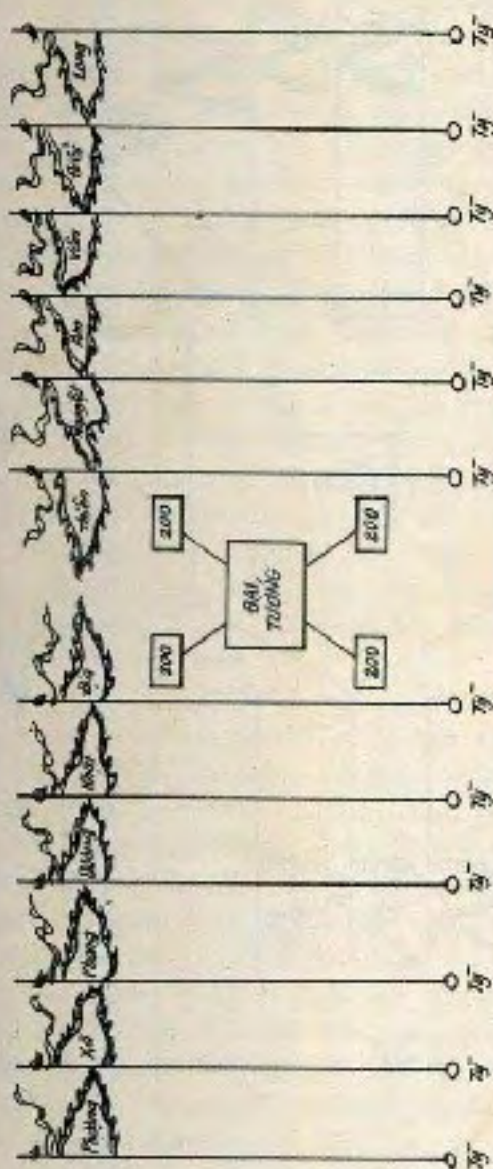
mà không biết trận pháp thì khác gì chân què mà chạy, ngoảnh mặt vào tường mà đứng, để đến nỗi tình mệnh ba quân xác tan ở sa trường, hồn vía ở chiến địa, mà tiêu tụy ở khoảng lười gồm mũi giáo là tội bởi ai? Cho nên Hiền viên xem trên xét dưới, thấy trời có các sao Vũ-khúc Pha-quán, đất có các tượng Ngũ nhạc Cửu châu, thì biết khoảng trời đất đã có trận thế tự nhiên rồi, huống chi là người! Bởi thế mới đặt ra các trận pháp Thái cực, Thái tổ, Thái thủy và Hà đồ, Bát quái, Tiên thiên, khắp rồi trở lại, vòng quanh không mỗi, biến hóa màu nhiệm, đều có lẽ tự nhiên của trời đất. Cho nên ban tôi cho rằng vòng Hoàng đế sáu cõi trời đất cũng chẳng phải sao! Bởi vì phép trận, không đầu đuôi, không sau không trước, bốn phương tám mặt, hỗn nhiên không biết đầu mỗi vạn ngựa nghìn binh, san sát chẳng biết cửa ngõ. Đến khi giặc đánh chỗ nào thì lấy chỗ ấy làm đầu, mà tách ra trước sau tả hữu để đến cứu. Cho nên *Binh-pháp* nói rằng «chỗ nào đụng là đầu», chẳng rất đúng sao!

CÁC PHEP TRẬN

Trận thứ nhất : Thái cực bao hàm

Trận thứ hai : Thái tổ tam tài

Trận thứ ba : Thái thủy hàn nguyên

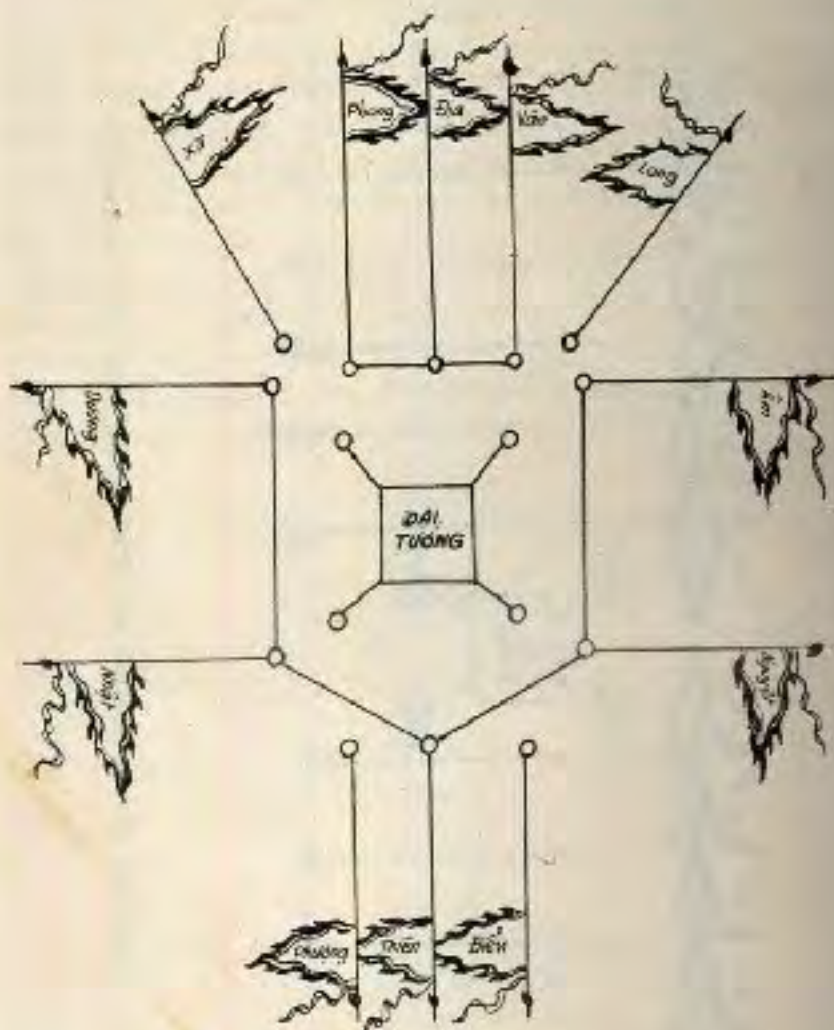


HÌNH 1 - 2 Trận thứ nhất và trận thứ hai ; Thái cực bao hàm và Thái tổ tam tài

BÀN VỀ BA TRẬN TRÊN.

Ba trận trên là phép cờ do Hoàng đế chế, số quân có 5.800 người mà đại tướng ở giữa cầm quân cơ đủ 1.000 người, còn 4.800 người chia làm 12 đội, mỗi đội có một ty tướng coi 400 người. Đây là số quân. Nếu muốn bày trận thì trước bày trận *Thái cực bao hàm*, đại tướng ở giữa đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, trước bày trận ngũ hành, một hành làm một trận, mỗi đội 200 người. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng, đội Địa bèn tả cách đại tướng 30 bước mà đứng; đội Thiên bèn hữu cách đại tướng 30 bước mà đứng. Xong rồi đại tướng lại đánh một tiếng chiêng, ngoài đội Địa bèn tả là đội Nhật nối theo, ngoài đội Nhật là đội Dương nối theo; ngoài đội Dương là đội Phong nối theo, ngoài đội Phong là đội Xà nối theo, ngoài đội Xà là đội Phượng nối theo. Bên hữu, ngoài đội Thiên là đội Nguyệt nối theo, ngoài đội Nguyệt là đội Âm nối theo, ngoài đội Âm là đội Vân nối theo, ngoài đội Vân là đội Điều nối theo, ngoài đội Điều là đội Long nối theo. Thành hình chữ nhật (—). Nếu bên tả đội Phượng gặp giặc thì lấy đội Phượng làm chính, đội Xà làm kỳ, đội Phong tiếp chiến, đội Dương ứng cứu, đội Nhật làm chi bèn tả; đội Địa làm cánh bèn tả, để cùng giúp nhau. Bên hữu đội Long gặp giặc thì lấy đội Long làm chính, đội Điều làm kỳ, đội Vân tiếp chiến, đội Âm cứu ứng, đội Nguyệt làm chi bèn hữu, đội Thiên làm cánh bên hữu. Như thế thành trận thứ nhất *Thái cực bao hàm*.

Nếu muốn biến làm trận *Thái tổ tam tài* thì đại tướng đánh một tiếng chiêng, thổi ba tiếng còi; đại tướng tiến lên bày trận ngũ hành mà đứng. Ở dưới thì hai đội Thiên Địa cách nhau 50 bước mà đứng. Bên tả, ngoài đội Địa thì đội Nhật đứng nối ngang theo để làm dây trận. Bên hữu ngoài đội Thiên thì đội Nguyệt cũng đứng nối ngang để làm dây trận. Xong rồi, đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì bên tả đội Dương đi chéo lên đứng vào bên ngoài đội Nhật, ngoài đội Dương đội Phong cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Phong, đội Xà cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Xà đội Phượng cũng đi chéo lên đứng nối theo. Bên hữu đội Âm đi chéo lên đứng bên ngoài đội Nguyệt, ngoài đội Âm đội Vân cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Vân đội Điều cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Điều đội Long cũng đi chéo lên đứng nối theo. Phép tiến



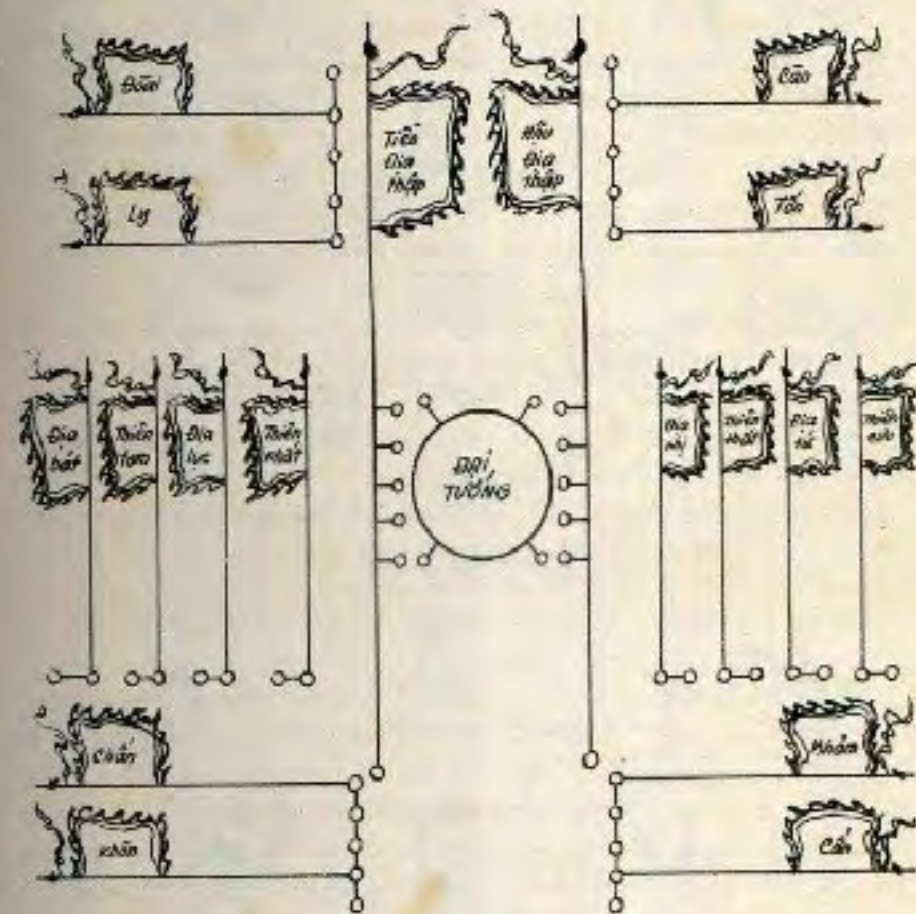
HÌNH 3. Trận thứ ba. Biến làm trận Thái thủy hồn nguyên

lui đánh đăm cũng giống trận trước. Đây là trận thứ hai biến làm *Thái tổ tam tài*.

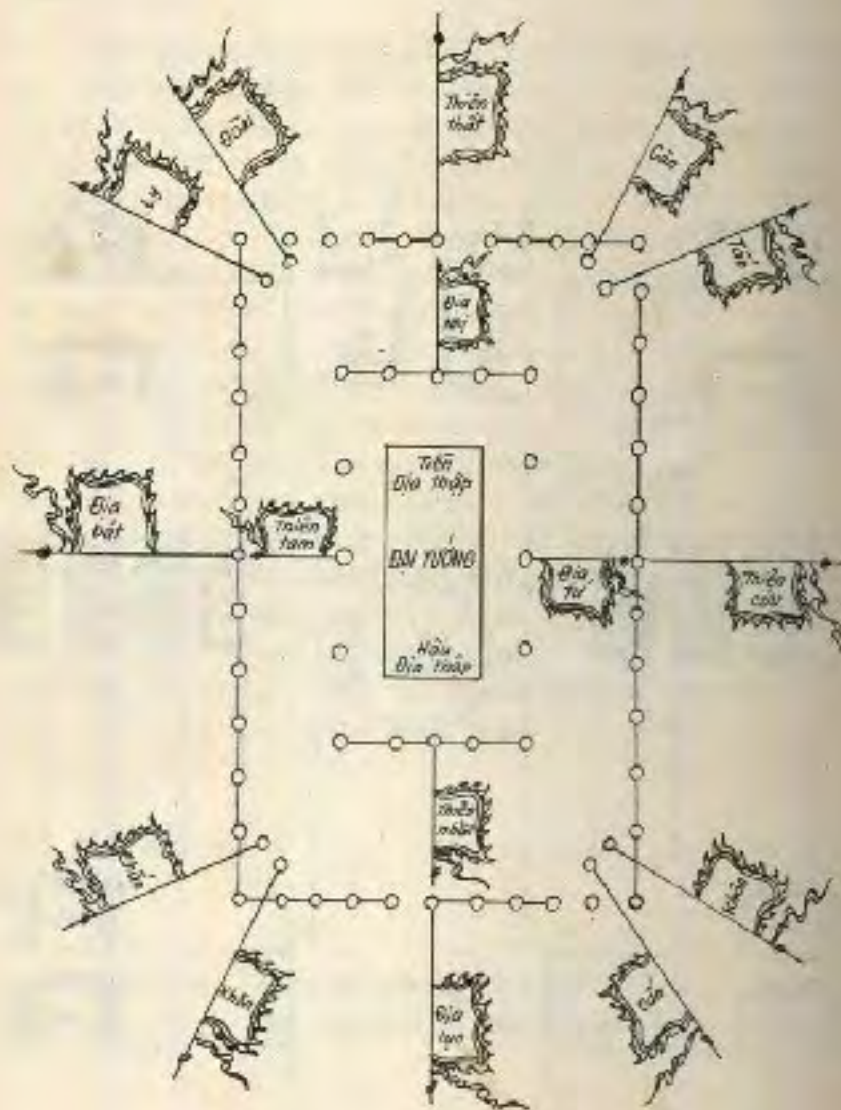
Nếu muốn biến làm trận *Thái thủy hồn nguyên* đại tướng đánh một tiếng chiêng, thổi ba tiếng còi; đại tướng cũng ở giữa mà bày trận ngũ hành. Xong rồi lại đánh một tiếng chiêng thì đội Địa ở bên tả đi nhanh thẳng lên mà đứng ở trước trận, đội Thiên ở bên hữu lui xuống đứng ở sau trận. Bên tả đội Nhật đi chéo lên đứng ở bên tả đội Thiên, đội Nguyệt bên hữu cũng đi chéo lên đứng ở bên hữu đội Thiên, để làm mặt sau trận. Xong rồi đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội Dương bên tả đi nhanh lên đứng ở bên ngoài đội Nhật, đội Âm bên hữu cũng đi nhanh lên đứng ở bên ngoài đội Nguyệt để làm ruột trận. Xong rồi, đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội Phong bên tả đi chéo lên đứng ở bên tả đội Địa, đội Vân bên hữu cũng đi chéo lên đứng ở bên hữu đội Địa, để làm mặt trước trận. Xong rồi, đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội Xà bên tả đi ngang ra nối vào bên trên đội Phong, đội Phượng cũng đi ngang ra nối vào bên dưới đội Nhật, đội Điều bên hữu cũng đi ngang ra nối vào bên dưới đội Nguyệt, đội Long cũng đi ngang ra nối vào bên trên đội Vân, để làm du binh ứng tiếp. Như thế thì thành trận thứ ba *Thái thủy hồn nguyên*.

☞

**2. Trận Tiên thiên Hà đồ đất hẹp nhất biến.
Trận Tiên thiên Hà đồ đất rộng nhị biến.**



HÌNH 4 Trận Tiên Thiên Hà Đồ đất hẹp nhất biến



HÌNH 5. Trận Tiên thiên Hà đồ đất rộng nhị biến

BÀN VỀ HAI TRẬN TRÊN.

Tiên thiên Hà đồ là do con long mã mang đồ thư hiện ra trên sông. Phục Hy theo dấy mà vạch ra bát quái, Hoàng đế theo dấy mà chế ra trận pháp. Số quân có 7.600 người, đại-tướng lĩnh 1.000 người, còn 6.600, trước lấy 5.000 người chia làm 9 đội (1) làm số thiên địa. Trong 9 đội ấy quân nhiều ít không đều nhau là theo phép chuẩn lẽ trước sau của trời đất. Lại lấy 1.600 người chia làm 8 đội bát quái, mỗi đội 200 người để phòng khi dùng đến. Phép này đại-tướng đứng ở giữa, đánh năm tiếng chiêng một tiếng trống, trước bày quân làm trận ngũ hành. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng một tiếng trống, cầm cờ Địa thập phát một cái thì đội Địa thập đứng trước đứng vào bên tả đại-tướng, đội Địa thập đứng sau đứng vào bên hữu đại-tướng. Lại thổi một hồi còi, cầm cờ Bát quái phát một cái thì các đội Bát quái đi thẳng lên chia làm hai dãy, bên tả thì bốn đội Khôn Chấn Ly Đoài đứng ở bên ngoài đội Địa thập tiên, bên hữu thì bốn đội Cấn Khảm Tốn Càn đứng ở bên ngoài đội Địa thập hậu. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng một tiếng trống, cầm cờ Thiên nhất phát một cái thì đội Thiên nhất tiến lên đứng vào bên tả các đội Khôn Chấn Ly Đoài, bên hữu thì đội Địa nhị cũng tiến lên đứng vào bên hữu các đội Cấn Khảm Tốn Càn. Xong rồi, lại đánh sáu tiếng chiêng bảy tiếng trống, cầm cờ Địa lục phát một cái thì đội Địa lục tiến lên đứng ngang bên tả đội Thiên nhất, bên hữu thì đội Thiên thất cũng tiến lên đứng ngang bên hữu đội Địa nhị. Xong rồi, lại đánh ba tiếng chiêng bốn tiếng trống, cầm cờ Thiên tam phát một cái thì đội Thiên tam tiến lên đứng ngang bên tả đội Địa lục, bên hữu đội Địa tứ cũng tiến lên đứng ngang bên hữu đội Thiên thất. Lại đánh tám tiếng chiêng, chín tiếng trống, cầm cờ Địa bát phát một cái thì đội Địa bát tiến lên đứng ngang bên tả đội Thiên tam bên hữu thì đội Thiên cửu cũng tiến lên đứng ngang bên hữu đội Địa tứ. Như thế thì thành trận Tiên thiên Hà đồ đất hẹp nhất biến. Việc tiến lui đánh đàn chỉnh kỳ ứng liếp thì cũng giống như trận Thái cực trước, không cần nói nữa.

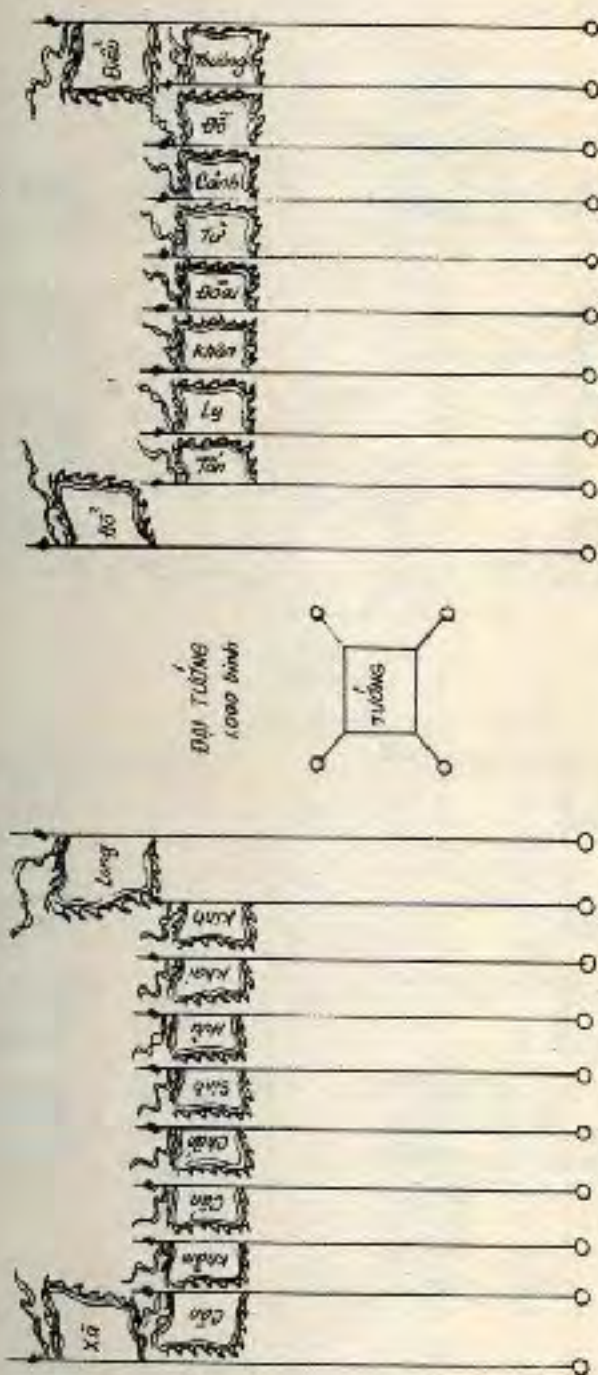
(1) 9 đội là: Thiên nhất, Địa nhị, Thiên tam, Địa tứ, Thiên thất, Địa lục, Thiên cửu, Địa bát và Địa thập. Còn Thiên ngũ là đội tướng, mà Địa-thập lại chia hai làm Địa thập tiên, Địa thập hậu.

Nếu muốn hiển làm trận *Tiên thiên Hà đồ bát quái hổ tàng dã bồ* (1), thì đại tướng đứng giữa dành năm tiếng chiêng một tiếng trống, cũng tiến lên trước bày trận ngũ hành. Xong rồi, lại đánh mười tiếng chiêng mười tiếng trống, cầm cờ Địa thập phát lên, thì bên tả đội Địa thập tiến lên đứng chầu ngang trước mặt đại tướng, bên hữu đội Địa thập hậu lui xuống đứng chầu ngang sau lưng đại tướng. Xong rồi, lại thổi một hồi còi, cầm cờ Bát quái phát lên, thì bên tả các đội Khôn Chấn Ly Đoài tiến lên đứng vào bên tả đại tướng, bên hữu các đội Cấn Khảm Tốn Càn tiến lên đứng vào bên hữu đại tướng. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng hai tiếng trống, cầm cờ Thiên nhất phát lên, thì bên hữu đội Thiên nhất lui xuống đứng vào đằng sau đội Địa thập hậu, bên hữu đội Địa nhị cũng tiến lên đứng vào đằng trước đội Địa thập tiền. Xong rồi, lại đánh sáu tiếng chiêng bảy tiếng trống, cầm cờ Địa lục phát lên, thì bên tả đội Thiên nhất, bên hữu đội Thiên nhất cũng tiến lên đứng vào bên trên đội Địa nhị. Xong rồi, lại đánh ba tiếng chiêng bốn tiếng trống, cầm cờ Thiên tam phát lên, thì bên tả đội Thiên tam tiến lên đứng vào bên ngoài các đội Khôn Chấn Ly Đoài, bên hữu đội Địa tứ cũng tiến lên đứng vào bên ngoài các đội Cấn Khảm Tốn Càn. Xong rồi, lại đánh tám tiếng chiêng chín tiếng trống, cầm cờ Địa bát phát lên, thì bên tả đội Địa bát tiến lên đứng vào bên ngoài đội Thiên tam, bên hữu đội Thiên cửu cũng tiến lên đứng vào bên ngoài đội Địa tứ. Như thế là phép âm dương xen nhau, che giấu lẫn nhau. Xong rồi, đại tướng lại thổi ba hồi còi, cầm cờ Bát quái phát lên, thì bên tả hai đội Khôn Chấn rẽ ngang xuống đứng vào góc đông-bắc, hai đội Ly Đoài cũng rẽ ngang lên đứng vào góc đông-nam, bên hữu hai đội Cấn Khảm rẽ ngang xuống đứng vào góc tây-bắc, hai đội Tốn Càn cũng rẽ ngang lên đứng vào góc tây-nam. Như thế thì thành phép *Tiên thiên Hà đồ Bát quái hổ tàng dã bồ*.

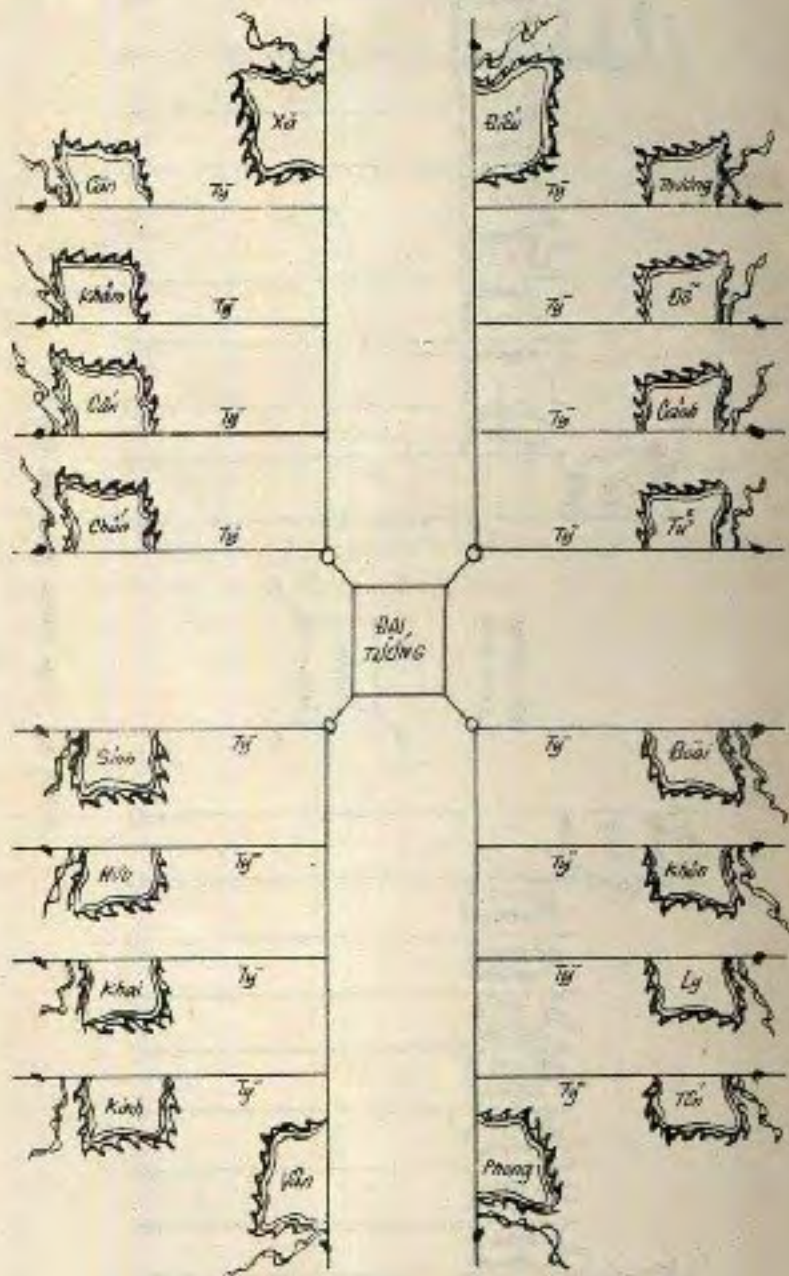
X

3. Trận Bát môn kim tòa nhất biến
 Trận Bát môn kim tòa nhị biến
 Trận Bát môn kim tòa tam biến
 Trận Bát môn kim tòa tứ biến

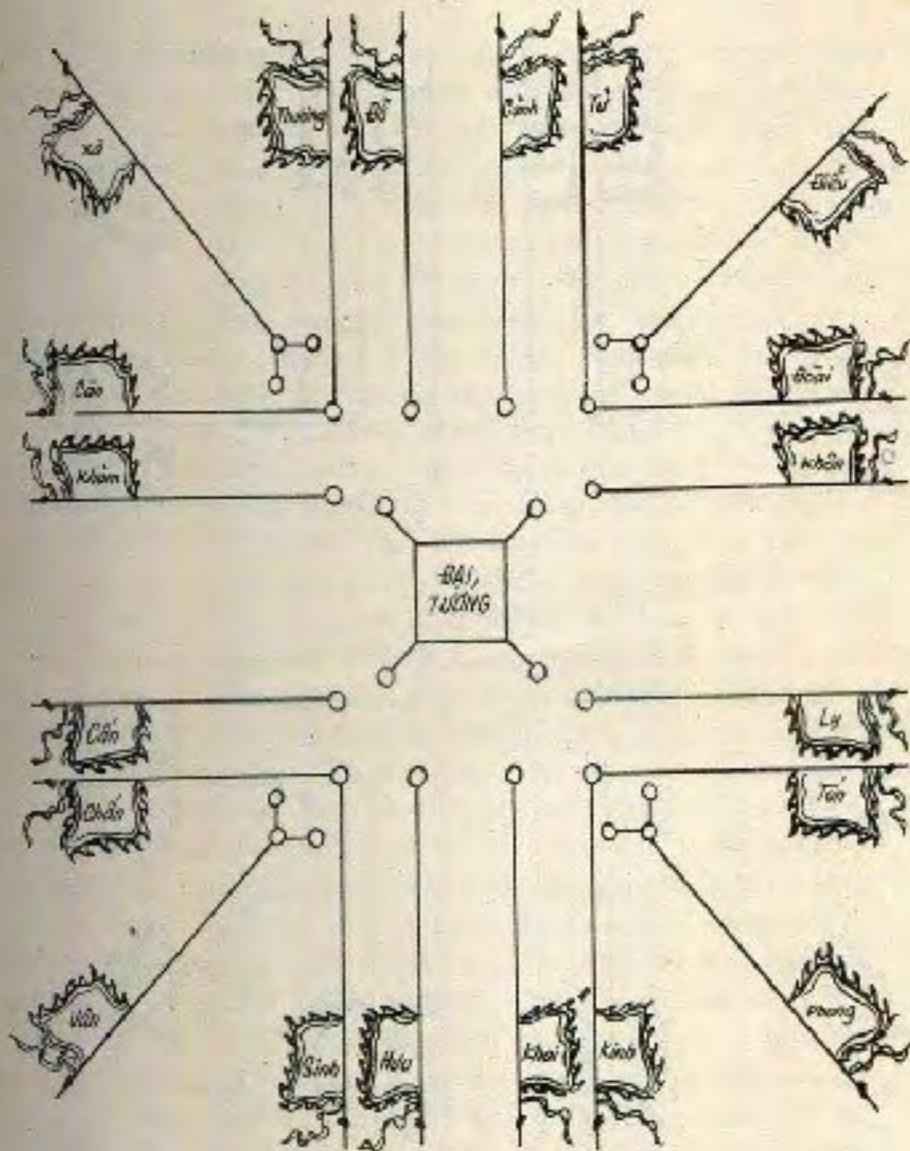
(1) Hồ tàng dã bồ : Che giấu lẫn nhau để đánh giặc và bắt giặc.



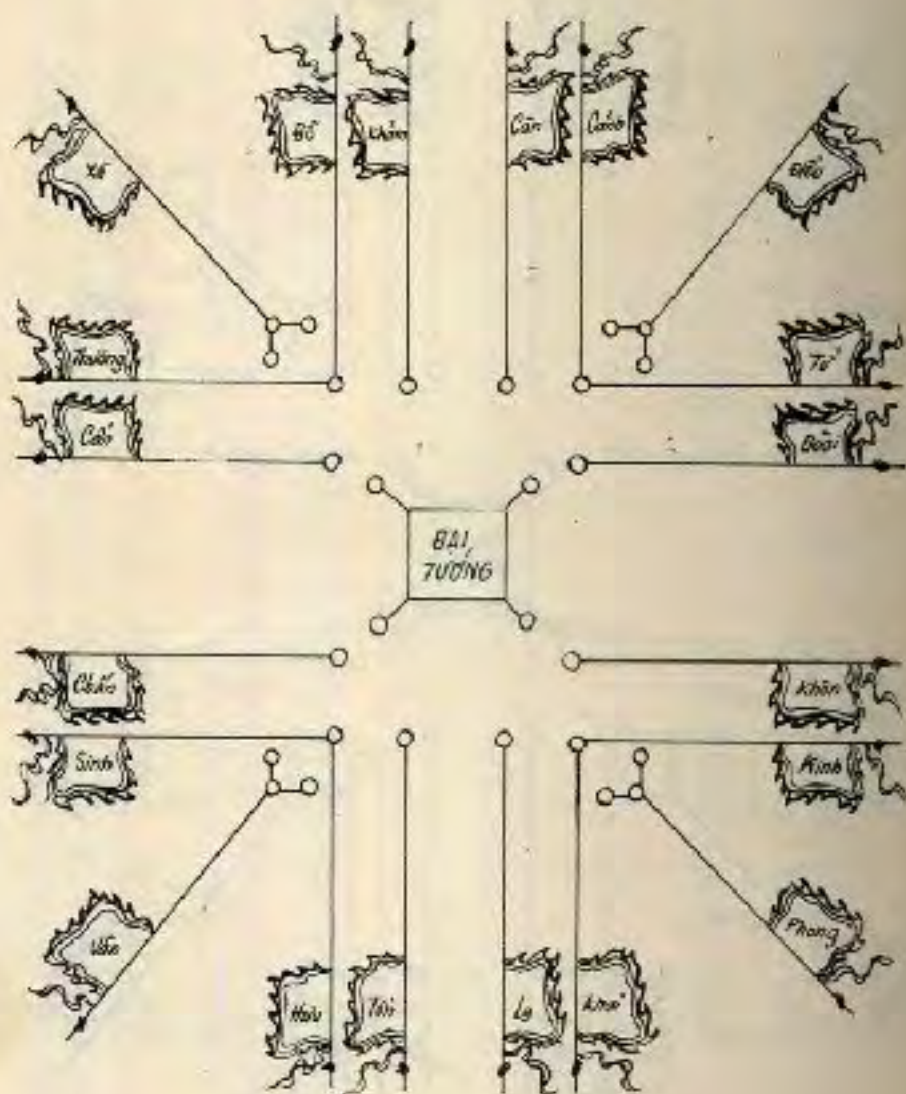
HÌNH 6 Trận chính Bát môn kim tòa



HÌNH 7. Trận Bát môn kim tọa nhị biến



HÌNH 8. Trận Bát môn kim tọa tứ biến



HÌNH 9 Trận Bát môn kim tòa tứ biến

BÀN VỀ BỐN TRẬN TRÊN.

Trận *Bát môn Kim tòa* của Nam-dương tiên sinh đời Hậu Hán bắt chước số bát môn bát quái mà đặt ra là phép mà Khổng-minh vẫn thường dùng, hình như cái khóa, phép rất khít khao, cho nên Khổng-minh gọi là Kim tòa. Trận đầu số quân một nửa chỉ có 5.000 người mà đại tướng trước lĩnh 1.000 bày trận Ngũ hành để nắm theo mây, chỉ còn 1.000 người, chia làm 20 đội, mỗi đội một tỷ tướng cai quản 200 người, có các hiệu Phong, Vân, Xà, Điều, Hưu, Sinh, Thương, Đổ, Cảnh, Tử, Kinh, Khai, Cấn, Khâm, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Phép trận, đại tướng đứng giữa đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống thì đội Vân tiến từ bên tả đứng ngang ở ngoài đại tướng, bên hữu thì đội Phong cũng tiến từ bên hữu đứng ngang ở ngoài đại tướng, thành Vân Phong đối nhau để làm nhân trận (mặt trận). Đã có mặt thì hồn chi thế cũng trăm khúc xương đều theo dây làm hiệu lệnh. Cho nên đại tướng lại đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống thì bên tả ngoài đội Vân là đội Kinh đứng nối theo, ngoài đội Kinh là đội Khai đứng nối theo, ngoài đội Khai là đội Hưu đứng nối theo, ngoài đội Hưu là đội Sinh đứng nối theo, ngoài đội Sinh là đội Chấn đứng nối theo, ngoài đội Chấn là đội Cấn đứng nối theo, ngoài đội Cấn là đội Khâm đứng nối theo, ngoài đội Khâm là đội Cấn đứng nối theo, để làm vây cánh trận tả; bên hữu thì ngoài đội Phong là đội Tốn đứng nối theo, ngoài đội Tốn là đội Ly đứng nối theo, ngoài đội Ly là đội Khôn đứng nối theo, ngoài đội Khôn là đội Đoài đứng nối theo, ngoài đội Đoài là đội Tử đứng nối theo, ngoài đội Tử là đội Cảnh đứng nối theo, ngoài đội Cảnh là đội Đổ đứng nối theo, ngoài đội Đổ là đội Thương đứng nối theo, để làm vây cánh trận hữu. Đã có mặt cũng vây cánh thì sao không có ai? Cho nên đại tướng lại đánh một tiếng trống thì bên tả đội Xà tiến lên đứng ở bên ngoài đội Cấn để làm tai bên tả, bên hữu thì đội Điều tiến lên đứng ở bên ngoài đội Thương để làm tai bên hữu, Như thế là thành trận *Bát môn đệ nhất biến ngang dài*. Đó là trận đệ nhất biến. Nếu giặc đánh vào đội Xà bên tả thì lấy đội Xà làm chính, đội Vân làm kỳ, các đội Cấn, Khâm, Chấn, Tốn là tá chi, các đội Sinh, Hưu, Khai, Kinh làm tá dực để cứu.

Nếu giặc đánh vào đội Điều bên hữu thì lấy đội Điều làm chính, đội Phong làm kỳ, các đội Thương, Đổ, Cảnh, Tử làm hữu chi, các đội Tôn, Ly, Khôn, Đoài làm hữu dực dề cứu. Còn như đại tướng thì ở giữa nên bị giặc đánh trước, thì đội Văn đội Phong làm chính, đội Xà đội Điều làm kỳ, các đội Kinh, Khai, Hưu, Tử, Cấn, Khâm, Cấn, Chấn làm tả chi, các đội Tôn, Ly, Khôn, Đoài, Tử, Cảnh, Đổ, Thương làm hữu dực, dề cùng cứu ứng nhau. Thế là biến chính làm kỳ, biến kỳ làm chính, lấy trước làm sau, lấy sau làm trước, làm phép biến trận mẫu nhiệm. Cho nên *Binh pháp* nói rằng « Trận như con rắn Thương-sou, đánh đầu thì đuôi cứu đánh đuôi thì đầu cứu, đánh giữa thì đầu đuôi cùng cứu ». Các phép biến sau đều theo đây mà liệu tính.

Đến như tài biến thì đại tướng ở giữa, đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, tiến lên trên trận, bày trận ngũ hành để nắm then máy. Xong rồi, đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống thì bên tả đội Xà tiến trước lên đứng vào góc bên hữu trận, còn các đội khác cũng theo thứ tự như trận trên mà tiến nổi lên, thì đội Văn lại ở vào góc bên tả dưới trận. Thế là Thái cực nhất động mà sinh dương. Đại tướng lại đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, thì bên hữu đội Điều tiến lên trước đứng vào góc bên hữu trên trận, mà các đội khác cũng theo thứ tự mà tiến theo nổi lên, thì đội Phong lại ở góc bên hữu dưới trận. Thế là Thái cực tái động mà sinh âm. Còn phép ứng tiếp đánh dấm cũng giống trận trước. Thế là trận *Bát môn kim tỏa nhất biến vi nhị*. Đây là trận đệ nhị biến.

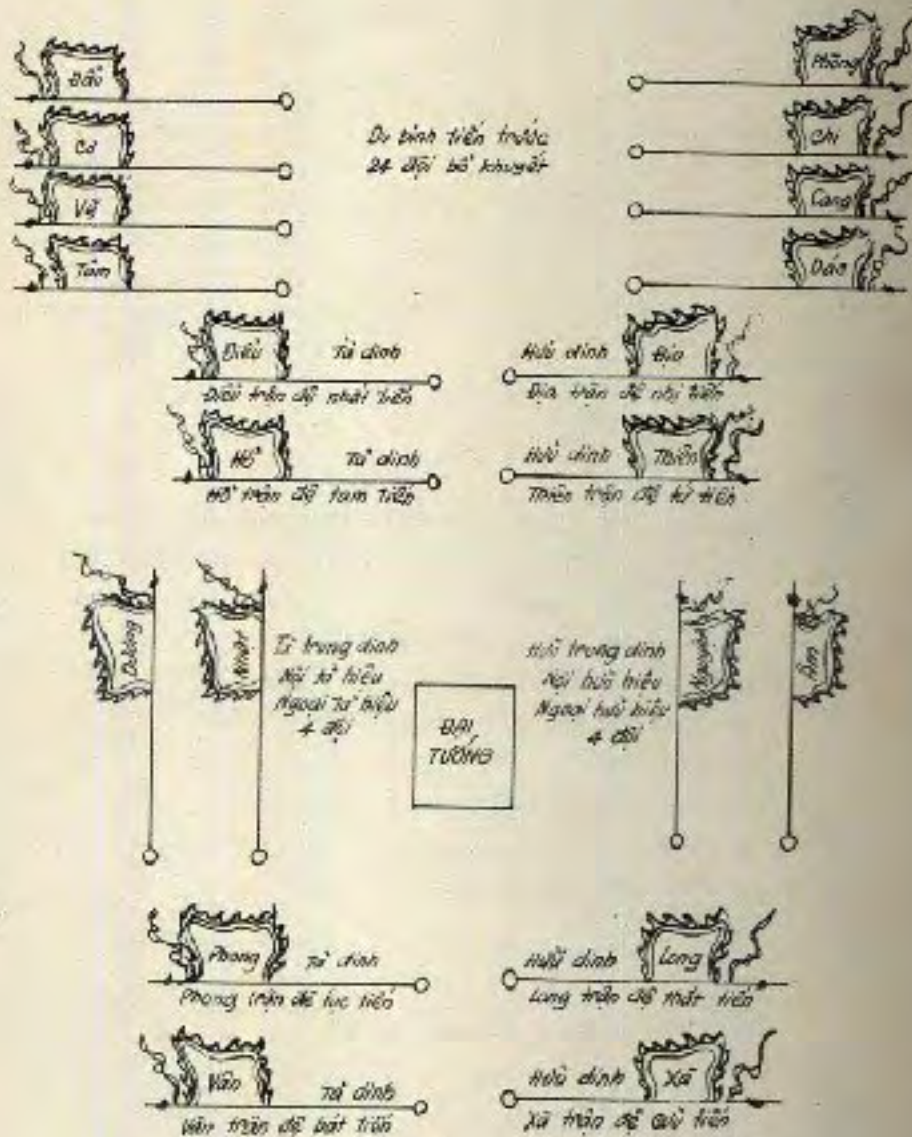
Nếu muốn biến làm trận thứ ba thì đại tướng đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, tiến lên bày trận ngũ hành, mỗi hành số binh 200 trở xuống. Xong rồi, lại đánh ba tiếng chiêng thì bên tả bốn đội Sinh, Hưu, Khai, Kinh lui xuống đứng chẵn ngang sau trận, mà bốn đội Cấn, Khâm, Cấn, Chấn lui đứng về bên tả trận, bên hữu bốn đội Tử, Cảnh, Đổ, Thương tiến lên đứng ngang ở trước trận, bốn đội Đoài, Thiên, Ly, Tôn thì tiến đứng về bên hữu trận, còn bốn đội Phong, Văn, Xà, Điều thì vẫn đóng yên bên góc trận như trước. Phép tiến lui đánh dấm cũng giống như trước. Thế là thành lương nghi sinh tử tượng. Đây là trận *đệ tam biến*.

Nếu muốn biến hữu thì đại tướng đánh một tiếng trống, hai đội Hữu, Sinh ở sau trận bên tả đi chéo lên đứng ngang vào

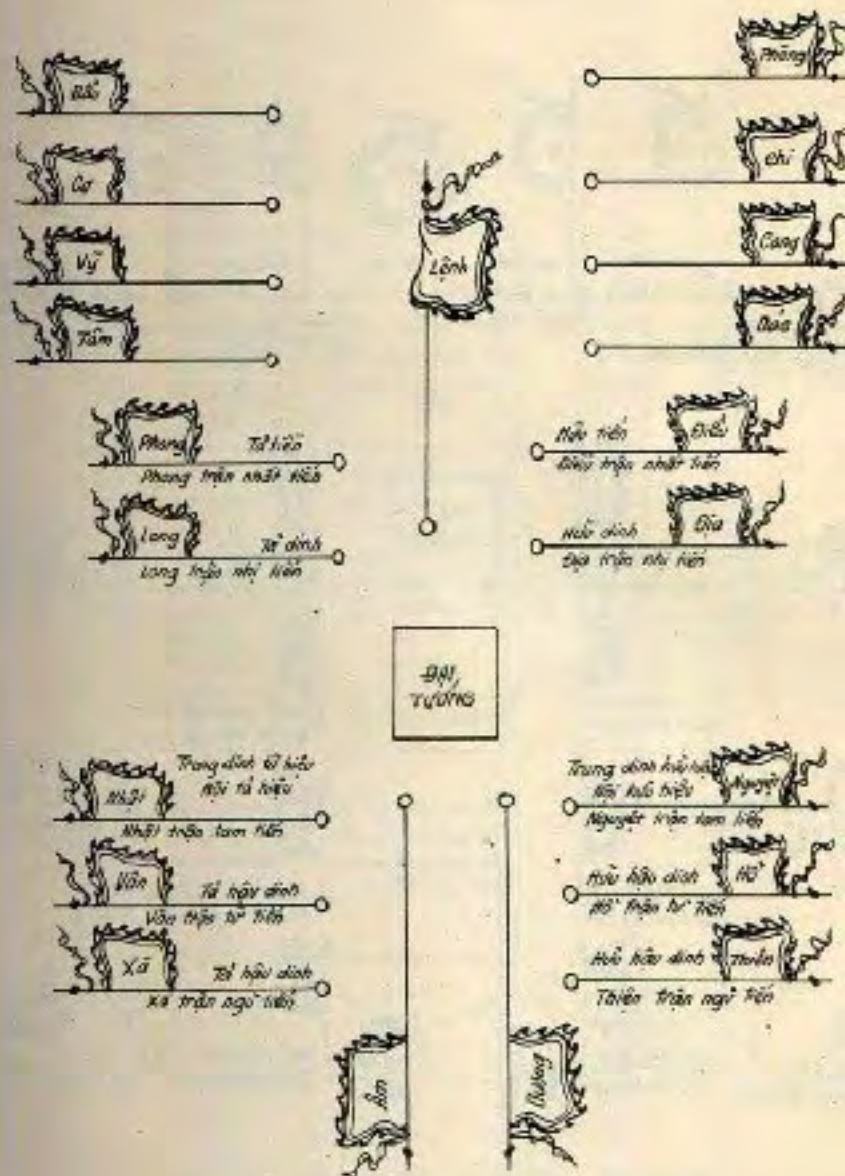
chính nam trước trận, hai đội Đổ, Thương đi chéo lên đứng vào góc trên đông-nam, hai đội Cấn, Chấn đứng thẳng vào chính đông bên tả trận, hai đội Kinh, Khai ở sau trận bên hữu đi chéo lên đứng vào góc dưới tây-bắc, hai đội Ly, Tôn lui xuống ngang vào chính bắc sau trận, mà hai đội Cảnh, Tử ở trước trận thì đi chéo lên đứng vào góc tây-nam, hai đội Khôn, Đoài đứng vào chính tây bên hữu trận. Xong rồi, đại-tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội Văn ở góc dưới bên tả đi lên đứng xen vào quãng giữa hai đội Sinh, Hưu mà đội Xà thì đứng xen quãng giữa hai đội Cấn, Khâm, đội Phong ở góc dưới bên hữu đi lên đứng xen vào quãng giữa hai đội Kinh, Khai, mà đội Điều thì đứng xen vào quãng giữa hai đội Cảnh, Tử ở góc trên. Thế là thành trận *Bát môn Kim tỏa đệ tứ biến*.



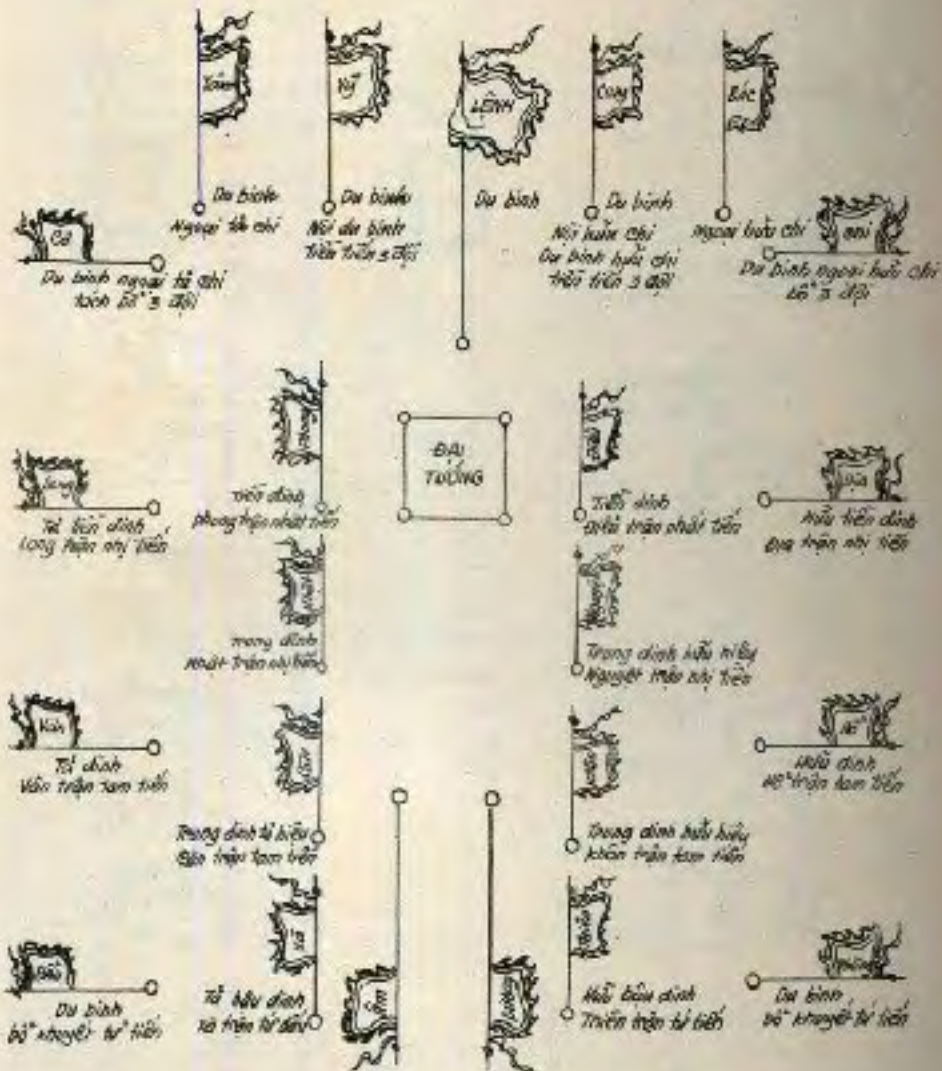
- 4 — Trận Tiểu chu thiên thứ nhất : Thái cực hồn thiên.
 Trận Tiểu chu thiên nhị biến : Lương nghi phân khai.
 Trận Tiểu chu thiên tam biến : Tứ tướng đối xung.
 Trận Tiểu chu thiên tứ biến : Trận vương.
 Trận Tiểu chu thiên ngũ biến : Trận tròn.
 Trận Tiểu chu thiên lục biến : Trận cong.
 Trận Tiểu chu thiên thất biến : Trận thẳng.
 Trận Tiểu chu thiên bát biến : Trận nhọn.
 Trận Tiểu chu thiên cửu biến : Trường xà đảo quyền.
 Trận Tiểu chu thiên thập biến : Trường xà liên châu.



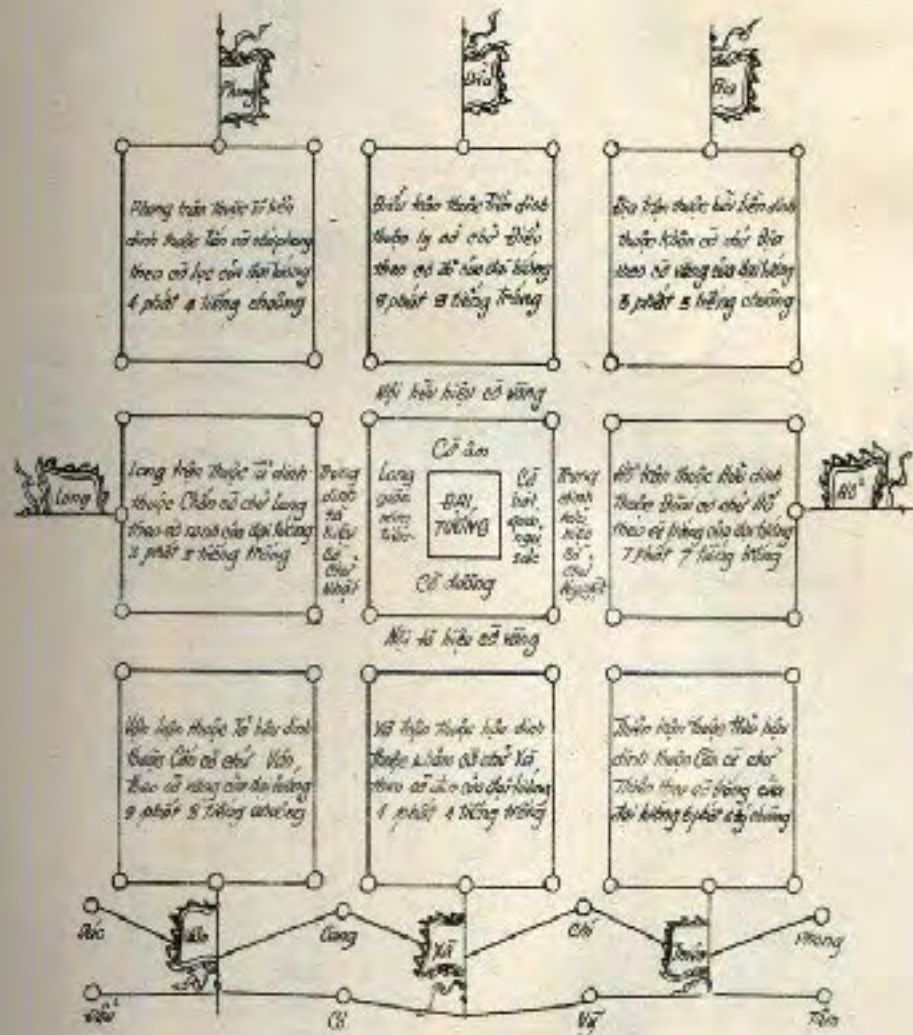
HÌNH 10 Trận thứ ba: Biến làm trận Thái thủy hồn nguyên



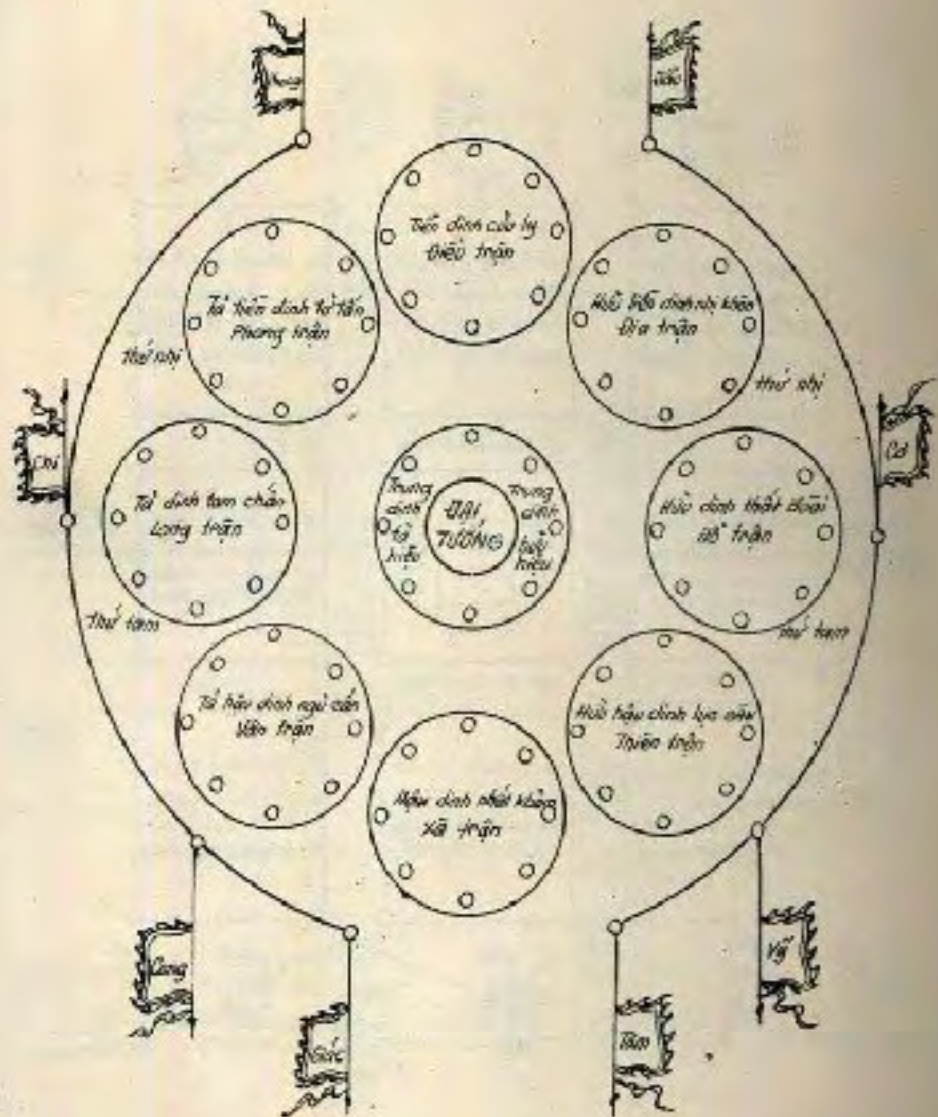
HÌNH 11 Trận nhị biến: Lương nghi phân khai



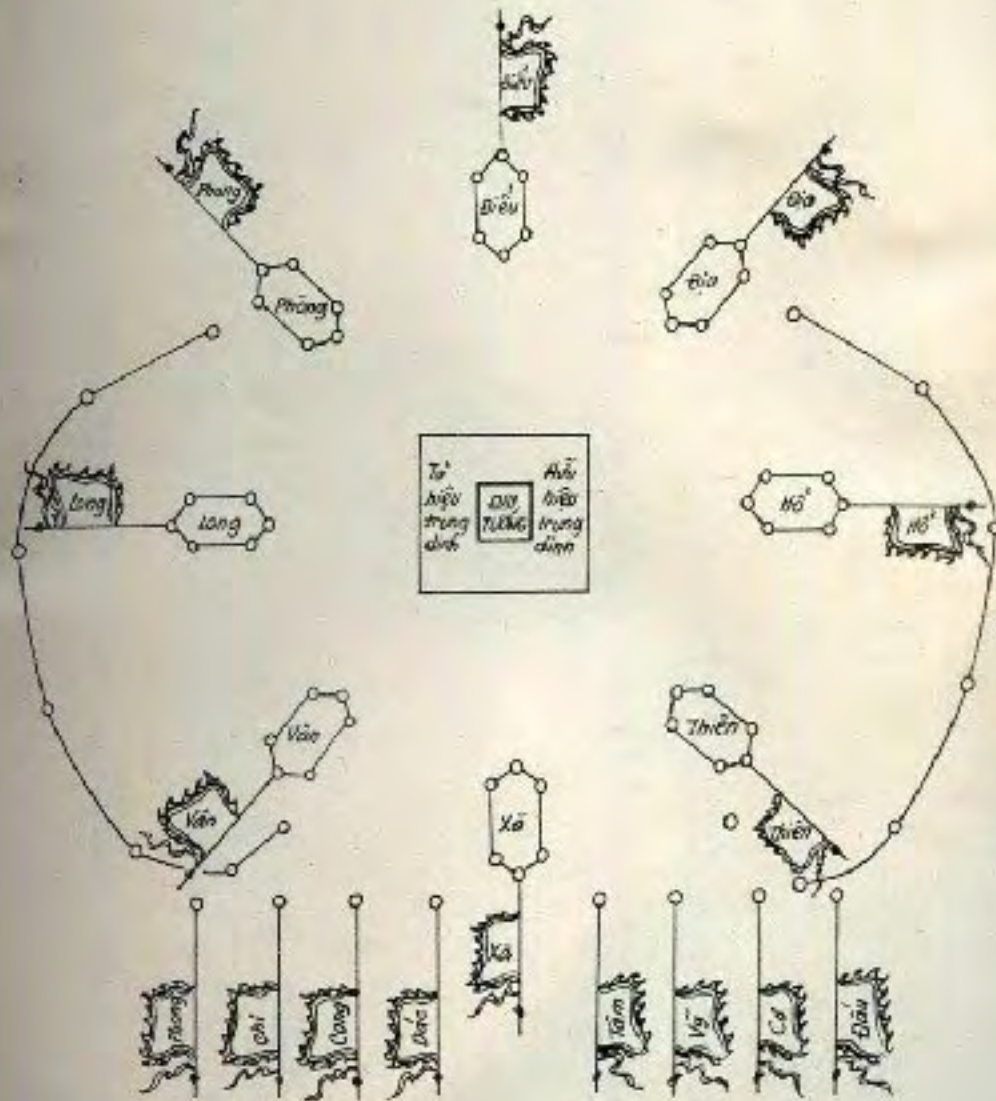
HÌNH 12. Trộn tam biến: Tứ tượng đối xứng



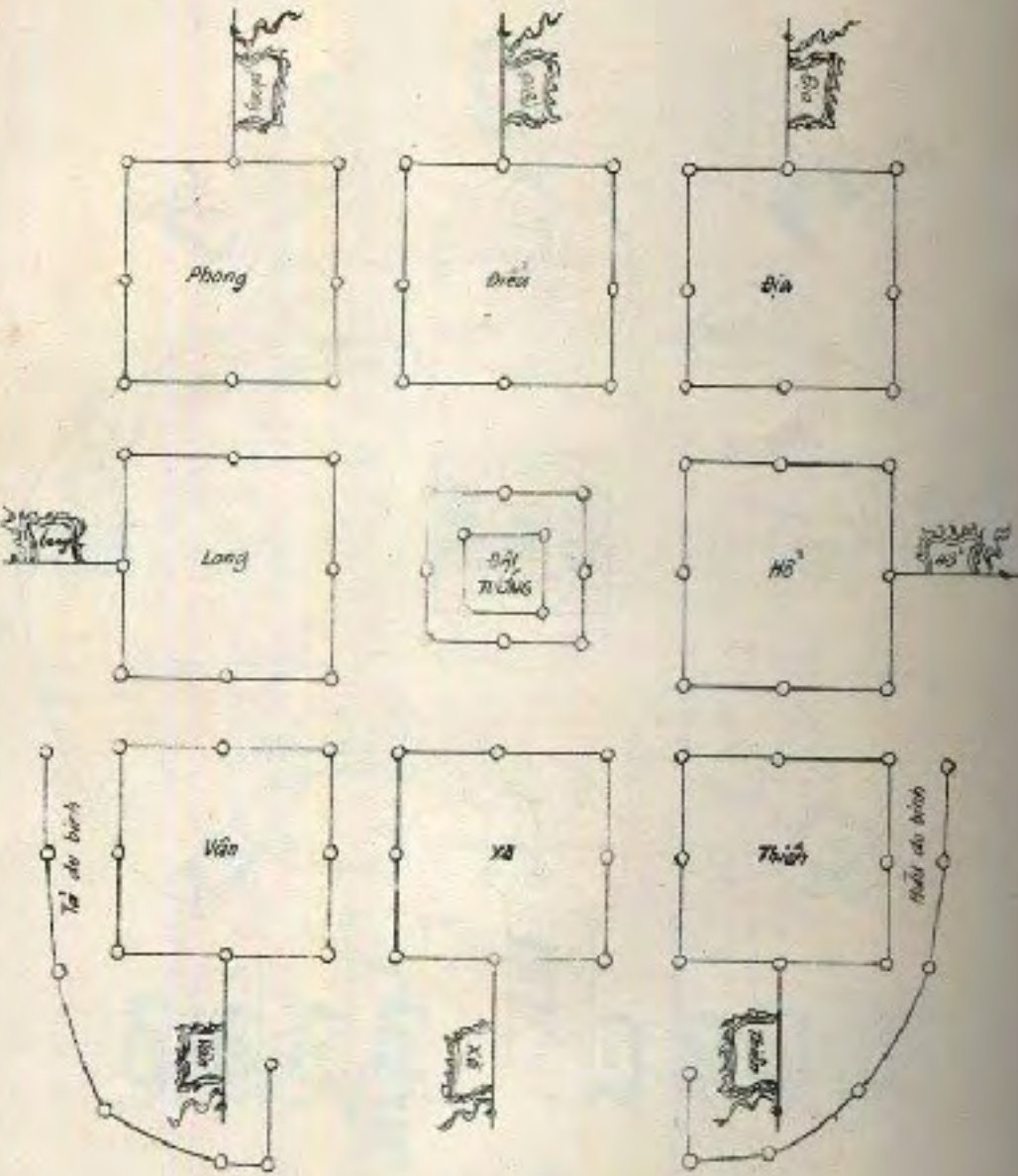
HÌNH 13. Tiểu chu thiên đệ tứ biến: trộn vuông



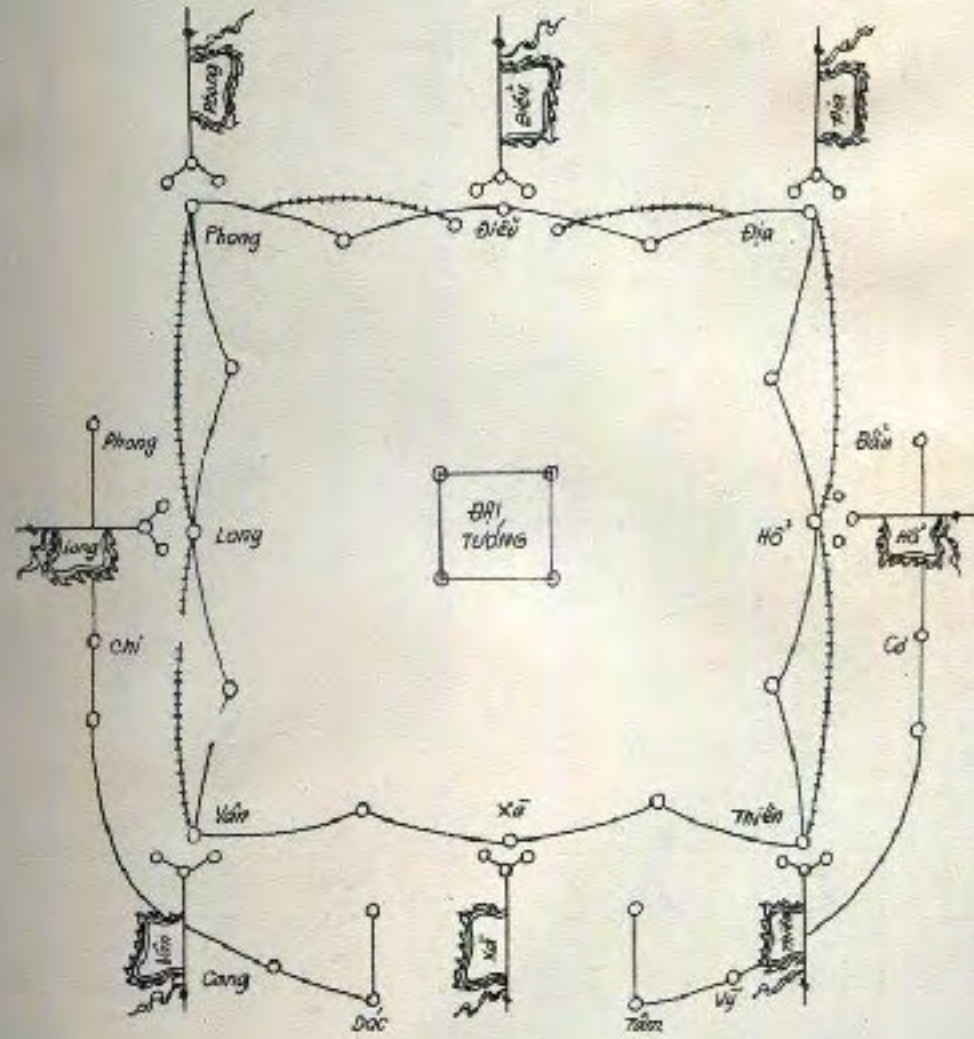
HÌNH 14 Tiêu chu thiên đệ ngũ biến: Trận tròn



HÌNH 15 Tiêu chu thiên đệ lục biến: Khúc trận



HÌNH 16. Tiêu chu thiên độ thất biến: Trực trện



HÌNH 17. Tiêu chu thiên độ cửu biến: Trường xã đảo quyền

BÀN VỀ CÁC TRẬN TIỂU CHU THIÊN.

Trận Chu thiên là trận pháp của Tôn Võ tử. Bốn phương bốn góc cùng trung quân du binh, đều là số 8, ngoài có tám trận là Thiên, Địa, Phong, Vân, Long, Hồ, Xà, Điều, mỗi trận có 6 đội, thành số $6 \times 8 = 48$. Trong có tám hiệu hữu, hữu hiệu và hiệu nội tả, nội hữu, mỗi hiệu 4 đội là số 16. Cùng 8 trận 4 hiệu là số 64 đội để tượng 64 quẻ. Lại du binh $3 \times 8 = 24$ đội để tượng 24 khí của trời đất. Mỗi đội 50 người. Cả 8 trận cùng hiệu và du binh ngoài cộng 1.400 người để tượng số Tiểu chu thiên.

Phép trận : Đinh Tiền 6 đội cộng 300 người, gọi là trận Phong, đinh Hữu Tiền 6 đội, cộng 300 người, gọi là trận Địa, đinh Tả 6 đội cộng 300 người gọi là trận Long, đinh Hữu Hậu 6 đội, cộng 300 người, gọi là trận Xà, (Kiềm-trai xét : Tiền Hậu Tả Hữu 8 đinh 8 trận). Đinh Trung hiệu Nội tả, hiệu Nội hữu 8 đội cộng 400 người, nguyên thuộc đại tướng. Đinh Trung hai hiệu tả hữu cũng 8 đội, cộng 400 người để hộ vệ đại tướng.

Lúc biến trận thì lấy bốn trận Thiên, Địa, Phong, Vân, đóng vào bốn góc làm binh chính, lấy bốn trận Long, Hồ, Điều, Xà bày ra bốn phương làm binh kỳ. Còn như du binh thì để phòng bổ khuyết các trận. Như lúc hành binh, nếu gặp chỗ đất hẹp gồ ghề thì cho du binh đi trước để dẫn đường. Khi đóng quân thì du binh ở sau, hoặc để chặn đường vận lương của giặc, hoặc để phá viện binh của giặc, hoặc để đánh úp phá quân, hoặc để cắt đứt phá thế, tùy cơ ứng biến, hình như gió cuốn mây bay, không thể lường được. Nếu bốn chín trận cùng du binh thì lấy chín trận làm chính du binh làm kỳ. Nếu bàn tám trận cùng trung quân thì tám trận làm chính trung quân làm kỳ, mà binh chính nhiều binh kỳ ít. Giả như hành binh ở chỗ đường hẹp thì trước kết trận *Chu thiên nhất biến*. Lấy trận Điều làm đệ nhất, trận Địa làm đệ nhị, trận Địa là chính mà trận Điều là kỳ, còn đệ tam là trận Hồ, đệ tứ là trận Thiên thì trận Thiên là chính mà trận Hồ là kỳ. Đến như đệ ngũ thì bốn hiệu trung quân là chỗ cầm then mây để hiệu lệnh các quân. Còn đệ lục là trận Phong, đệ thất là trận Long, thì trận Phong là chính trận Long là kỳ; đệ bát là trận Vân, đệ cửu là trận Xà, thì trận Vân là chính, trận Xà kỳ. Thế là một kỳ đương một chính trong *Bình pháp*. Nếu trận Điều

gặp giặc thì trận Điều làm chính, trận Địa làm kỳ; nếu trận Địa gặp giặc thì trận Địa làm chính, trận Điều làm kỳ. Cho nên *Bình pháp* nói «Chính lại là làm kỳ, kỳ lại làm chính; đánh dưới đầu cứu, đánh đầu dưới cứu; vòng quanh không có đầu mối», là nghĩa thế đấy. Còn phép chính kỳ đánh đóm của các trận thì cũng theo đấy mà say ra.

Chu Thiên đệ nhị biến thì chia quân làm hai dãy mà tiến. Chỉ tả, đệ nhất là trận Phong, đệ nhị là trận Long, đệ tam là hiệu tả đinh Trung cùng hiệu Nội tả, đệ tứ là trận Vân, đệ ngũ là trận Xà. Chỉ hữu, đệ nhất là trận Điều, đệ nhị là trận Địa, đệ tam là hiệu hữu đinh Trung cùng hiệu Nội hữu, đệ tứ là trận Hồ, đệ ngũ là trận Thiên. Nếu giặc đánh vào trận nào, thì các trận chính kỳ tả hữu cùng xông lại mà cứu, cho nên *Bình pháp* nói rằng «Một chính một kỳ, cùng giúp đỡ nhau» là thế đấy. Vì như giặc đánh vào trận Phong ở chỉ tả thì trận Long cứu, hiệu Tả đinh Trung cũng theo sau giúp đánh mà hai trận Vân Xà cũng cứu ứng nhau. Nếu giặc đánh trận Xà thì trận Vân cứu, hai trận Phong Long cũng theo sau giúp đánh mà hiệu Tả đinh Trung cũng cứu ứng nhau. Còn chỉ hữu thì nhất thiết không được động, một là binh tinh để đợi giặc, hai là để nhàn chỗ hở mà đánh. Nếu giặc đánh vào chỉ hữu thì binh cơ ứng địch cũng theo phép ấy.

Chu thiên đệ tam biến (tứ tượng) thì chia quân mỗi dãy lại tách làm hai dãy mà tiến. Cho nên chỉ tả nội thì đệ nhất là trận Phong, đệ nhị là hai đội hiệu Tả đinh Trung (trong 4 đội đã trích hai đội biến làm 2 đội hiệu Ngoại tả), 2 đội hiệu Nội tả (4 đội đã trích bỏ 2 đội cho đại tướng), đệ tam là 2 đội hiệu Ngoại tả, đệ tứ là trận Xà. Chỉ hữu nội thì đệ nhất là trận Điều, đệ nhị là 2 đội hiệu Hữu đinh Trung (trong 4 đội đã trích hai đội biến làm 2 đội hiệu Ngoại hữu), 2 đội hiệu Nội hữu (4 đội đã trích bỏ 2 đội cho đại tướng), đệ tam là 2 đội hiệu Ngoại hữu, đệ tứ là trận Thiên. Chỉ tả ngoại đệ nhất là du binh bổ khuyết, đệ nhị là trận Long, đệ tam là trận Vân, đệ tứ là du binh bổ khuyết. (Du binh trên đó có 12 đội thì tách làm 3 đội nội tả du binh, 3 đội ngoại tả du binh, 3 đội bổ khuyết du binh, còn 3 đội thì lui xuống bổ khuyết cho sau (trên) Chỉ hữu ngoại đệ nhất là du binh bổ khuyết, đệ nhị là trận Địa, đệ tam trận Hồ, đệ tứ là du binh bổ khuyết (sau binh

trên đó 12 đội thì tách tám 3 đội nội hữu du binh, 3 đội ngoại hữu du binh, 3 đội hồ khuyết du binh, còn 3 đội thì lui xuống hồ khuyết cho sau trận). Nếu gặp giặc thì đại tướng đánh một tiếng chiêng, bắn một tiếng súng hiệu, hết cả biển làm trận vuông, bốn phương bốn góc, bốn chính bốn kỳ, Hiệu Tả hiệu Hữu theo hiệu lệnh của cờ đại tướng mà biến. Vì như hai bên tiếp nhau, dùng trận vuông để đánh, thì đại tướng đánh chín tiếng trống, cầm cờ đỏ phất lên thì trận Điều ra đánh. Đại tướng lại cầm cờ lục cờ vàng phất lên, đánh hai tiếng chiêng thì trận Phong trận Địa ra đánh, lại đánh ba tiếng trống, cầm cờ xanh cờ trắng phất lên, thì trận Phong trận Hồ tiếp đánh. Đại tướng cầm cờ vàng cờ trắng phất lên, đánh sáu tiếng chiêng thì trận Vân trận Thiên ra đánh. Lại cầm cờ đen phất lên, đánh một tiếng trống, thì trận Xà tiếp ứng. Nếu trận Điều bắt lợi thì hiệu Nội đình Trung tiếp ứng. Nếu trận Phong bắt lợi thì hiệu Nội hữu và hiệu Hữu tiếp ứng. Trận Long bắt lợi thì hiệu Tả tiếp ứng. Trận Vân bắt lợi thì hiệu Nội tả và hiệu Tả tiếp ứng. Trận Xà bắt lợi thì hiệu Hữu và hiệu Nội hữu tiếp ứng. Còn du binh thì bày như hình bán nguyệt, một thuận một nghịch để xung đột thế giặc. Đây là thế trận vuông.

Nếu ở đồng bằng nội rộng thì kết trận tròn : *Đệ ngũ biến trận tròn* Đại tướng phải dùng cờ vàng cùng cờ bát quái, cờ ngũ sắc, cùng các thứ chiêng trống và lệnh tiền để làm hiệu lệnh. Trận Điều thì dùng cờ Điều, trận Phong thì dùng cờ Phong, trận Long thì dùng cờ Long, các trận khác cũng như thế. Nếu là hiệu Tả thì dùng cờ Nhật, hiệu Hữu thì dùng cờ Nguyệt, hiệu Nội tả thì dùng cờ Dương, hiệu nội hữu thì dùng cờ Âm, như hai đạo du binh thì dùng cờ Giác, Càng, Tam, Vi, Chi, Phòng, Cơ, Đầu ; không nên lẫn lộn với cờ tướng. Như bốn trận Long, Hồ, Điều, Xà, thì dụng cờ lệnh Chấn Đoài Khảm Ly của đại tướng, bốn trận Thiên, Địa, Phong, Vân thì dụng cờ lệnh Cấn Khôn Tốn Cấn của đại tướng. Nếu là du binh thì thảo lệnh tiền của đại tướng, không được trễ nãi thất thổ. Cho nên *Binh pháp* nói rằng hiệu lệnh «sánh như lửa đốt, dữ như sấm sét» nghĩa là thế đấy. Khi xuất chiến thì đại tướng cầm bốn cờ Khảm Ly Chấn Đoài phất lên, đánh một tiếng trống, thì trận Điều trận Xà ra đánh mà trận Long trận Hồ giáp đánh. Nếu bốn cờ Cấn Khảm, Tốn Cấn phất lên, đánh một tiếng trống, thì trận Thiên trận Địa ra đánh, mà trận Phong trận Vân giáp đánh. Nếu trận Điều gặp giặc thì trận Địa trận Phong

giáp đánh ở tả hữu, trận Long gặp giặc thì trận Phong trận Vân giáp đánh ở tả hữu, trận Hồ gặp giặc thì trận Thiên trận Địa giáp đánh ở tả hữu, trận Xà gặp giặc thì trận Thiên trận Vân giáp đánh ở tả hữu. Vì như rắn Trường-sơn, đánh vào giữa thì đầu đuôi đều ứng. Thế là phép hai kỳ một chính.

Còn du binh thì bày trận hình sao Đẩu để đặt quân phục mà đánh úp. Song trong du binh cũng có hiệu cờ ngũ hành, ví như lúc thâm đường, nếu đứng trước gặp núi rừng thì dụng cờ Mộc để báo, đứng trước có sông chẵn thì dụng cờ Thủy để báo, đứng trước có khối lửa thì dụng cờ Hỏa để báo, đứng trước có thành quách gò đả thì dụng cờ Thổ để báo, đứng trước có binh mã thì dụng cờ Kim để báo. Đây là ý trên dưới giao tiếp, trong ngoài giao thông của *Binh pháp*.

Nếu gặp chỗ đất gấp ghềnh hiểm trở thì biến làm trận cong : *Tiền chu thiên đệ lục biến, trận cong*. Đại-tướng đánh một tiếng chiêng, cầm cờ vàng phất lên thì trận Phong trận Vân ra đánh ; đánh ba tiếng trống, cầm cờ vàng phất lên hai cái, thì trận Thiên trận Địa ra đánh ; đánh ba tiếng chiêng, cầm cờ vàng phất lên ba cái, thì trận Điều trận Long ra đánh ; đánh bốn tiếng trống, cầm cờ vàng phất lên bốn cái, thì trận Hồ trận Xà ra đánh, Đây là phép chính kỳ xen nhau trong *Binh pháp*.

Nếu gặp chỗ đường cái rộng lớn thì nên bày trận thẳng. *Tiền Chu thiên đệ thất biến, trận thẳng*. Đại tướng đánh bốn tiếng trống, cầm cờ xanh phất lên bốn cái, thì trận Điều ra đánh, mà các trận Phong Vân Long Hồ giáp đánh ; đánh ba tiếng chiêng, cầm cờ xanh phất ba cái, thì trận Địa ra đánh, mà các trận Điều Phong Thiên Hồ giáp đánh ; đánh hai tiếng trống, cầm cờ xanh phất hai cái, thì trận Hồ ra đánh, mà các trận Điều Địa Xà Thiên giáp đánh ; đánh một tiếng trống, cầm cờ xanh phất một cái, thì trận Thiên ra đánh, mà các trận Địa Hồ Vân Xà giáp đánh. Từ là xuy song hữu, sai đều như thế. Đây là phép bốn kỳ một chính trong *Binh pháp*.

Nếu như đường cong thì nên dùng trận nhọn : *Hệ bát biến trận nhọn*. Đại tướng đánh một tiếng trống, cầm cờ đỏ phất năm cái, thì trận Long trận Điều ra đánh, mà các trận Phong Vân Địa giáp đánh ; đánh 3 tiếng chiêng, cầm cờ đỏ phất bốn cái

thì trận Hồ trận Xà ra đánh, mà các trận Thiên Văn giúp đánh, đánh ba tiếng trống, cầm cờ đỏ phất ba cái, thì trận Phong trận Thiên ra đánh, mà các trận Điều Địa Hồ giúp đánh; đánh bốn tiếng chiêng, cầm cờ đỏ phất 3 cái, thì trận Địa trận Văn ra đánh mà các trận Hồ Thiên Xà giúp đánh; đánh bốn tiếng chiêng, cầm cờ đỏ phất một cái, thì trận Phong trận Địa ra đánh, mà các trận Hồ Điều Long giúp đánh. Đây là năm trận biến hóa.

Nếu như địa hình khuất khúc thì biến làm trận trường xà đảo quyền: *Tiền chu Thiên đệ cửu biến, Trường xà đảo quyền*. Đại tướng ở giữa, đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, thì bốn trận Xà Văn Long Phong đảo lên bên tả, bảy chéch như thế rần vung, bốn trận Thiên Hồ Địa Điều đảo lên bên hữu, bảy chéch như hình rần vung để hộ vệ đại tướng, dù hình hai bên tả hữu cũng tùy thế mà bày ở ngoài. Nếu hai trận Điều Phong gặp giặc, thì đại tướng đánh bốn tiếng chiêng, ba tiếng trống, trận Long trận Địa ra đánh, mà các trận Văn Hồ giúp đánh, các trận Xà Thiên tiếp ứng. Đây là phép hai kỳ hai chính trong *Bình pháp*.

Nếu là núi cao hiểm đốc, khắp khênh gập ghềnh, sự giặc đánh bất ngờ mà dẫn dưới không ứng nhau được, thì biến làm trận rắn dài thẳng liền, hình như liên châu trường xà: *Tiền chu thiên đệ thập biến, Trường xà liên châu*. Phép này thì trận Thiên liền thẳng thăm đường ở đỉnh núi, nếu không có địch thì cho người vẽ báo mà chiếm đóng đỉnh núi. Các trận thì theo thứ tự mà tiến. Nếu thấy có địch cũng cho người vẽ báo, cứ lừ lừ mà tiến lên, không nên giặc đoán. Nếu trận Hồ bên tả không có giặc thì cũng cho người vẽ báo mà chiếm đóng núi bên tả, trận Địa bên hữu không có giặc cũng cho người vẽ báo mà chiếm đóng núi bên hữu. Các trận khác cũng cứ thế mà suy. Nếu giặc đánh vào trận Thiên thì hai trận Hồ Địa ở tả hữu giúp đánh. Nếu giặc đánh vào trận Hồ ở núi bên tả thì trận Địa ở núi bên hữu giúp đánh. Nếu giặc lui thì trận Thiên tiếp mà đánh, còn các trận khác cũng từ từ liền lên chiếm đóng. Nếu giặc đánh vào trận Xà đằng sau lưng thì các trận lấy trước làm sau, lấy sau làm trước, lấy lui làm tiến, lấy tiến làm lui, hết rồi lui bắt đầu, thế như chuỗi hạt châu, không nên giặc đoán. Cho nên *Bình pháp* nói rằng «Chỗ nào dung kẻ đầu», nghĩa là thế đó.

TỔNG LUẬN VỀ TOÀN CHỈ CHU THIÊN.

Xét mười trận Chu Thiên, mỗi trận 61 đội, mỗi đội 50 người mà biến hóa vô cùng. Như trận đệ nhất là trận chính Thái cực hồn thiên, trận đệ nhị là trận biến Lưỡng nghi phân khai, trận đệ tam là trận biến Tứ tượng đối xứng, trận đệ tứ là biến trận vuông, trận đệ ngũ là biến trận tròn, trận đệ lục là biến trận cong, trận đệ thất là biến trận thẳng, trận đệ bát là biến trận nhọn, trận đệ cửu là biến Trường xà đảo quyền, trận đệ thập là biến Trường xà liên châu, cộng là mười trận. Trong mười trận ấy đều có phép ngũ hành, như trận tròn thuộc kim, trận vuông thuộc thổ, trận cong thuộc thủy, trận thẳng thuộc mộc, trận nhọn thuộc hỏa, mỗi trận 64 mỗi đội cũng biến thành năm trận là vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn cộng là 320 trận, cộng với 10 trận ở trên là 330 trận, cộng đủ binh 24 đội tức là biến thành 354 trận, Vì số Chu thiên là 365 độ cho nên gọi là trận Chu thiên.

Nếu đem một đội mà nói, đề biết. Trong số 50 người, biến chia làm 9 trận, trận Điều 5 người, trận Phong 5 người, trận Văn 5 người, trận Long 5 người, trận Xà 5 người, trận Thiên 5 người, trận Hồ 5 người, trận Địa 5 người, cộng 40 người. Hiệu Tả 2 người, hiệu Nội tả 2 người, hiệu Hữu 2 người, hiệu Nội hữu 2 người. Cũng là một đội mà biến. Còn các đội khác cũng theo đây mà suy.

Còn đủ binh 24 đội, thì biến thành 24 trận chữ nhất, cùng với trận Hai cánh yên ương và 5 trận vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn, trận Thất đầu, trận Ngũ hình, trận Khúc đầu, trận Đảo quyền, trận Liên châu, cộng 35 trận. Trong mỗi trận có đủ sáu thế, một là long phi, hai là hổ cử, ba là điều tướng, bốn là hàn xà, năm là phong dương, sáu là vân thủy (1). Vì như trận phong gặp giặc mà trận Địa trận Văn giúp đánh, thế như hai cánh chim, cho nên gọi là thế điều tướng. Thế này rất dễ đánh ập giặc. Nếu trận Long trận Hồ chia làm hai chỉ mà tiến thì gọi là thế phong dương, thế này dễ xuyên vào trận giặc. Nếu trận Xà ở sau trận mà đột xuất đánh một mình, các trận tùy thế mà chuyển, thì gọi là thế long phi, thế này dễ diệt giặc. Nếu

(1) Rồng bay - Cọp ngồi - Chim lộng - Rắn cuộn - Gió nổi - Mây rù.

trận Vân trận Thiên chia làm hai đạo mà chuyển tiến đồ quanh đánh bên tả bên hữu, thì gọi là thế Xà bàn, thế này dễ vòng quanh giặc. Nếu trận Điều ra đánh, giả cách thua chạy, khiến du binh phục đề đánh úp thì gọi là thế Hồ cứ, thế này dễ cướp giặc. Nếu trận Điều ra đánh, trung quân phục đề đợi dụ giặc vào giữa lòng rồi hốt mặt xúm quanh mà đánh, thế gọi là thế Vân thùy, thế này dễ vây giặc. Phạm sâu thế ấy rất dễ dùng để đánh.

Còn như đặt phục ra kỳ thì dùng thế âm dương đáp đối. Thế này lấy nhân mà đợi nhọc. Như đại tướng cầm cờ vàng phát mũi, chiêng chống đánh liền, thì bốn trận Long, Hồ, Xà, Điều ra đánh, phát chốc lại thủy ngũ cờ im trống, tất là quán lui. Lại một chốc cờ trống râm trời, thì bốn trận Thiên Địa Phong Vân ra đánh, ít lâu cũng lui. Còn hiệu Tả thì tiếp ứng các trận Thiên Địa Phong Vân, hiệu Hữu thì tiếp ứng các trận Long Hồ Điều Xà, một tiến một lui, hết rồi lại bắt đầu, một động một tĩnh, luan chuyển vô cùng. Đây là thế âm dương đáp đối.



YẾU LUẬN VỀ GIÁO TRƯỞNG DIỄN TRẬN.

Phép tập trận ở giáo trường, trước hết phải theo hiệu lệnh của tướng. Nếu tướng lệnh không nghiêm, ba quân không chỉnh, thì làm sao tập trận mà biến hóa được. Cho nên xong ba hồi chiêng trống của đại tướng rồi thì đại tướng cũng hốt hiệu và các ty tướng cũng tiến, chia làm tám vị mà tiến. Còn du binh thì chia ra làm hai đạo tiếp sau mà tiến. Chia binh như thế xong rồi, hốt hiệu cờ bát quái của đại tướng phát lên một cái và đánh một tiếng trống thì bốn trận Long Hồ Điều Xà cũng cất cờ hiệu, và bốn trận Thiên Địa Phong Vân cũng cất cờ hiệu bày làm trận vuông. Xong rồi, du binh biến làm hình bán nguyệt, mỗi người cách nhau một bước. Còn trong 8 trận thì mỗi trận cách nhau 100 bước, chia làm 8 cửa. Đây là *Bính pháp* nói trong trận có khách trận, trong đội có khách đội. Thấy đại tướng cầm cờ vàng phát hai cái và nghe đánh hai hồi chiêng trống xong, thì các trận biến làm trận tròn. Nếu cờ vàng phát ba cái và chiêng trống đánh ba hồi thì các trận biến làm trận cong. Nếu cờ vàng phát bốn cái và chiêng trống đánh bốn hồi thì các

trận biến làm trận thẳng. Nếu cờ vàng phát năm cái, và chiêng trống đánh năm hồi thì các trận biến thành trận nhọn. Biến hiệu của các trận khác cũng y theo trận vuông trước. Thế là hiệu lệnh của đại tướng là ở bốn kỳ, hiệu lệnh của bốn kỳ là ở bốn chính mà biến năm trận. Xong rồi, chợt thấy đại tướng cầm cờ ngũ sắc phát một cái và nghe đánh một tiếng trống, thì các trận đều dấy; nếu cờ ngũ sắc phát hai cái, trống đánh hai tiếng thì các trận đều tiến; nếu cờ ngũ sắc phát ba cái, trống đánh ba tiếng thì các trận đều tiến gấp; nếu cờ ngũ sắc phát bốn cái, trống đánh bốn tiếng thì các trận đều lên trước. Ví như lúc giao chiến đang say chợt cờ bát quái phát một cái và thổi một tiếng còi thì các trận tiến về phía đông, cờ phát hai cái và thổi hai tiếng thì các trận tiến về phía nam, cờ phát ba cái và thổi ba tiếng thì các trận tiến về phía tây, cờ phát bốn cái và thổi bốn tiếng thì các trận tiến về phía bắc, cờ phát năm cái và thổi năm tiếng thì các trận đều về. Nếu nghe đánh một tiếng chiêng thì các trận bũi chiến, đánh hai tiếng chiêng thì các trận đều đứng, đánh ba tiếng chiêng thì các trận đều quay lưng lại, đánh bốn tiếng chiêng thì các trận đều lui, đánh năm tiếng chiêng thì các trận đều về nguyên vị mà đứng, không được làm rối loạn. Ví như trận vuông thấy đại tướng cầm cờ vàng phát một cái, nghe đánh một tiếng trống, thì trận Địa giờ cờ hiệu lên mà trận Điều ra đánh; cờ vàng phát hai cái, trống đánh hai tiếng thì trận Hồ giờ cờ hiệu lên trước mà trận Địa ra đánh; cờ phát ba cái, trống đánh ba tiếng thì trận Long giờ cờ hiệu lên trước mà trận Phong ra đánh, Các trận khác đều theo như thế.

Lại như trận tròn, thấy đại tướng cầm cờ vàng phát 2 cái, nghe đánh chiêng 2 tiếng thì trận Điều trận Địa ra đánh, cờ phát 3 cái, trống đánh 3 tiếng thì trận Phong trận Long ra đánh. Hiệu lệnh các trận khác cũng theo bốn trận này mà suy.

Lại như trận cong, thấy đại tướng cầm cờ vàng phát 3 cái, nghe đánh chiêng 3 tiếng thì trận Vân trận Địa đều giờ cờ hiệu, mà trận Điều trận Xà ra đánh; cờ phát 4 cái, chiêng đánh 4 tiếng thì trận Phong trận Thiên đều giờ cờ hiệu, mà trận Long trận Hồ ra đánh. Các trận khác cũng theo bốn trận này mà suy.

Lại như trận thẳng, thấy đại tướng cầm cờ vàng phát 4 cái

nghe đánh trống 4 tiếng thì trận Long trận Xà đều giờ cờ hiệu, mà trận Phong trận Vân ra đánh; cờ phát 5 cái, trống đánh 5 tiếng thì trận Điều trận Hồ đều giờ cờ hiệu, mà trận Thiên trận Địa ra đánh. Các trận khác cũng theo hiệu lệnh ấy mà đánh.

Lại như trận nhọn, thấy đại tướng cầm cờ vàng phát 5 cái, nghe đánh chuông 5 tiếng thì trận Điều ra đánh; cờ phát 6 cái, trống đánh 6 tiếng ... Các trận khác cũng theo hiệu lệnh ấy mà đánh.

Còn như hiện Tả thì trống cờ Dương mà ứng, hiện hữu thì trống cờ Âm mà ứng. Đến như du binh thì xem lệnh tiền của đại tướng. Nếu lệnh tiền phóng một cái thì 4 đạo Dục, Cang, Chi, Phong ra tiếp ứng; lệnh tiền phóng 2 cái thì 4 đạo Tâm, Vi, Cơ, Đầu ra tiếp ứng; lệnh tiền phóng 3 cái thì các đạo du binh đều tiếp ứng.

Đánh ngày thì dùng hiệu cờ, đánh đêm thì dùng hiệu đèn. Quân các trận ra dinh, cờ sắc gì, quần áo gì, phải cho 3 quân tai nghe mắt thấy, ngày thường thuộc sẵn để đến khi ra trận thì như thân sai cánh tay, cánh tay sai ngón tay, mạch lạc quán thông, ai dám không theo. Cho nên Gia cát nói rằng phép đồ trận phải hiệu lệnh nghiêm minh, bộ khúc chính tề, cùng hàng ngũ bộ số, trước sau là hữu, tiến lui đánh đàm, cái gì cũng thuộc kỹ. Người đứng không thể tiến một mình, người nhát không thể lui một mình, cùng lòng cùng sức, cùng phủ tri nhau. Cho nên năm người làm một ngũ, 50 người làm một đội, nếu một người xông lên đánh giặc mà bốn người không cứu, một ngũ gặp nguy mà chín ngũ đứng nhìn, thì theo quân pháp mà trừng trị. Dẫu người hách tính lạ nhau cùng quân ở hợp cũng thân nhau như anh em cha con, có ai dám trái lệnh phạm pháp đâu.

Còn như người chấp nhất, học phép Thái Ất kỳ môn, đem ba quân bày các trận mà phương không biết, chế độ không xét, chỉ cầu nệ vọng tướng cờ hư (1), thiên quan thời nhật (2), mà về đạo làm tướng thì mờ mịt không hiểu gì, thế thì có khác gì sa xuống vực sâu, ngã vào hang tối, tất là bại hình tầu

(1) Vọng tướng cờ hư: Chữ của đạo gia nói hành nào thì vọng về chi nào.

(2) Thiên quan thời nhật: Giờ ngày do Thiên quan xem.

tướng, có dùng làm gì. Còn ai nghe lời ta đây thì hẳn là trăm đánh trăm thắng.

Lại xét về chân trận, cũng có phương lược chắc chắn. Vì như trận vuông, thì trước sai trận Xà trận Điều ra đánh, rồi sai trận Long trận Hồ giúp nhau, thì 4 trận Thiên, Địa, Phong, Vân cũng kết làm 8 trận mà đứng. Nếu là trận tròn thì trước sai trận Thiên trận Địa ra đánh, rồi sai trận Phong trận Vân giáp đánh, thì 4 trận Long Hồ Xà Điều cũng kết làm 8 trận mà đứng. Mỗi một trận 6 đội nên chia đôi ra lấy 3 đội làm một trận, thì các nửa trong 4 trận cũng thành 8 trận. Các trận khác cũng theo đây mà suy.

X

YẾU PHÁP PHÁ TRẬN.

Phạm phép phá trận, đời xưa vẫn có, Nhưng phải có phương lược, nếu không có phương lược thì phá sao nổi. Ví như bày trận vuông, trước sai trận Điều ra đánh, rồi sai trận Phong trận Địa tiếp đánh, thì ta bày trận tròn, trước sai hai trận Xà Điều đón đánh, rồi sai bốn trận Long Hồ Thiên Địa tiếp đánh, Như thế thì họ có một mà ta có hai, lo gì chẳng phá được trận. Các trận khác cũng theo đây mà suy.

X

TỔNG BÌNH VỀ TẬP ĐỊA

Kiểm-trai xét: Loan-khe xử sĩ dân lời hàn của Tung-cúc chủ nhân nói rằng: Sách *Quảng nghĩa* nói thổ đất không đầy thì chỗ vườn vật nặng không mang nổi, cho nên *Kinh Dịch* nói Khôn (đất) đầy chỗ vật, đức lớn không có bờ nào, là nghĩa thế đấy, Xem như đất đất núi sông dễ ngã Di Dịch, định phong cương để dựng vườn nước, công đức biết là nhường nào. Lại có núi cao chót vót, sông dữ sức sôi, xem như cửa Kiếm-các (1), cửa Hào-hàm, dẫu có đường ruội dễ đường chân chim mà quân giao đồng ngựa sắt, cũng khó bay nhảy vào được. Lại xem dòng sông Trường-giang, sông biển Bột hải. Dẫu có sức hoắm nhẹ chèo mau mà cái nạn đắm thuyền đuổi người vẫn

(1) Cửa ải ở tỉnh Tế-xuyên ngày nay

chưa khỏi sợ. Đấy đều là đất đai núi sông dễ giữ vững vậy. Tôi đọc sách *Hồ trưởng khu cơ* đến Tập Địa thì vỗ sách mà than rằng: Xem thánh hiền xưa đặt ra trận pháp, như các trận Tiên thiên Hà đồ, Bát môn kim tỏa, cùng các trận Chu thiên tựa hồ đương chỗ đồng bằng nội rộng mà đột ngột nổi lên ngũ hồ ngũ nhạc, chín châu bốn biển, dẫu có nghìn môn vạn hộ, bốn mặt tám phương, nhưng trong ấy hiểm trở kín đáo thế không lọt được cái kim, ví dù quân giặc trăm vạn, đông tương nghìn viên cũng không làm gì nổi. Thế mới biết Gia-cát tiên sinh học trận pháp có thể bảo là đức ngang với trời, công ngang với đất vậy. Chỉ thấy chín sao rõ ràng, tám cửa âm hợp, chiếm cơ quan của trời đất, cướp tao hóa của phong vân, trước sau bày thế Điều Xà, tả hữu chia hình Long Hồ; binh đình đội trước, như muôn tia lửa nóng đốt non; nhấm quí theo sau, như nghìn đợt sóng cuộn ngập đất; thế tả xoay vần thanh khí; hình hữu soi suốt bạch quan; khôn thổ chỉ chiếm trung ương; hoàng đạo toàn theo mệnh kỷ (1). Kể trong tám cửa, đủ phần hai mươi tám sao; các trận bốn phương ăn cả sáu mươi tư quẻ. Quanh quanh quần quần, rồi ren đội ngũ biến trường xà; chính chính tề tề, im lặng uy nghi như phục hổ; trận Mai hoa một xung một đột; trận Tam tài hoặc trước hoặc sau. Chẳng phải khoe bát trận thành công; chẳng phải nói lục thao thủ thắng. Học thì học diệu kế của Khổng-minh; dùng thì dùng thần cơ của Lã Vọng. Nếu không phải tiên núi Bạch-hạc truyền phép diệu, thì làm sao rồng bay lên trời giúp công to?

HỒ TRƯỞNG KHU CƠ

QUYỀN III

TẬP NHÂN

- Yếu chi bàn về tướng.
- Phép chọn tướng luyện binh.
- Yếu luận về quân cơ.
- Phép dạy quân đánh giặc.
- Phép giữ thành chống giặc.
- Yếu luận về địa thế.

(1) Mệnh kỷ là thổ, thuộc trung ương.

YẾU CHỈ BÀN VỀ TƯỚNG.

Phạm đạo làm tướng, có tám điều cốt yếu: Một là đức nhân, hai là minh nghĩa, ba là cần tin, bốn là trí tuệ, năm là minh triết, sáu là tài năng, bảy là cương dũng, tám là uy nghiêm. Trong tám điều ấy, lấy chí thành làm chủ. Cho nên *Kinh Dịch* nói rằng: «Chí thành là tạo trời, giữ thành là đạo người, chưa thấy có thành mà lại không cảm động được lòng người». Cho nên làm tướng có tám điều cốt yếu ấy, nếu đem lòng chí thành để giữ gìn, thì trên có thể giúp đỡ xả lặc, chia phần lo việc với vua; dưới có thể giữ mệnh hạ quân, cứu nhân dân trong cảnh khổ.

Nhân làm đầu mọi nết tốt, là đức của lòng người, đạo trời lấy làm đầu, đạo người lấy làm gốc. Cho nên, thể thì yên lặng như núi đứng thì mạnh mẽ khó đương. Nếu làm tướng mà không dốc lòng nhân thì lấy gì để cố kết nhân tâm cho giặc phục? Cho nên người xưa nói «Không sợ thể giặc đương cường, chỉ sợ lòng dân đã hở», là nghĩa thế đấy.

Nghĩa là lẽ phải của việc để kiểm chế lòng người. Không có nghĩa thì việc làm mất lẽ phải, người người tam hạ. Cho nên làm tướng tất trước phải biết nghĩa. Nghĩa đã rõ thì có thể liết trung báo ơn nước, xử sự đúng lẽ mà duy trì được lòng người. Ngày xưa Nhạc Nghị làm tướng nước Yên mà người nước Tề phục là có nghĩa, cũng bởi thế đấy. Nếu làm tướng không biết nghĩa chính đại mà cầu lợi lợi vật, thì người thất phu thất phu vác cây bừa mà đuổi đi, còn đánh giặc làm sao được.

Tin là của báu của nhà nước, là gốc rễ của muôn việc, đầu giống vật ngũ cốc cũng biết cảm động. Cho nên cổ nhân cảm động lựa có (1), bầu xuyên hồ đá (2), há chẳng bởi lòng thành tin sao?

(1) Lựa có: *Kinh Dịch*, quẻ «Trung phư» nói «Lựa có cũng tìm, là lòng thành tin cảm động đến cùng, vì lựa có là giống vật ngũ cốc mà cảm động được».

(2) Bầu hồ đi Mán thư chép Lý Quảng đi săn thấy hòn đá ở trong cỏ, nghĩ là con hổ giương cung lên bắn, bắn trúng, đến sau thấy chỉ là hòn đá mà tên vào đá gãy và, lại bắn lần nữa thì tên không cắm đá nữa.

Tấn Văn công không tham lợi đánh ấp Nguyên (1), Tề Hoàn công không trái hẹn với Tào Mạt (2), rồi làm nên bá nghiệp được. Trọng Do nắm lời xử án (3), Nhạc Nghị một lũ phá Tề (4), đều bởi có tin đầy thôi. Cho nên thành nhân nói rằng «Bỏ việc ăn, bỏ việc quản, duy tin không thể bỏ được», thì biết tin là của báu không thể khinh. Lúc bình thời còn như thế nữa là lúc loạn! Cho nên làm tướng mà cầu tin thì chính lệnh đưa ra, vững như vàng đá, tin như bốn mùa không ai dám có lòng gì khác. Nếu làm tướng mà bất tin, thì trên dưới hai lòng, quân cư mỗi nhịp, dầu đưa trẻ năm thườe cũng chẳng vui lòng, nữa là nước giặc sao!

Trí là cái gì cũng biết. Nếu có trí tuệ thì việc thiên hạ, dầu việc rất nhỏ trông qua cũng biết nữa là việc bình. Cho nên làm tướng có trí tuệ thì vận dụng đúng mực, kinh quyền hợp nhịp, mà cơ biến trong phút chốc xử trí dễ như trở tay, dầu quý thần cũng không thể lường, huống chi là người! Nếu làm tướng mà không trí tuệ thì nhể 1 góc, ba góc vẫn không nổi được, trong lúc xử sự chi như người đánh dấu man thuyền để tìm gươm. Lúc làm cơ thì khác nào sừng dê lúc giậu, dầu có quân trăm vạn mạnh như Mạnh Bôn Ô Hoạch (5) cũng ngồi mà chớ chết, huống chi là trong lúc thắng thốt! Cho nên *Kinh Dịch* nói «Đệ tử dư thì (6) đột như kỹ lại như phân như (7), tử như, khí như (8), khắp huyết liên như (9)»? những lời ấy có sai đâu.

(1) Ấp Nguyên: Tấn Văn công đem quân đi đánh Nguyên, hẹn cho quân đem lương ăn 5 ngày, 5 ngày không hạ được, cho quân về. Ấp Nguyên phục là thành tin mà hàng.

(2) Tào Mạt: Tề Hoàn công hội với Lỗ hữu. Tào Mạt là tướng Lỗ, cầm quân giúp Hoàn công. Hoàn công hẹn trả lại đất cho nước Lỗ, sau Hoàn công toàn không trả. Quân trong can rằng: Muốn thành nghiệp bá phải giữ lời hứa. Hoàn công bèn trả đất cho nước Lỗ.

(3) Xử án: Trọng Do tức Tử Lộ, là người đứng tin cho nên nói sừng dê cũng đủ kết song việc án.

(4) Nhạc Nghị làm tướng nước Yên, đi đánh nước Tề, vì có tin nghĩa nên năm nước láng giềng giúp quân cho, mới đánh nổi nước Tề.

(5) Mạnh Bôn, Ô Hoạch: Hai người đứng si đời Tần Vũ vương.

(6) Đệ tử dư thì: Con em chắt xác chữ đây sao. (*Kinh Dịch*, Quẻ Sư hào lục ngũ).

(7) Đột như, kỹ lại như, phân như: Nếu cương táo bất trung thì thể cương đột đến, bức bách người trên như lửa đốt (*Kinh dịch*, Quẻ Ly hào cửu tứ).

(8) Tử như, khí như: Đột như thế tử có họa cho nên lật chết; nghịch đức như thế mọi người đều bỏ (*Kinh dịch*, Quẻ Ly hào cửu tứ).

(9) Khắp huyết liên như: Nói cực hiểm mà không quên chú ý, đến cùng chỉ khác đó máu mất ra mà thôi. (*Kinh Dịch*, Quẻ Truân hào thượng lục).

Minh là tự lòng mình sáng thiêng không mờ tối, cho nên đối với việc thiên hạ đâu nhỏ như mầm mống hào lý đều hiểu rõ hết. Phạm những lời gièm pha thăm thía, những lời vu cáo quanh co mà không nhận thức như kẻ không trông thấy cả xe cũi, thì đều không phải là thể bản nhiên. Cho nên làm tướng phải minh triết, để phòng việc nhỏ, thì trong khoảng cơ biến còn rõ ràng ở trước mắt, hướng là tinh binh bèn địch, *Kinh Dịch* nói « Quân tử biết mềm biết rắn, biết nhỏ biết lớn, biết cơ là thần rồi; giao thiệp với người trên không nịnh, giao thiệp với người dưới không nhờn mà mình triết giữ mình, là nghĩa thể đấy.

Tài năng là phẩm quý của người mà rất khó được, Phạm người có tài, mở trời xoay đất, giúp đỡ yên dân, thì thiên tử không bắt làm tội được, chứ hầu không đem làm baw được. Nếu người làm vau mà không thành kính tạ lễ ba lần đến đón thì không được gặp. Còn những tài nhỏ làm thường, sâu sâu hen mọi, vau không đủ giúp nước, vô không đủ yên dân, mà dùng làm việc quân thì là đem quân trăm vạn mà xô xuống ngôi rãnh thoi, trông cậy gì được.

Cương thì không bị dụ vì lợi, mà đứng cũng nhờ vào đấy, thấy điều nghĩa là làm ngay, làm sự thì theo trọng, như Thuang Võ một lần nổi giận mà thiên hạ được yên, thế mới là đại dũng. Còn những người mặc áo giáp cầm giáo sấu, đánh tan trâu giặc, bẻ gãy mũi nhọn, và mùa gươm quắc mắt, đó chỉ là dũng huyết khí, không phải là đại dũng quân tử. Cho nên làm tướng mà không cương dũng thì bị dụ vì lợi, thấy lợi là làm, mà ba quân không cử động chân tay được.

Nghiêm là việc cốt yếu của binh gia, bởi vì quyền hành cõi ngoài về tay đại tướng. Người xưa nói « Tướng ở ngoài, mệnh vua cũng có điều không theo » là nghĩa thể đấy. Làm tướng mà không uy nghiêm thì quân sĩ dọc ngang, ba quân trở nài, đâu chỗ đâu bé nhỏ như nổi ruồi viên đạn cũng không đánh lấy được, huống là đối với giặc mạnh! Cho nên làm tướng trước phải hiệu lệnh nghiêm mình, ba quân chỉnh tề, giữ thì bất chước Chu Á-phu đóng quân Tế Liễu, lệnh thì bất chước Tôn Võ từ luyện tập nữ binh. Như thế thì sĩ tốt khi đánh giặc đâu chết cũng không dám lui, ba quân ra trận, nếu làm nguy càng háng hái, đâu giặc khỏe như gốc quanh

thờ dai còn không đủ sợ, huống là đám giặc có như dân ong lữ kiến. Cho nên nói rằng làm tướng phải lấy uy nghiêm làm việc cốt yếu.



PHÉP CHỌN TƯỚNG LUYỆN BINH.

Phạm tướng là đồ quan trọng của nhà nước. Đồ cứng thì gây quyền trọng thì nguy; binh là hung khí, bất dật dĩ mới dùng đến. Cho nên binh quý tinh mà không quý nhiều, tướng cần mưu mà không cần dũng. Binh cơ không chuyên dùng một người nào, tướng quyền không chuyên giao một người nào. Bởi vì chuyên dùng một người thì thua, chuyên giao một người thì mất. Cốt ở hòa nhân tâm mà thôi. Phạm chọn người, có người ném bút nghiên mà đi lập công danh, thì tùy tài mà bỏ dùng; có người mất nhà mà thề chết, thì trao chức mà chuyên dùng; có người đội tội mà lập công, thì tha tội lỗi mà dùng lấy; có người háy lời mà dâng lên, thì xem người mà dùng lời; có người bị nhục với kẻ về vang mà tự sỉ, thì xét tài mà yên ủi lòng; có người gan dạ mà ra trận, thì cho đi trước để thỏa lòng. Cho nên *Binh pháp* nói « Cội gốc có một, là ở sai khiến người, sai người mà được chỗ cốt yếu thì là trọng khí của miếu đường », có phải lời nói không đâu. Phạm phép dùng thì tùy theo tài, hỏi để nói xem trả lời có rõ ràng không, hỏi gan cùng để xem có hiền hòa không, bảo cho việc khó khăn để xem khí thế, cho uống rượu say để xem thái độ. Như thế thì hiền ngu hay dở không thể giấu được. Đến khi dùng, tài lớn thì dùng làm việc lớn, tài nhỏ thì dùng làm việc nhỏ, người hiền ngu hay dở đều không bỏ ai. Vì như dùng gỗ, gỗ tốt như kỷ tử, dầu cao vài thước, người thợ giỏi cũng không bỏ. Cho nên *Binh pháp* nói « Về việc quân, năm tài không bỏ sót thứ gì », lời nói đáng tin thay. Như người điếc thì chuyên việc nhìn, có thể giữ vọng lâu; người mù thì chuyên việc nghe, có thể khiến cầm canh; người ngay không tham thì cho giữ kho, người tham không sợ chết thì cho đi tiên phong người trung không mang hai lòng thì cho làm gián điệp, năm tài đều dùng không bỏ sót, thì tướng sĩ hòa nhau, đánh một trận mà thành công. *Binh pháp* nói « Sĩ tốt theo mệnh, bởi vì kính lễ hiền nhân thì sĩ dễ đến ». Bởi vì tình mệnh ba quân ở trong tay một tướng, tướng dùng

người, như nuôi vợ con, người dùng thì cho ăn lộc hậu, người tri thì đem thân ủy cho, người tài thì phong tước cho, người hiền thì lấy lễ mà khuyến. Vì như người rét thì cho áo mặc, người đói thì cho cơm ăn, người ốm thì cho thuốc uống, người chết thì thương xót mà tống táng. Như thế thì lòng sĩ tới thà chết chứ không lui dề sống.

Bình pháp lại nói «*Tướng chịu trách nhiệm lúc nguy*». Bởi vì có lúc an thì có lúc nguy; ăn lộc vua thì siêng việc vua; nếu lúc an mà không lo thì như chim yến làm tổ trên màn, như con cá bơi lội trong chậu, an thế nào được. Lúc lâm nạn thì có tai mất chân tay. Người không tai mất lấy gì mà nghe trông, không chân tay lấy gì mà động tác. Cho nên người trí thì làm tai mất lòng dạ, người dũng thì làm chân tay nanh vuốt. Chớ vì người mình yêu mà tác uy; chớ vì mình có quyền mà lấn át; chớ vì thế mà oan riêng; chớ đem thưởng cho người thân. Như thế thì trên dưới cùng lòng mà ba quân liền chết. Cho nên *Thần kinh* nói rằng «*Tướng như thuyền, quân như nước, nước chở được thuyền mà cũng đắm được thuyền*». Nếu thưởng không đáng công, phạt không đáng tội, thì ba quân đều oán. Cho nên, người có công dẫu thù cũng thưởng, người có tội dẫu thân cũng phạt; thưởng không để quá một tuần, phạt chẳng nề người thân, là nghĩa thế đấy. Cho nên *Bình pháp* nói «*Điều cốt yếu để cho quân hòa là ở thưởng phạt công, thù xả mình mà thôi*». Lại nói «*Tướng cần có nhiều người phụ*». Bởi vì nhiều người phụ thì tướng mạnh, ít người phụ thì tướng yếu. Như có tướng dữ như hổ lang, lại được quân như báo khuyến, tướng biết tình quân, quân biết ý tướng, dẫu quân nhiều đến trăm vạn, chỉ bảo cũng như chỉ hỏ một người,

Như hành binh phải có lễ, sai người phải theo thời. Kể ra lễ là tiết văn của thiên lý, là nghi tắc của nhân sự, như người đi trước đợi người đi sau, người đi sau trông người đi trước, người bên là đợi người bên hữu, người bên hữu đợi người bên tả; ngồi chia trên dưới, uống rượu chớ ồn ào, thấy của không tranh cướp thấy sắc không cưỡng cưỡng, đều là lễ cả. Thời là âm dương nóng rét, xuân hạ thu đông, sớm tối na đôi. Theo thời mà sai khiến, cũng như thân mình. Quý tiện dẫu khác, lòng người giống nhau. Tướng rõ điều ấy thì lòng người hẳn hóa. Được lòng hòa thì Tấn

Việt kết làm anh em, một lòng còn thì anh em cũng thành cứu thù, *Bình pháp* nói rằng «*Yêu sĩ tất như yêu gái đẹp, thân eo không lường được, thấy sĩ tới mà không thương thì quân trong lăm giặc, tướng có nghĩa thì binh có công*», là ý thế đấy.

Làm tướng chớ cùng ba môn, mang bốn giống, Ba môn là: Nói càng lời thì lòng người oán, hiểu sắc đến cùng thì trong thành loạn, đứng của đến cùng thì thiên hạ tan. Bốn giống là giống tham thì quân không phục, giống độc thì quân không hòa, giống kiêu thì quân tất thua, giống hung thì quyền hẳn mất. Tướng không biết như thế, sao làm cho quân hòa được? *Bình pháp* nói «*Ở dưới mỗi thorn hẳn có cỏ to; ở dưới thorn trọng hẳn có người anh dũng*». Nếu thưởng phạt không minh dùng người không quyết, tiền nhàn làm quan ở triều đình, quân tử ăn uau ở nhà quê, thì tướng chẳng đáng tướng, tất đem nước cho giặc. Không biết dùng người hiền thì bị nước địch khinh. Cho nên mong người hiền như khát mong nước uống, thấy người hiền sợ tiếp đãi không kịp thì mới phải, *Bình pháp* nói rằng «*Áo giáp không bền, khác gì không mặc áo; bản không trơng, khác gì không có tên bắn. Có người hiền mà không biết dùng, khác gì không có hiền, trong nước không hòa, khác gì không có vua*», là nghĩa thế đấy. Lại nói «*Người trên, theo lời gièm thì kẻ dưới là lòng*». Trên dưới ha nhau thì thất hòa; thất hòa thì kẻ có tội cũng không sợ, người được thưởng cũng không phục, bởi vì thưởng phạt dẫu khinh, tội tình rất nặng. Cầu người giỏi không bằng cầu gái đẹp là đem mình cho giặc, làm tội không đáng tội là đem quân cho giặc, thưởng phạt bất minh thì quân bất hòa. Cho nên dùng binh lấy hòa làm quý, lấy lễ làm đầu. Quân dõng thì theo lễ, quân đi thì dùng uy. Cơ mưu tự khi đóng trại, ứng biến ở lúc lâm thời, thưởng phạt không nhằm, cơ biến rất lỏng, thì tự nhiên quân thẳng trận.

Lại tướng nên bỏ tám điều tệ, chớ bỏ ba điều hòa. Tám tệ là: kiêu mà khinh người trí, lời mà không tập, dùng mà có mưu, tham mà ăn bẩn, rượu hồng tình tình, sắc hồng việc nước, độc mà bất nhân, chuyên mà tự đoán. Trong tám điều ấy mà mất một điều là đem thân cho giặc. Ba điều hòa là: hòa với quân lính, hòa với hiền hữu, hòa với mấy nước láng giềng. Trong ba điều hòa ấy nếu bỏ mất một là đem nước cho giặc. *Bình pháp* nói «*Tướng không*

có nhanh vuốt, như người dúi ăn thuốc độc; quân không có nghiêm lệnh, như người mù đi đêm.» Cho nên tướng phải dùng người quân, phải giữ phép mới phải. *Bình pháp* lại nói «Dùng người không có phép, thì quân sĩ xôn xao». Bởi vì không có phép thì nhọc mà vô công. Cho nên dùng người có sáu cách: Một là người kiên thủ cho đánh trước, đến đâu là tung hoành, đằng trước không thấy có giặc, đằng sau không thấy có vua, trên không nê trời, dưới không nê đất, tiền thì như đất rách núi lở, uy bay muôn dặm nước địch tất phải sợ hãi. Hai là người tham thì sai tranh lương cướp cỏ, không kể sống chết, lòng chỉ tham lợi, lợi cho binh lương. Ba là người dùng thì nên dùng làm chân tay dài vế, để phòng lúc nguy nan thì họ liền chết. Bốn là người trung tín thì sai làm gián điệp, sự cơ rõ ràng, đất phục xuất kỳ, nghe lệnh tất theo, nghe trống tất đi, việc không sai trái. Năm là người giả yếu thì sai giữ kho, ngày đêm giữ cửa thặng, kẻ gian không dám xâm phạm. Sáu là người cường tráng thì nên sai theo quân mà vận lương, gánh gạo, gánh nước, hái củi. Sáu hạng người ấy đều nên chuẩn bị cả. Cho nên *Bình pháp* lại nói «Chuyên hiệu lệnh, thông tình báo, chia trước sau, rõ đất phục, truyền ra vào, vàng tiến lui, hiểu thiên thời, xét địa lợi, biến nhân hòa,» là ý thế đấy. Làm tướng trước lập thân mình mà sau cho quân đội, định kẻ sách mà chọn nhân tài, luyện tập binh lính mà cô lệ sĩ tốt; trí năng hơn mọi người, dùng mệnh nhất tâm quân, nắm tài đủ cả, ba đức nắm toàn. Năm tài là nhân, trí, dũng, trung, tín. Ba đức là khoan, từ, thiện. Phạm lương rộng như sông biển, để lòng không mà nhân lời can, thì gọi là khoan. Nhân thương người dưới, ơn đến ba quân thì gọi là từ. Tài kiếm tam lược, trí đủ năm xe, thì gọi là thiện (giỏi.) Phạm người đánh giỏi vận cơ mưu ở trong màn trướng, thành công không riêng, có nhiều người giúp; quyết được thua ở lúc hách trận, động chẳng một mình, tiền phải có quân. Còn như bày trận để nắm quân binh, cầm cờ để chia đội ngũ nói chiêng trống để nghiêm hiệu lệnh, giăng súng đạn để vững đồn dinh, chứa chấu nhiều để đủ lương cỏ, sức gươm giáo để tránh tên đạn, ngầm tâm theo lệnh, định kẻo giữ dinh, công thành hiển dấu giặc, cầu qua luôn sẵn sàng, mệnh trời cho, lòng người hòa nước láng giềng giúp, nước thù địch hàng, thế mới có thể lập công ở đương thời, để tiếng cho hậu thế.

YẾU LUẬN VỀ QUÂN CỠ

Quân cơ sáu có điều cốt yếu: Một là uy nghiêm, hai là hiệu lệnh, ba là chính tức, bốn là tình nhuệ, năm là tử tế sáu là thanh liêm. Uy nghiêm là việc cuối cùng của tướng pháp, mà là việc bắt đầu của quân cơ. Vua không nhân không lấy gì mà sai tướng; tướng không uy không lấy gì mà sai quân. Tướng chỉ đóng thì không dám hướng về tây, chỉ nam thì không dám hướng về bắc; giặc tiến không dám lui, thục lên trước giặc thì không dám ở lại sau, nếu không theo thì có quân pháp. Cho nên *bình pháp* nói rằng «hiệu lệnh nghiêm như sấm lộng. Cho nên nghiêm là việc trước nhất của quân cơ.

Hiệu lệnh là then chốt của quân cơ, quân không có lệnh như hồ không có đầu, đến lúc cơ biến, chân tay không động tác được. Cho nên nói rằng đánh trận ban ngày thì lấy cờ xí làm hiệu lệnh, đánh trận ban đêm thì lấy chiêng trống làm cơ quan. Vì như cơ phải một cái thì tiến, cơ phải hai cái thì lui, trong khoảng phương lược, cái gì cũng mắt thấy tai nghe, cho nên đến lúc làm trận, không nói mà tin, không giận mà sợ.

Cảnh tượng là việc gốc của quân cơ. Nếu hộ khúc rối loạn, hàng trận lộn xộn, thì giặc coi như trẻ con, đánh dễ như bẻ cành khô, còn chống giặc làm sao được.

Tình nhuệ tất có dũng cảm, dũng cảm tất có lòng liều chết; có lòng liều chết thì vui đánh giặc mà làm sự không sợ, xông vào giặc không lạnh lòng, đầu quân trăm vạn cũng coi bé như nốt ruồi viên đạn mà thôi.

Tử tế là việc thường của binh gia, không có gì lạ. Nhưng dùng binh mà không tử tế (nhiệm nhứt) thì cầu thả sơ hở, quan cơ rối loạn. Thái sơn ở trước mắt mà không trông thấy, sấm sét dấy bên tai mà không nghe thấy, làm sao có thể cử động cho đúng được.

Thanh liêm thì không ham lợi. Lợi là mối đầu của bại, là triệu bại vong, cho nên *Bình pháp* nói «Ngày đi trăm dặm để xô về lợi thì què thượng tướng, ngày đi năm chục dặm để xô về lợi thì

quần đến có một nửa », có phải sai đâu. Quân mà thanh liêm thì dầu giặc ngày ngày đem cho vàng ngọc bira bải cũng không thêm, đứng thẳng mà nhìn vào, nữa là manh tâm cướp bóc ! Đây là việc binh cơ kiêm việc nhân nghĩa. Cho nên quân cơ lấy điều này làm điều cuối cùng.



PHÉP DẠY QUÂN ĐÁNH GIẶC.

Phàm ngày thường trọc thức, tất có quân cơ; đánh giặc sâm lãng, cũng có kế sách. Nếu không có kế sách thì trong lúc vội vàng làm sao có thể ứng biến được. Cốt yếu có 15 phép : Một là qua chỗ hiểm phòng nguy ; hai là xét nắp phục ; ba là phòng nước độc, bốn là qua cầu phải cẩn thận ; năm là dùng lửa chống lửa ; sáu là lấy nhân đợi nhọc ; bảy là lấy nhọc chế nhân ; tám là nhọc nhân đắp đồn ; chín là hư lương thanh thế ; mười là tránh chỗ thực đánh chỗ hư ; mười một là lấy hư làm thực ; mười hai là lấy thực làm hư ; mười ba là phòng gian xét biến ; mười bốn là chọn đất lập dinh ; mười lăm là cẩn thận thiên thời.

Điều thứ nhất. Vì như lữ vào cõi giặc, gặp chỗ đồng bằng rộng thì nên kết trận. Nếu gặp núi sông hiểm trở, thì sai ngay quân kiêu kỳ du binh đi trước. Nếu thấy gò cao rậm rạp, núi hang gập ghềnh, thì tiền quân từ từ tiến chậm để đợi hậu quân, không được cách tuyệt giao đoạn. Đây là yếu lược qua chỗ hiểm phòng nguy.

Điều thứ hai. Nếu như đường cái dễ tiến ; cũng sai du binh lên chỗ núi gò cao, là hữu tiền hậu xem xét kỹ càng, nếu thấy chỗ nào chim chóc bay lên, vượn chồn chạy loạn, hoặc cây cỏ không gió mà động và bụi đất mù trời, dưới chỗ ấy hẳn có phục binh, thì du binh quay về báo cho chủ tướng, đừng xe kết trận mà đóng lại, để đợi xem thế giặc làm sao. Đây là yếu lược xét nắp phục.

Điều thứ ba. Như mới vào chỗ đất lạ, nước suối cũng nên cẩn thận. Nếu mình chưa quen thủy thổ, không nên uống nước là một ; sợ quân giặc ở trên dòng bỏ thuốc độc vào nước là hai ; nước là mình chưa rõ tình không nên uống là ba ; mùa hè nóng

nước, khi độc nghi ngờ, nước tự trên cao chảy xuống, hoặc sắc đen mà nhiều hoa, hoặc sắc đỏ mà nhiều chất phèn, hoặc đục mà mùi chua mặn, cũng không nên uống là bốn ; hoặc mùa đông mưa lũ, dưới núi nhiều khe và mạch nước phun ra, là cây cỏ ngâm nát thành độc, cũng không nên uống là năm ; hoặc đất ấy sông núi có nhiều rắn độc cò độc, cũng không nên uống là sáu. Nếu bất đắc dĩ phải uống, thì sai quân chọn chỗ đất vàng, đào xuống 3 thước, lấy một hòn đất và húng hoàng, chu sa, mỗi thứ 1 lượng, bạch phân 1 đồng cân, cam thảo 3 đồng cân, muối một ít, đều nấu nhỏ ra bỏ vào nước khuấy đều, mỗi người uống lót da một chén, rồi thì sau tha hồ uống nước cũng không trúng độc. Đây là yếu lược phòng nước độc.

Điều thứ tư. Vào sâu cõi giặc, gần đến đường xung yếu, chợt thấy đất mới, trên đất cỏ khô như cháy, thì ở dưới chỗ ấy ngờ có trá nguy gì, phải dò xét kỹ lưỡng, rồi mới nên đi. Nếu đi qua cầu cống của giặc, thì trước lấy đồ nặng mà chắt lên thử rồi mới nên đi, không cẩn thận như thế thì sợ xảy ra tai nạn sụp đổ. Đây là yếu lược qua cầu.

Điều thứ năm. Hỏa công không cần phải đợi một trứng phạm vào các sao Cơ Tất Dục chần cũng được ; nếu giặc ở dưới gió, ta ở đầu gió cũng có thể dùng được. Nếu ta ở dưới gió, giặc ở đầu gió phóng lửa xuống, thì ta cũng phòng lửa ngay, lửa của giặc đến nơi, lửa của ta đã tắt, ta nên nhắm chỗ đất đen (chỗ đã đốt cháy) mà tránh, giặc dùng hỏa công cũng không làm gì được. Đây là điều cốt yếu lấy lửa chống lửa.

Điều thứ sáu. Xuất chiến phải xét địa hình, cho nên người đánh giỏi tất trước chiếm địa lợi, bày thành thế trận để đợi ra quân. *Binh pháp* nói « Người giỏi dẫn khiển người đến mà không bị người khiển đến, » là nghĩa thế đấy. Nếu quân giặc mới đến, cứ trông chưa nghiêm, binh mã chưa chỉnh, thì chia quân đánh gấp. Cho nên *Binh pháp* nói « Đánh như nước sông vỡ, đánh như sấm động vang », cũng là nghĩa đấy. Nếu như đằng trước có gò cao rừng núi, thì quân ta chiếm ngay lấy để làm địa lợi, nếu có giao chiến thì lấy đấy làm chỗ phục binh, nếu có cấp bách thì lấy đấy làm quân tiếp viện, để liên yên ủi người ngựa của ta. Đây là yếu lược lấy nhân đợi nhọc.

Điều thứ bảy. Nếu quân giặc trước chiếm được địa lợi, hoặc núi rừng gò đồng, hoặc đồng bằng nội rộng mà quân ta mới đến, vội vàng chưa yên, chớ giao chiến ngay. Tức chia quân làm đường bình, nghê bình, là kẻ thay đổi nhau ra đánh, để chống quân giặc, đợi đến khi ngày gần tối, giặc mới mệt mỏi khát, quân muốn đánh mà tướng do dự, tướng muốn đánh mà quân đứng dằng, bấy giờ ta mới gấp sai du binh tiến thẳng lên chỗ kín bên núi mà phao tin là đánh trại giặc hoặc đi cướp lương giặc, thế thì tình giặc càng ngỡ vực, lòng quân bối rối, thế trận rối ren. Bấy giờ ta đem súng và leo lửa, nổ khỏe, cung cứng má đánh, đánh tả đánh hữu, đánh trước đánh sau, khiến chỗ quân giặc đầu đuôi không cứu được nhau. Đây là yếu lược lấy nhẹ chế nặng.

Điều thứ tám. Hai bên bày trận đánh nhau, quân giặc khỏe mạnh, mới liền một lối, làm kẻ thay đổi nhau ra vào để quấy quân ta, mà quân ta thì mới mệt mỏi khát, không thể đánh được, thế thì ta chia quân ngay làm ba đội: Đội thứ nhất làm tương bình, một thuận một nghịch, vừa đánh vừa giữ, để chống quân giặc. Đội thứ hai làm nghê bình, nghiêm chỉnh cơ xi, chiêm trống đánh luôn để hộ vệ quân trước. Đội thứ ba thì đối nổi nấu cơm, hếp mới ngày một thêm và chứa lương cỏ để dùng gấp, ngày đêm cắt lượm. Thế là quân giặc cắt lượm nhau ta cũng cắt lượm nhau. Như thế thì đầu giặc đánh đêm đánh ngày quân ta cũng không mệt. Đây là yếu lược nhẹ nhàn đập đổi.

Điều thứ chín. Trại giặc bên lạc đất rộng, mà binh ngựa có ít, thế là giặc hư trương thanh thế. Ta nên xuất kỳ bất ý mà đánh úp, hoặc đợi đến đêm mà cướp trại giặc, gấp sai quân giữ đường xung yếu để phòng nó đến chụp mình. Đây là yếu lược hư trương thanh thế.

Điều thứ mười. Hai trận tương đương, thế như nắm sừng nhau, thì ta dòm giặc mà đánh trước là được. Cho nên người giỏi đánh đánh vào lúc không ngờ, đánh vào chỗ không phòng, hoặc cắt lương của địch, hoặc chặn viện của nó, hoặc để nó đương sang sông mà đánh, hoặc đợi nó mệt mỏi, tán loạn mà đánh, hoặc chặn nguồn lấy nước, hoặc chặn cả bốn ngã đường, đều do một lòng liệu định mà thôi. Cho nên Tôn tử nói: Người giỏi đánh động ở trên chân tướng trời, tránh chỗ thực đánh chỗ hư, là nghĩa thế đây.

Điều mười một. Quân ta mới thắng, thế giặc hơi suy, mà có tin gió thổi động cơ xi, thì đêm ấy nên phòng giặc cướp trại. Nên gấp sai du binh đi trước phục chặn đường giặc về, rồi sai tinh binh mai phục ở chỗ kín hai bên đường. Còn ở trong trại thì giữ làm thế yếu, hoặc cơ xi rối loạn, hàng ngũ lộn xộn, giặc ắt cho là ta kiên mà không phòng bị, cứ xông vào không ngờ gì. Bấy giờ ta phát lệnh một tiếng, quân phục đều nổi dậy, quân giặc ắt bị trời hắt. Đây là yếu lược lấy hư làm thực.

Điều thứ mười hai. Quân giặc đóng trại lâu ngày, chột một hôm bếp nấu thêm nhiều, ắt là giặc sắp bỏ trại mà trốn, chớ nên giữ thêm bếp nấu để đánh lừa ta. Ta lập tức sai du binh mai phục chỗ đường hiểm yếu, đợi giặc qua mà đánh, thế nào cũng được. Đây là yếu lược lấy thực làm hư.

Điều mười ba. Quân gian biến trá nhiều mối, cần phải xem xét, phạm tế tác giảm đổi, làm cho lòng quân sinh biến, ắt là trong có cơ mưu. Hoặc dùng văn tự chế nhạo, hoặc lấy cây cỏ làm điềm tin, hoặc dùng ngôn ngữ mà thị dụ, hoặc dùng tiếng chim muông, các cơ mưu ấy là đáng sợ. Nên dùng một vài người tâm phúc, cho lên vào trong quân giặc giả làm kẻ đồng mà thám thính hư thực, thì biết cơ biến. Đây là yếu lược phòng gian xét biến.

Điều mười bốn. Chọn đất đóng dinh, cần phải cân nhắc, cho nên người tri tướng đóng đồn đóng dinh ắt chọn địa lợi. Như trước có thủy đạo, vận lũ lưu thông, bên tả có núi cao, bên hữu có đồng bằng, thì có thể đóng quân được. Nếu là chỗ sông hồ ngòi khe, bốn mặt quanh co, thì không nên đóng trại, sợ quân giặc cắt đứt đường đi thì liền lui không thông. Cho nên người tri tướng hành binh, không hướng vào gò cao, không đón dòng nước, đằng trước có nước không liền, đằng sau có khe không lui, hoặc bãi sông bển tả bên sang gò bên hữu, hoặc một bên gò núi một bên sông hồ, đất ấy đều nên kiêng kỵ. Đây là yếu lược chọn đất đóng dinh.

Điều mười lăm. Nếu lập trại, về mùa xuân hạ không nên đóng gần chỗ cây cỏ rậm rạp, sợ giặc liền đánh hỗn công. Về mùa thu đông không nên đóng gần chỗ núi cao khe suối, sợ giặc thừa thế năm nước mà chụp quân ta. Việc hành binh cũng nên cân thận. Đây là yếu lược cẩn thận thiên thời.

PHÉP GIỮ THÀNH CHỐNG GIẶC

Phạm biên là hung khí. Thành nhân nói «Làm sự thì lo nghĩ, hay mưu mới thành công». Phạm lúc này thường, hiện lệnh, nghiêm minh, quân cơ tập thuộc, thì đến lúc làm sự, không đến hoang mang hoảng cuống, mà lúc giữ thành không đến nổi hồng việc. Cho nên người tri tướng lập dinh đóng trại, trước hết phải nghiêm lệnh. Như trại nào có giặc đánh vào thì trại ấy trước nổi hiện trống để các trại khác cũng nổi hiệu trống, làm thành thế mà ứng xạ; trại nào không có giặc thì chính bị binh mã dễ ứng cứu. Điều ấy đã thành lệ rồi. Trong lúc vội vàng, cơ nhanh như trở bàn tay, nếu không chuẩn bị thì một chốc một lát, dinh trại đã không phải của mình rồi. Cho nên dinh nào có giặc đến trước thì dùng ngay hỏa pháo, hỏa tiễn mà chống. Nếu quân giặc đến sát dưới thành thì dùng móc sắt móc hay mà ném, cái gì cũng phải chuẩn bị trước. Nếu giặc đem rơm cỏ lợp hào thì ta đem tên lửa quật lửa mà bắn để đốt những rơm cỏ và khi giới bằng gỗ của giặc. Giặc bọc thang mây leo lên thành, thì ta đem gỗ đá ném xuống, bắn súng, đốt lò nấu chảy sắt mà rót xuống, hoặc lấy vôi bột giấm nóng mà vung xuống, hoặc ống cát, thuốc độc mà vất xuống. Nếu quân giặc như kiến leo thành, thì dùng dùi sắt rặng sỏi mà đánh. Nếu giặc tay bám vào tường mà leo, thì dùng cái dùi liền mà đánh, hoặc lấy búa mà chặt tay giặc. Nếu giặc đang xe lúc mà phá thành thì ta dùng vòng sắt, vòng gỗ, dầu rai mà chống. Nếu giặc đang thang bắc vào thành mà leo, thì ta dùng chàng mạng mà chống. Nếu giặc dùng lừa gỗ mà đục thành thì ta dùng xa trục, dùi sắt, đuốc đuổi én mà phá. Nếu giặc bắn súng đạn thì ta dùng mưa vải mà che. Nếu giặc dùng đĩa đao mà đến đánh, thì ta dùng phép nghe dưới đất, đào giếng mà đào, dùng hỏa cầu, pháo tích lịch và bình khí tập mà hại. Nếu giặc lên lầu cao mà xuống thành thì ta dùng hỏa thương hỏa tiễn mà đối, hay là dùng ống thuốc độc mà tưới. Nếu giặc dùng hỏa công mà đốt thành thì ta dùng túi nước, dây nước, ống đất mà ném xuống, và dùng chòi gai giấp bùn mà che. Nếu giặc đốt cửa thành thì ta dùng cái uột mà giết. Nếu giặc phá nữ tường đất thì ta dùng nữ tường gỗ mà chống. Nếu giặc đánh phá cửa thành thì ta dùng xe súng xe gươm mà chống. Các phương trên này, cái gì cũng rõ ràng đầy đủ, đây là phép của cổ nhân, một bên đánh một bên giữ. Nhưng làra để khác

nhau, xưa nay khác lối, cho nên người tri tướng làm cơ ứng biến mưu nhiệm là ở trong lòng, cũng không nên khư khư cầu nệ. Tôn tử nói «người giỏi giữ giấu ở dưới chân lầu đất», lời ấy thực là diệu vậy.



YẾU LUẬN VỀ ĐỊA THỂ

Phạm người làm tướng, trên thông thiên văn, dưới hiểu địa lý. Thiên văn là biết vận độ của nhật nguyệt tinh thần (1) biết theo máy âm dương rét nóng để rõ mau chậm mỗi họa phúc, điềm triệu lành dữ. Địa lý là biết sự biến di của chòm muông cây cỏ, biết thế hiểm dễ của núi sông hang khe, để đặt phục ra kỳ, lập dinh đóng trại. Không như học giả đời sau học thiên văn chỉ cầu chấp ngày giờ tốt xấu mà không biết biến thông, học địa lý chỉ cầu nệ long hổ xà trưc mà không biết hình thế.

Trước có người bạn hỏi tôi rằng : Địa lý là gì ? Tôi đáp rằng : Địa thi có mười kiểu, bốn kiểu xấu, sáu kiểu tốt. Bốn kiểu xấu là thế nào ? Một là đất thiên kháo, hai là đất tứ phách, ba là đất tứ trụ bốn là đất tứ ngục. Trong bốn đất ấy dân có tri tướng ở vào đấy cũng không làm được.

Bạn nói : Xin nghe hình thế những kiểu đất ấy.

Tôi đáp : Phạm bốn bề đồng bằng, giữa có thung lũng thì gọi là thiên kháo; nếu kiềng cửa thung lũng mà đứng đóng dinh, sợ giặc đánh hôn mặt mà không có lối tiến lui. Còn chỗ bốn phương là nội rặng, trong có một núi một thung lũng thì gọi là song thiên kháo, đất ấy thì kiềng đầu núi, chớ đóng dinh, sợ giặc tự dâng sau qua núi mà ta mất chỗ hiểm, tiến lui đều khó, sẽ bị giặc bắt. Chỗ nào tha mà mộ địa thì gọi là đất tứ phách, sẽ tốt ban đêm hay hoang hốt, rồi sinh bệnh tật, đó là âm cảm sinh ra. Chỗ nào bốn bên bằng phẳng, giữa có gò cao hình như cái chậu úp thì gọi là đất tứ trụ, chớ đóng dinh, một là sợ bốn phương sương gió, hai là sợ bốn mặt bị giặc. Chỗ nào bốn bề đều có gò núi, ở giữa bằng phẳng

(1) Nhật nguyệt tinh thần = Nhật trời - nguyệt trăng và các vì sao.

hình như cái chậu ngửa, thì gọi là đất từ ngục, chớ đông dinh, sợ giặc dựa cao mà đánh xuống.

Sáu kiểu đất tốt là gì? Một là thông địa, hai là quai địa, ba là chi địa, bốn là ải địa, năm là hiểm địa, sáu viên địa. Chỗ nào bốn phương đều có đường sá đi lại được thì gọi là thông địa. Đất này có thể dựa vào mà đóng trại, sau có đường lương, mà tiện đường viên binh. Các ngã đường tất thì cần phải quan phòng, đừng cho giặc ngầm đến. Chỗ nào quân dễ đi mà khó lại thì gọi là quai địa. Đất này thì sai người thám thính quân giặc, nhân lúc giặc không phòng bị mà ta đánh úp thì có thể phá vỡ làm chủ, giặc tiến lui đều khó mà sẽ bị bắt. Chỗ nào hai bên xuất chiến đều bị bất lợi thì gọi là chi địa. Nếu có giặc trước đến khiêu chiến là giặc như ta, ta không nên đánh, ta nên lấy nhàn mà đợi nhẹ, đợi quân giặc đến gần trại ta, ta đem quân sinh lực ra đánh, thì tất là thắng. Đông quân ở cửa thung lũng mà hai bên đều có núi cao thì gọi là ải địa. Gặp chỗ này lập tức chia quân kết trận mà giữ cửa thung lũng để đợi quân giặc xung đột. Nếu giặc trước chiếm đất ấy, thì ta nên kết trận ở ngoài cửa thung lũng, hai bên tả hữu đều đặt quân phục, đợi giặc ra cửa thì ta đón mà đánh, hẳn là phải thắng. Còn như ở chỗ cao mà đánh xuống thấp, giữ chỗ để đánh chỗ nguy, thì gọi là hiểm địa. Gặp đất này thì nên chiếm trước làm lợi. Nếu giặc chiếm được trước thì ta lui đi, đợi cơ giặc không nên giao chiến. Nếu hai quân cách nhau rất xa, thì gọi là viên địa. Nếu quân giặc khiêu chiến thì tất có quân phục, ta nên cẩn thận.

Hình thế mười kiểu đất ấy là đại lược của binh gia, còn như những điều nhỏ nhặt thì không thể nói hết. Ví như chỗ gần núi cao cũng không nên đóng, là sợ trong núi có quân phục; nếu là bên cây rừng rậm rạp cũng không nên đóng, là sợ bốn phương có quân phục. Còn như đường trước núi non khuất khúc thì không nên khinh tiến; đường sau núi non chắn ngang, thì không nên tiến gấp, đặt phục mà giữ, phòng quân giặc chặn sau lưng ta. Và như trước mặt hai bên đều có núi ngăn trở, nếu quân ta đóng ở đất ấy thì gặp sai dù binh dò thăm đường khe bốn phía, cũng các đường tất, đặt phục mà giữ, để phòng giặc ngầm đến đánh ta, như thế mới là thượng sách. Cho nên đạo làm tướng tất lấy địa lý làm đầu.

Bạn ta nói: Mầu nhiệm thay! Tu phải viết lấy. Vậy có thơ rằng:

Thắng vận trí tướng thiện hành binh;

Thập pháp chi trung vật tự khinh,

Khoảng dã binh nguyên nghị kết trận;

Y sơn bang thủy khả an dinh.

Dương sư tu tảo phòng hung địa;

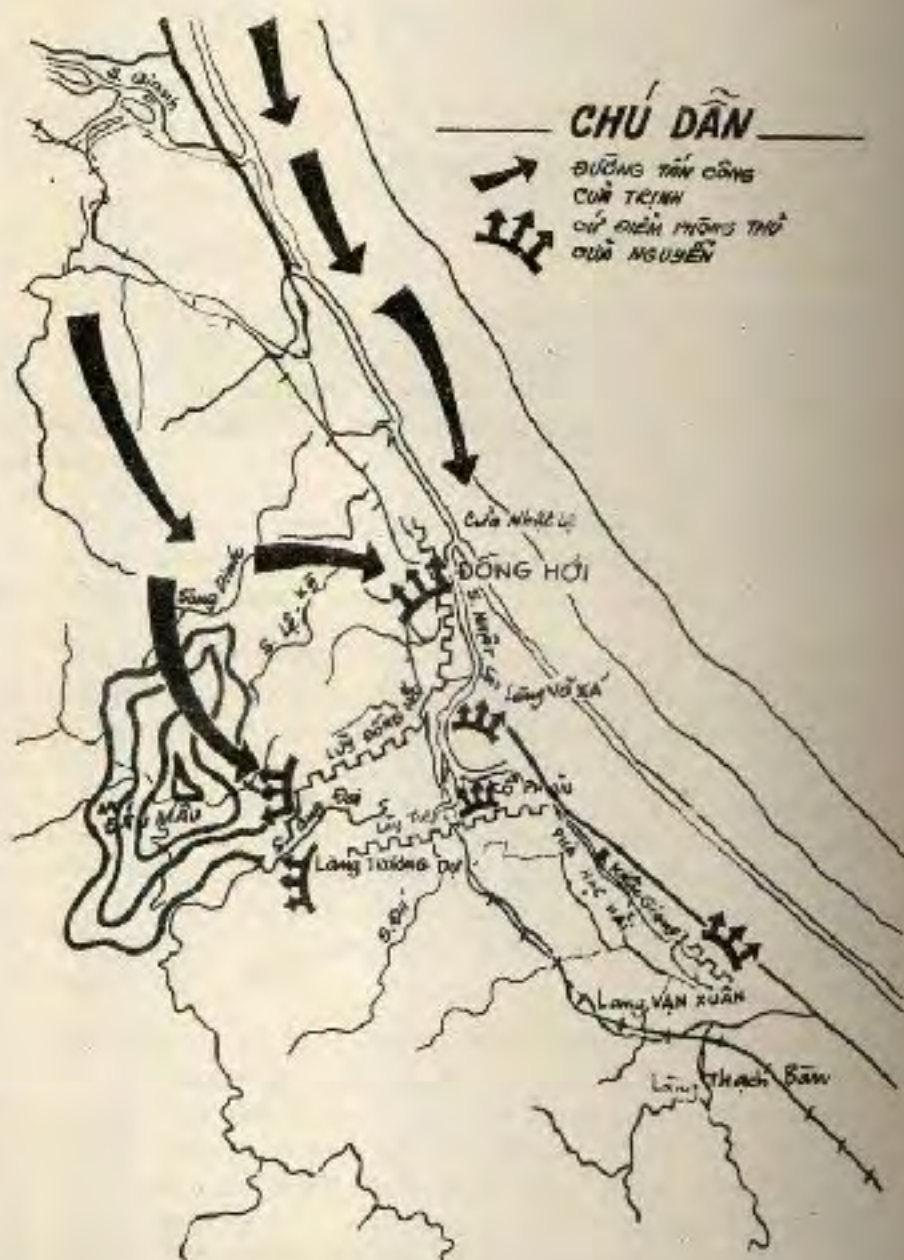
Chấn lữ vu đương chiếm địa hình.

Viễn cận hiểm di tâm tận quát;

Phong trần nhất tảo trừ phương danh.

(Nay xem trí tướng khéo hành binh; Mười phép trên này chớ tự khinh. Nội rộng đồng hàng nên kết trận; Dựa non bên nước khá bày dinh. Đóng quân trước hết phòng hung địa; Cắm trại càng nên chiếm địa hình. Hiểm để xa gần lòng thấu suốt; Phong trần quét sạch để phương danh).

HẾT



LŨY TRƯỜNG DỤC VÀ ĐỒNG HỚI

LŨY TRƯỜNG DỤC

VÀ

LŨY ĐỒNG HỚI

I - NGUYỄN NHÂN XÂY LŨY.

Sau khi Nguyễn-Uông, anh Nguyễn-Hoàng, bị Trịnh-Kiểm kiểm chuyện giết đi, Nguyễn-Hoàng sợ Trịnh-Kiểm lại sẽ có ý hãm hại mình, mới cho người ra Hải-Dương hỏi ý kiến Ông Nguyễn-Bình-Khiêm, ông ấy bảo rằng «Hoành-Sơn nhất đại, vạn đại dung thân»,

(Một dãy Hoành-Sơn kia (1) có thể yên thân được muôn đời) Nên Nguyễn-Hoàng mới nói với chị là Ngọc-Bảo xin Trịnh-Kiểm cho vào trấn phía Nam.

Năm Mậu Ngọ (1558), Trịnh-Kiểm tâu vua Lê-Anh-Tôn cho Nguyễn-Hoàng vào trấn Thuận-Hóa. Từ khi Nguyễn-Hoàng về Thuận-Hóa rồi, bề ngoài tuy chưa ra mặt chống với họ Trịnh, nhưng bề trong hết sức lo sự phòng bị. Xem như năm Quý Sửu (1613), khi Nguyễn-Hoàng sắp mất, gọi người con thứ sáu là Nguyễn-Phúc-Nguyễn vào dặn rằng: «Đất Thuận, Quảng này bên Bắc thì có núi Hoành-Sơn, sông Linh Giang, bên Nam thì có núi Hải-Vân và núi Bi-Sơn, thật là một nơi trời để cho người anh hùng dựng võ, vậy ta phải thương yêu nhân dân, tuyển tập quân sĩ để mà gây dựng cơ nghiệp về muôn đời».

Miền Nam tuy có sông nhiều, nhưng sông không giao thông với nhau, lòng sông thường có cồn cát, thuyền bè đi lại hay bị ngưng trệ, cho nên thủy quân không thể hành trường như ngoài Bắc, có nhiều sông to lại có kinh đào liên lạc. Vì vậy nhà Nguyễn chú trọng đến việc mở mang lục quân và kiến thiết các đồn ải.

(1) Hoành Sơn là dãy núi Ngang. Đầu niên hiệu Gia Long đặt dinh Quảng Bình lấy núi này làm giới hạn: Nửa núi ra phía Bắc thuộc tỉnh Hà Tĩnh, nửa núi vào phía Nam thuộc tỉnh Quảng Bình.

Năm Đinh Mão (1627) Nam, Bắc khởi cuộc binh đao. Ngoài Bắc lúc này Trịnh-Tráng cầm quyền được rồi rảnh vì bấy giờ nhà Minh bên Tàu đang chống nhau với nhà Thanh, và họ Mạc ở Cao-Bằng đã về hàng nên mới nghĩ tới việc đối phó với miền Nam. Trịnh-Tráng sai quân vào Thuận-Hóa mượn tiếng vua Lê đòi tiền thuế từ ba năm về trước. Chúa Sãi, Nguyễn-Phúc-Nguyên tiếp sứ nhưng không chịu thuế. Trịnh-Tráng lại sai sứ mang sắc vua Lê vào dụ Chúa Sãi cho con ra châu và nộp 30 con voi cùng 30 chiếc thuyền để đưa đi cống nhà Minh, Chúa Sãi lại cũng không chịu. Trịnh-Tráng thấy vậy, bèn quyết ý đánh họ Nguyễn; Sai Nguyễn-Khải và Nguyễn-Danh-Thế đem 5.000 quân đi làm liên phong vào đóng ở xã Hà-Trung (tục gọi là cầu doanh) rồi đem đại binh rước vua Lê đi đánh. Các tài liệu đều chép là vào năm 1627, hai bên Trịnh Nguyễn dàn quân trên lũ ngạn sông Nhật-Lệ, tức sông Đồng-Hới, giới hạn bởi một bức lũy (1). Bên Nguyễn chưa kịp chuẩn bị, nên bị chết hại rất nhiều. Bên Nguyễn-Hữu-Dật (miền Nam) vì vậy phải đặt kế phao rằng ở Bắc có Trịnh Gia, Trịnh Nhạc (có họ với Trịnh-Tráng sắp làm loạn. Trịnh-Tráng nghe tin ấy trong bụng sinh nghi, không biết thực hư thế nào, bèn rước vua và rút quân về Bắc.

Thế là, dù cuộc đung độ đầu tiên với Chúa Trịnh, nhận thấy lực lượng hùng hậu của địch quân, Sãi-Vương càng phải nghĩ đến việc phòng thủ và tạo lập thêm đồn lũy ở các nơi hiểm yếu để ngăn quân địch.

Tại cửa ngõ vào miền Nam và sát cạnh ngay miền Bắc, theo lời Linh-mục Alexandre de Rhodes, có 1 hải khẩu thường gọi là cửa Sãi (2) là nơi mà các chiến thuyền nhà Trịnh muốn vào đất địch (đất Nguyễn) tất phải qua. Cho nên cửa Sãi và vùng phụ cận là một nơi hiểm yếu mà người Bắc bao giờ cũng cố gắng để cướp lấy, người Nam bắt buộc phải giữ gìn. Chính trong thời kỳ này Sãi Vương đã cho xây 2 lũy Trường-Dục và Đồng-Hới.

Vấn bia ở gò Cầu Dài đã chép việc này như sau :

(1) Bức lũy này chỉ là một tác phẩm tạm thời và không quan trọng vì tất cả công trình phòng thủ kiến cổ như lũy Trường-Dục hoặc Đồng-Hới do Đào Duy Từ xây dựng đều thành hình sau trận chiến năm 1627 là trận giao phong đầu tiên giữa hai họ Trịnh Nguyễn

(2) Cửa Sãi tức cửa sông Đồng-Hới.

« Mùa xuân, tháng hai, năm Canh Ngọ (1630) nhâm năm thứ 17, đời Hi Tông Hiếu Văn Hoàng-Đế (Sãi-Vương), Nội Tân Đào-Duy Từ tâu cùng vua rằng: « Phàm mưu đồ sự nghiệp Vương-Bá, cốt yếu là phải tìm cách van toán. Cỏ giã cỏ cầu. « Không chịu khó nhọc một phen thì không được thông thả lâu dài, không chịu tốn kém 1 lần thì không được yên ổn mãi mãi ». (Bắt nhất lao, bất cửu đạt, bất tam phi, bất xĩnh ninh). Thần xin đem quân dâng hai trăm củ đập Trường lũy, chạy từ núi Trường-Dục xuống đến phá Hạc Hải, nhân theo địa thế hiểm yếu mà đặt đồn lũy để củng cố biên phòng, quân địch dù có kéo đến cũng không thể làm gì được chúng ta ». Chúa bèn nghe theo và sai làm ngay lũy « Trường-Dục ».

Mùa Thu tháng 8, năm Tân Vị (Tân Mùi) (1631) nhâm năm thứ 18 đời chúa Sãi-Vương, Đào-Duy-Từ lại xin Chúa cho đi xem xét tình thế núi sông. Đến khi về, Duy-Từ tâu lên cùng Chúa rằng :

« Thần đã quan sát thấy từ cửa biển Nhật Lệ, cho đến nội Đâu Mâu (1) ngoài có khe sông chảy trên đất bùn sinh lũy, nhân theo đó mà làm hào hố, trong đắp rằng lũy mới thì thế hiểm yếu của nó hơn thập bội lũy Trường-Dục ». Chúa Sãi thuận và sai Đào Duy-Từ làm.

II — CÁCH KIẾN TẠO CÙNG CÔNG DỤNG CHIẾN LƯỢC CỦA HAI LŨY TRƯỜNG-DỤC VÀ ĐỒNG-HỚI.

Như đã biết, công nghiệp của Từ chia làm hai giai đoạn. Các tài liệu cho chúng ta biết là lần đầu vào năm 1630, Duy-Từ đã đi quan sát địa thế và có kế hoạch xây một bức lũy chạy dài từ chân núi Hoàng-Sơn thuộc làng Trường-Dục đến các đầm lầy trải dài dưới chân cồn cát phía Tây. Năm sau 1631 Từ lại đến xem địa thế 1 lần nữa, và xin làm thêm một bức trường thành cách cái trước 20 cây số về phương Bắc. Thoáng nhìn vào địa đồ (xem phụ bản 1) chúng

(1) Đâu Mâu tên gọi thông dụng, nhưng sách chép là Đâu Mâu. Đại Nam Nhất Thống Chí tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị do Tư Trại Nguyễn Tào dịch, Saigon, Nha Văn Hóa BQGGD xuất bản, 1961 trang 107 giải thích như sau: Núi Đâu Mâu ở phía Tây huyện Phong Lộc 27 dặm, tọa lạc về Lệ Kỳ. Núi gò trũng thấp, cây cối sẫm uất, hàng vĩ cao nhọn, hình núi như mỏ Đâu Mâu (mỏ của chim trống, xưa gọi là mỏ tru, đời Tân gọi là Đâu Mâu, xưa, lần bằng đá, xưa làm bằng đất (Tổ nguyên) nên gọi tên ấy. Tục truyền bên núi có giếng, ở trong giếng có con cá dị kỳ, chân núi gọi sông Nhật Lệ, hay sinh cua đá.

ta cũng đủ thấy rằng, tay công trình của Đào-Duy-Từ làm thành hai lần và có lẽ khi làm không phải với một ý định liên tục vậy mà vẫn tạo nên 1 hệ thống phòng thủ rất hòa hợp với địa thế.

Lũy Trường-Dực (1) hiện còn giữ một ít vết tích, là một rặng lũy lớn bắt đầu từ chân núi đá với Chùa Non (Trần-dinh-Sơn) (2) dọc theo bờ sông Rào Đá (hữu ngạn sông Nhật Lệ) và sông Kiền Giang. Lũy uốn theo tả ngạn sông Nhật Lệ, lên đến làng Quảng-Xá sau khi đã qua kinh các làng Trường-Dực, Xuân-Dực, Cổ Hiền rồi ngoặt đột ngột về phía Đông và tới Bình-thôn. Lũy này chống giữ con đường nổi và án ngữ địch quân xuôi sông Nhật Lệ xuống.

Lũy dài 2.500 trường (khoảng 10 — 12Km), vài nơi cao đến 3 thước (m) và chân rộng từ 6 đến 8 thước (m). Về cực Tây lũy giáp xóm Kho (nơi xưa để chứa lúa cho vua), phía trên là chợ Cọc vu ruộng Đình. Lũy này ở chân vòng trên có xây các dinh đồn để cho trông bình trú ngụ, một kho để chứa thức ăn cho lính, theo hình chữ «đ» ở trong chữ «hồi» nên gọi là «Hồi vân Lũy». Năm 1648, họ Trịnh đến xâm lăng, khi ấy Trương Phúc Phần cùng con là Hùng giữ lũy, bình họ Trịnh không phá nổi nên lũy còn được gọi là Phần Cổ Trì.

Bây giờ chúng ta khảo sát qua lũy Hồng Hồi, lũy này được gọi bằng nhiều tên : Cương Mục vì các tài liệu khác gọi nó là Trấn Ninh lũy (vì gọi tên làng ở về phía cực Đông của lũy), Nhật Lệ lũy

(1) Trường Dực là tên làng, thuộc huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình.

(2) Trần đình Sơn ở địa phận xã Xuân Dực cách phía Nam 20 dặm, núi đá cao nhọn, trên có chùa Kim Phong, lưng núi có động, cửa động chặt hẹp, phải nghiêng mình leo xuống, lần thấy sông rải trong động có thớt đá, như đặt bàn ghế, trên có những viên đá hình như tượng Phật, hầu hết có Thạch Nữ tử thông xuống ẩn hiện trong dịp, có cái bình như lọ vàng, có cái bình như con voi. Ở bên có một cái hang tên là Cầm Huyệt, trong hang ụ tích chưa ai đi xuống. Phía tả hữu trước động có hai động nhỏ gọi là động chuông và động trống có năm tay bằng đá, thông xuống, gõ kêu như tiếng chuông, trống nên gọi tên ấy. Nơi cửa động có hai giếng đá, nước ngọt bốn mùa không cạn. Kế kỹ là tương truyền «Núi Đều Mỗ nhiều tên, núi Thiên đình nhiều Phật», là chỉ nơi đây vậy. Sách Ô Châu Cận Lục có câu «Núi Thiên Đình cao lớn có khí lực nuốt trọn cả bốn châu (Thiên Đình tự lực há thôn bình tứ bách châu)», ấy là nói hình dáng núi này vậy. (dẫn theo Đại Nam Nhất Thống Chí, tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Tư Trai Nguyễn Tạo dịch, sách đã dẫn trang 108).

(vì nó nằm trên tả ngạn sông Nhật Lệ) (1), Đồng Hồi lũy, hay có thể là Đồng Hải, Đồng Hồi hay lẽ hơn nữa là Đồng Giân do sự sai lầm của người khắc chữ. Đồng Hồi là làng nằm ở địa đầu tỉnh Quảng Bình. Dân gian gọi lũy này là lũy Thầy vì muốn tỏ lòng trọng vọng Đào Duy Từ là người đã có công đắp lũy (theo văn bia ở Đò Cầu Dài).

Chữ thầy viết thành chữ Hán Việt là Sài (nghĩa là củi) cho nên lũy Thầy đôi khi còn được gọi là lũy Sậy vì dọc trát. Những nhà truyền giáo thì gọi là «bức tường thành của miền Nam, bức lũy ngăn cách hai miền v.v...» Thiệu Trị năm 1842 gọi lũy là Định Bắc Trường Thành để kỷ niệm quân Nguyễn toàn thắng quân Trịnh. Dãy Hoành Sơn có một ngọn núi cao tên là Đầu Mào tỏa làm hai dãy núi trung trung điệp điệp : một dãy chạy thẳng đến sông Nhật Lệ về địa phận tỉnh Văn La (các tài liệu cổ gọi là Cầm La) gọi nó là Cầm Hầu, còn một dãy kéo dài xuống mé hữu, cách khoảng 15 cây số về phía Bắc tới làng Phú Hội, tên thông thường là kẻ địa. Hai dãy núi tỏa hình như một cánh cửa vây bọc một cánh đồng hàn nguyệt, lũy lội, bình mã không qua lại được, nhất là về mùa Đông, nước đồng ở trệ. Năm 1631, Đào Duy Từ dùng quân sĩ và dân phu đắp Trường Lũy (2).

Lũy bắt đầu từ cửa Nhật Lệ vòng xuống Nam, rồi kéo dài sang Tây cho đến sát dãy Hoành Sơn. Lũy cao 1 trường, năm xích (dộ 6m), mặt ngoài lũy chôn kê bằng gỗ lim, mặt trong đắp đất thành năm cấp, voi ngựa đều có thể đi được. Lũy dài trên 3.000 trường

(1) Sông Nhật Lệ (Nhật Lệ) ở phía Nam huyện Phong Lộc 2 dặm, có hai nguồn, phía Tây theo núi An Đại Trường Môn chảy xuống thốc một niềm phía Nam theo núi Quan độ chảy khuất khúc về hướng Đông đến xã Trung quán hợp lại rồi chảy quanh ra phía Bắc đến xã Cổ Hiền, Trần Xá, hội với sông Bình Giang, lại chuyển que Đông Bắc chảy đến xã Vinh Tuy sông lên Hữu gia và sông Hám Nhược hợp lại rồi chảy về Đông hơn 20 dặm, đến Cờ Hà chảy ra cửa Nhục Lộ. Theo Đại Nam Nhất Thống Chí tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị Tư Trai Nguyễn Tạo dịch, sách đã dẫn, tr. 125.

(2) Trong bài văn bia ở Đò Cầu Dài, gần thành Đồng Hồi, cũng như trong Đại Nam liệt truyện tiền biên, quyển thứ III, tờ 14b và trong Đại Nam thực lục tiền biên, quyển II, 20a đều gọi «Lũy Nhật Lệ» là Trường Lũy.

nghĩa là hơn 30 li. Cứ 3 hay 5 trường (12 hay 20 thước) (1) thì lại xây một pháo đài trang bị súng lớn, cứ 1 trường (4m) lại đặt 1 khẩu súng Khóa Sơn. Hơn nữa, lại có nhiều ụ thuốc súng và đạn.

Đây tức là 1 biên phòng kiên cố ngăn cách giữa hai cõi Nam Bắc, làm quan trọng và hiểm trở của lũy Thầy cũng đã được ghi rõ trong lục ngũ, ca dao đương thời :

Thứ nhất thì sợ lũy Thầy
Thứ nhì sợ lũy Võ Xá. (2)

Đại Nam Nhất Thống Chí đã dịch ra Hán văn như sau :

Nhất khả kỵ hễ Động Hải trường lũy
Nhị khả kỵ hễ Võ Xá né điền.

Hoặc là :

Có tài vượt nổi sông Gianh
Đầu thêm hai cánh Trường thành khó qua.

Đại Nam Nhất Thống Chí chuyên dịch ra Hán văn là :

Hữu trí dũng hễ khả quá Thanh Hà
Tung hữu dục hễ Trường lũy bất khả quá.

Quân địch từ Bắc xuống Nam tất phải qua hai đường: Về phía Đông theo dọc bờ hễ tức là đường cái quan, về phía Tây là đường núi hiểm trở khó trèo. Còn ở giữa thì đồng bằng Đồng Hới lấy lợi không thể qua được. Lũy Đồng Hới là 1 trở lực cho quân miền Bắc không thể theo đường bộ xuống Nam.

(1) Và đơn vị đo lường, không có sự phù hợp nhau mấy. 1 trường bằng 10 xích và nếu không làm thì 1 xích ở đây có lẽ tương đương với 1 thước tàu (49Cm). Một xích (tàu) theo tự điển P. Couvreur, đo từ 70 đến hơn 35 cm. Nếu chúng ta cũng nhận ở đây là xích tương đương với thước tàu thì thước tàu khoảng 40Cm. và 1 trường dài 4m là (3.000 thước dài 12Km. Còn về lý, lượng đương với dặm, theo tự điển Générat, một dặm là 88m. 30 li là 27 cây số. Sách địa dư làm dưới triều Minh Mạng chép là lũy này dài khoảng 500 trường nghĩa là khoảng 20Km. Nhưng chúng tôi tưởng chỉ độ khoảng 12Km (3.000) trường.

(2) Võ Xá là 1 xã thuộc huyện Phong Lộc, có bên lũy rất sâu.

Bây giờ chúng ta thử theo gót quân địch để xét công dụng của Trường lũy. Giả thử rằng, quân Trịnh đã đoạt được tất cả các trạm phía Bắc lũy Đồng Hới, họ sẽ tiến xuống bằng 2 đường: Đường thủy và đường bộ. Họ thường tấn công vào cuối Đông hay đầu Xuân. Khi ấy không còn bão lớn hay mưa to mà lại có gió mùa Đông Bắc rất tiện cho việc xuôi thuyền từ Bắc vào Nam. Thành thoảng họ cũng theo đường bộ (đường núi) vừa đường thủy, nhưng thường thường họ tập trung lực lượng tại cửa sông Nhật Lệ, rồi phối hợp tấn công hai mặt thủy bộ. Nhưng trên bộ họ sẽ gặp lũy Đồng Hới và lũy Trường Sa (1) (xem phụ bản).

Dưới nước, họ sẽ gặp thủy quân nhà Nguyễn được sự trợ lực của cửa sông Nhật Lệ có đóng cọc và chằng dây xích. Chiều thuyền của họ vì thế không dễ gì từ ngoài khơi đột nhập được vào. Nhưng nếu họ đánh thắng, họ sẽ theo dòng Nhật Lệ ngược lên hợp cùng với bộ binh, vượt qua lũy Đồng Hới theo đường cái quan kéo xuống phía Nam. Nơi đây họ sẽ gặp 1 đồn binh hiểm yếu ở giữa thành Quảng Bình thuộc địa phận xã Võ Xá ngày nay. Đồn binh này rộng tới vài cây số lại có nhiều quan ải phòng thủ về mặt Bắc và Nam. Năm 1648, quân Trịnh đã chiếm được Dinh Mười và lũy Đồng Hới, tuy vậy họ cũng chưa toàn thắng vì chưa chiếm được hẳn cả miền Nam, do lẽ ở phía Tây còn có lũy Trường Dục là 1 trở lực nữa cho việc thống nhất sơn hà. Xem như thế thì cơ quan phòng thủ của Đào Duy Từ ăn khớp với nhau, cho nên dù quân Trịnh có thắng được nhiều trận lẻ tẻ, cuối cùng vì gặp những đồn lũy miền Nam, cũng cũng thành như « Dã tràng xe cát ». Và nếu họ Nguyễn vẫn được riêng liệ 1 cõi sơn hà cũng là do phần lớn công tận tụy của Đào Duy Từ vậy.

Tuy nhiên, đến năm 1885, một đạo binh Pháp theo tiếng kêu

(1) Trường Sa lũy do Chiêu Võ Hầu Nguyễn Hữu Dật (người xã Gia Miên, huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hóa), học rộng, tài cao, văn hay, võ giỏi, sai đắp năm 1635, trên bờ biển giữa cửa ĐỒNG HỚI và CỬA TÙNG (Mình Lĩnh Hải Môn) để trở lực phòng thủ cho lũy Đồng Hới, phòng khi quân địch không dò bộ ở hải khẩu Nhật Lệ mà theo đường thủy xuống quá phía Nam, đặt chân lên bãi biển ở phía Bắc cửa Tùng rồi đánh đồn quân Nguyễn từ Nam lên Bắc, quân Nguyễn lúc ấy trước mặt phải đương đầu với quân Trịnh, sau lưng mặt trường lũy Đồng Hới không còn lối để tháo thân tất phải ở vào tử địa.

nhịp trống rầm rộ tiến vào thành Đồng Hới như vào chốn bình địa không người. Lấy sức chọi sức thì được, chớ lấy sức chọi với văn minh cơ giới tối tân thì không còn thành vấn đề nữa.

Từ đó lũy và thành Đồng Hới, oanh liệt một thời không còn công dụng gì trong việc chiến thủ. Đá gạch cứ dần dần từ biệt cố lũy để dùng vào việc xây cất dinh thự quan trọng và ích lợi cho đương thời và theo thời gian, ruộng dâu hóa bãi, trường lũy Đồng Hới nay chỉ còn là một cái tên không, dù rằng xưa đã từng đóng một vai trò quân sự lớn lao trong lịch sử hai triều Nam Bắc.

Ông Bà TRẦN-ĐĂNG-ĐẠI

tập san Sứ Địa, số 11 Saigon,

nhà xuất bản Khai Trí, 1968, trang 31 đến 52

MỤC LỤC

	TRANG
Lời nói đầu	05
Tiểu sử Đào Duy Từ	09
Tựa	19
QUYỀN I. TẬP THIÊN	25
— Luận về cơ yếu binh pháp	27
— Thiên hòa công	28
1. Phép điều lửa đốt giặc (Hỏa công thiên tặc pháp)	29
2. Phép làm hỏa cầu (Hỏa cầu pháp)	30
3. Phép chế yên cầu (Yên cầu bí pháp)	31
4. Phép chế hỏa đồng (Hỏa đồng pháp)	32
5. Phép làm hỏa tiễn (Hỏa tiễn bí pháp)	33
6. Phép chôn hỏa thương dưới đất (Hỏa thương phục địa bí pháp)	33
7. Phép hỏa tiễn chứa thuốc độc (Hỏa tiễn trừ độc pháp)	34
8. Phép làm súng gỗ (Mộc bác thần lôi pháp)	36
9. Phép dũi đuốc trước gió (Phong tiễn diêm chúc pháp)	37
— Thiên thủy chiến	38
1. Phép lấy nước ngọt trong biển (Hải trung tu thủy pháp)	39
2. Phép phá xích sắt (giải pha thiết tỏa pháp)	40
3. Phép dặt lên ngầm dưới nước (thủy lạng phục liên)	40
4. Phép đóng cọc lòng sông (Giàng trung mộc sách)	41
5. Phép làm chum tre cho quân sang sông (trúc anh độ quân)	42

6. Cách lấy nước lên núi (Dụng thủy dâng sơn)	42	. Trận thứ hai: Thái tổ tam tài (Biến thái tổ tam tài trận đồ)	71
7. Phép làm cầu phao trăm cấp (Bích cấp phù kiều)	43	. Trận thứ ba: Thái thủy hồn nguyên (Biến thái thủy hồn nguyên đồ)	72
8. Phép làm voi voi nổi sóng (Hội trương lan ba)	43	. Bàn vẽ ba trận trên	73
9. Phép đặt thủy lôi dưới nước (Thủy đề tàng lôi)	44	2. Trận tiên thiên hà đồ đất hẹp nhất biển (Tiên thiên hà đồ nhất biển trận đồ)	74
— Thiên bộ chiến	47	. Trận tiên thiên Hà đồ đất rộng nhị biến (Tiên thiên Hà đồ bát quái hồ tàng dã hồ)	75
1. Phép thần cơ đập lũy tam (Tham lũy thần cơ)	48	. Bàn vẽ hai trận trên	77
2. Phép chế chiến xa bắn nhiều phát (Xung xa liên phát)	49	3. Trận bát môn kim tỏa nếu biển (Bát môn kim tỏa nhất biến trận đồ)	79
3. Phép xe guom phá giặc (Kiếm xa phát thành)	50	. Trận bát môn kim tỏa nhị biến (Bát môn kim tỏa tài biến trận đồ)	80
4. Phép gài tên dưới đất (phục địa cơ tiên)	52	. Trận bát môn kim tỏa tam biến (Bát môn kim tỏa tam biến trận đồ)	81
5. Phép ống tên dấu hình (tiên quân tiên phi)	52	. Trận bát môn kim tỏa tứ biến (Bát môn kim tỏa tứ biến trận đồ)	82
6. Phép nấu cơm ở đầu ngựa (Mã đầu bạo phần)	53	. Bàn vẽ bốn trận trên	83
7. Phép thuốc tiên chịu đói (tiên dược nại cơ)	54	4. Trận tiêu chu thiên thứ nhất: Thái cực hồn thiên (Tiên chu thiên nhất biến thái cực đồ)	86
8. Phép thang mây hai tầng (vân thế lưỡng giáp)	55	. Trận tiêu chu thiên nhị biến: Lưỡng nghi phán khai (Nhị biến lưỡng nghi đồ)	87
9. Phép súng bắn đồ núi (Xung cơ đảo nhạc)	56	. Trận tiêu chu thiên tam biến: Tứ tượng đối xung (Tam biến tứ tượng đồ)	88
— Thiên thủ trại	57	. Trận tiêu chu thiên tứ biến: Trận vương (Tứ biến phương trận đồ)	89
1. Phép máy đá giữ trại (Thạch cơ thủ trại)	59	. Trận tiêu chu thiên ngũ biến: Trận tròn (Ngũ biến viên trận đồ)	90
2. Phép nổ thần giữ trại (Thần nổ thủ trại)	60	. Trận tiêu chu thiên lục biến: Trận cong (Lục biến khúc trận đồ)	91
3. Phép giày tiên trời giặc (tiên thăng chuyên tặc)	60	. Trận tiêu chu thiên thất biến: Trận thẳng (Thất biến trực trận)	92
4. Phép nổ khô phòng gian (Linh phủ mai áp)	61		
5. Phép lười trời yểm trại (Thiên la áp trận)	62		
6. Phép chữ đinh giữ thủy trại (Thủy trại lễ đinh)	63		
7. Phép làm cờ xem hướng gió (Cao phong đốc kỳ)	64		
— Lời tổng bình và tập thiên	65		
QUYỀN II. TẬP ĐỊA	67		
— Yêu chi bàn vẽ trận	69		
— Các phép trận	71		
1. Trận thứ nhất: Thái cực bao hàm (Chính thái cực bao hàm trận đồ)	71		

.Trận tiền chu thiên bát biển : Trận nhon (Bát biển nhuệ trận)	93
.Trận tiền chu thiên cửu biển : Trường xà đảo quyền (Cửu biển trường xà đảo quyền trận)	94
.Trận tiền chu thiên thập biển : Trường xà liên châu (Thập biển liên châu trường xà trận)	95
.Bản về các trận tiền chu thiên	96
.Tổng luận về toàn chỉ chu thiên	101
— Yếu luận về giáo trường diễn trận	102
— Yếu pháp phá trận	105
— Tổng bình về tập địa	105
QUYỀN III. TẬP NHÂN	107
— Yếu chỉ bản về tướng	106
— Phép chọn tướng luyện binh	112
— Yếu luận về quân cơ	116
— Phép dạy quân đánh giặc	117
— Phép giữ thành chống giặc	121
— Yếu luận về địa thế.	122
Phụ lục : Bản đồ lũy Trường Dục và Đồng Hới. — Lũy Trường Dục và Đồng Hới.	

ĐÍNH - CHÍNH

SỐ TRANG	SỐ CÌLÔNG	IN LÀ :	ĐỌC LÀ :
21	2	đạn bay	đạn hay
22	9	Chausewitz	Clausewitz,
24	2	campange	campagne
40	8	công mình	công-minh
31	6	về sự	về sự
51	7	Quaa	Quân
55	18	ngườ	người
60	2	bồn bề	bồn bề
91	6	nướ	nước
96	23	phà	phải
111	9	sớm, muôn	sớm, muôn
114	20	Ai	Ai
115	26	thần-tính	thần-tin
124	21	mà thể	mà có thể